ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 827 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 25 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án "Sáp nhập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa vào Trường Đại học Hồng Đức"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2026/NQ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ về việc tiếp tục áp dụng văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-BGDĐT ngày 03/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Công bố văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế từ 01/01/2026 tiếp tục được áp dụng toàn bộ, một phần;

Căn cứ Kết luận số 189-KL/TU ngày 04/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án tổ chức lại Trường Đại học Hồng Đức trên cơ sở nhận sáp nhập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 28/2/2024 của UBND tỉnh về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý;

Căn cứ Công văn số 968/BGDĐT-TCCB ngày 05/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phúc đáp Công văn số 3038/UBND-THĐT của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3558/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 997/TTr-SGDĐT ngày 19/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án "Sáp nhập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa vào Trường Đại học Hồng Đức".

Điều 2. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án để thực hiện, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ đôn đốc, kiểm tra các đơn vị liên quan triển khai, thực hiện Đề án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đầu Thanh Tùng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
Sáp nhập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa vào Trường Đại học Hồng Đức

(Ban hành kèm theo Quyết định số 827 /QĐ-UBND ngày 25/ 3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

I. TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

1. Thông tin chung

- Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC.
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: HONG DUC UNIVERSITY
- Thuộc: UBND tỉnh Thanh Hoá
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 565, đường Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.
- Website: http://www.hdu.edu.vn
- Quyết định thành lập: Quyết định số 797/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hồng Đức
- Chức năng:

+ Đào tạo, bồi dưỡng trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành/chuyên ngành theo nhu cầu xã hội khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường.

+ Tổ chức nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế; xây dựng và phát triển đội ngũ, kết cấu hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của Trường; quản lý cán bộ, viên chức, tài chính, tài sản theo quy định hiện hành.

+ Lãnh đạo toàn diện công tác tổ chức và hoạt động của Trường Mầm non thực hành; Trường Tiểu học, THCS & THPT Hồng Đức theo quy định của pháp luật.

- Nhiệm vụ:

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường.

+ Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

+ Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo.

+ Tổ chức bộ máy, tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động.

+ Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, cán bộ quản lý và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục.

+ Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị.

+ Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài.

+ Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan và UBND tỉnh Thanh Hóa.

+ Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Khái quát quá trình hình thành, phát triển của Trường Đại học Hồng Đức

Trường Đại học Hồng Đức được thành lập theo Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ. Trường được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba trường cao đẳng tại Thanh Hóa: Cao đẳng Sư phạm, Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật và Cao đẳng Y tế; là trường đại học đầu tiên trong hệ thống giáo dục đại học được thành lập theo mô hình mới: Đại học công lập, đa ngành, trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quá trình hình thành và phát triển

Năm học 1998 - 1999: Nhà trường tuyển sinh đào tạo khóa đầu tiên với 03 ngành bậc đại học là Sư phạm Toán, Sư phạm Ngữ văn, Trồng trọt với tổng số 253 sinh viên; 17 ngành bậc cao đẳng (khối Sư phạm 12 ngành, Kinh tế 2 ngành, Nông Lâm nghiệp 2 ngành, Công nghệ 1 ngành). Số lượng sinh viên các bậc đào tạo là 3.726.

Năm 2004: Khoa Y của Trường tách ra để tái thành lập trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa.

Năm 2007: Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ.

Năm 2011: Ban Giám hiệu và các phòng, ban chuyển văn phòng làm việc từ phường Đông Sơn về cơ sở tại phường Đông Vệ, từ đó cơ sở này thành cơ sở chính của Trường.

Năm 2014: Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ; đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức đã trở thành cơ sở đào tạo đại học trực thuộc địa phương hoàn thiện tất cả các hệ bậc đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân từ bậc mầm non đến đào tạo trình độ tiến sĩ.

Năm 2017: Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục Trường và được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục Trường theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Năm 2019: Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức được thành lập theo Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 và Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Năm 2022: Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học chu kỳ 2 và có 26 chương trình đào tạo đạt kiểm định chất lượng.

Cơ cấu tổ chức bộ máy hiện nay được sắp xếp tinh gọn gồm có Ban Giám hiệu, 9 khoa, 7 phòng, 01 ban, 5 trung tâm, 02 trường trực thuộc là Trường Mầm non Thực hành và Trường Tiểu học, THCS & THPT Hồng Đức.

Sau 28 năm xây dựng và phát triển (1997 - 2025), Trường Đại học Hồng Đức đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào, tầm vóc và vị thế của Nhà trường ngày càng được khẳng định trong hệ thống giáo dục đại học quốc dân. Theo Viet Nam's University Rankings, năm 2024, Trường Đại học Hồng Đức đứng vị trí thứ 35 trong Bảng xếp hạng đại học Việt Nam; năm 2026, Nhà trường nâng xếp hạng lên vị trí 34.

Nhà trường đã vinh dự nhận được nhiều bằng khen và các danh hiệu cao quý do Nhà nước tặng: Huân chương Lao động hạng Ba (2002); Huân chương Lao động hạng Nhì (2011), Huân chương Lao động hạng Nhất (2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

3. Tổ chức bộ máy

3.1. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường gồm: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng; 24 đơn vị thuộc và trực thuộc, cụ thể:

- 07 phòng: Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị; Phòng Kế hoạch-Tài chính; Phòng Thanh tra - Pháp chế; Phòng Quản lý Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế; Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí; Phòng Quản lý đào tạo; Phòng Học sinh, sinh viên.

- 05 trung tâm: Trung tâm Giáo dục quốc tế; Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao Khoa học công nghệ; Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Hồng Đức; Trung tâm Công nghệ thông tin, Truyền thông và Thư viện; Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- 01 ban: Ban Quản lý Ký túc xá, Y tế và An ninh trật tự.

- 01 Trường Mầm non thực hành.

- 01 Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Hồng Đức.

- 09 khoa: Khoa Khoa học Tự nhiên; Khoa học Xã hội; Khoa Giáo dục; Khoa Giáo dục Thể chất; Khoa Ngoại ngữ; Khoa Lý luận chính trị - Luật; Khoa Kinh tế-Quản trị kinh doanh; Khoa Nông-Lâm-Ngư nghiệp; Khoa Kỹ thuật, Công nghệ và Truyền thông. Số lượng người học các ngành trong Nhà trường được báo cáo chi tiết tại *Phụ lục 1*.

3.2. Số lượng người làm việc

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn ngân sách của Nhà nước là 241 người (Trường Đại học Hồng Đức: 234 người, Trung tâm Giáo dục Quốc tế: 07 người)[1].

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp là 436 người[2].

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông Hồng Đức là 71 người[3].

- Nhà trường hiện có tổng 701 người (565 viên chức và 136 lao động hợp đồng) trong đó có 195 người có trình độ tiến sĩ (32 người được bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư); 345 người có trình độ thạc sĩ và 161 người có trình độ khác.

- Cơ cấu trình độ giảng viên: Đội ngũ cán bộ, giảng viên Nhà trường có trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp tốt đã và đang tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học trên nhiều lĩnh vực.

- Tỉ lệ giảng viên/sinh viên: 01 giảng viên/26,58 sinh viên (*Chi tiết tại Phụ lục 8*).

4. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục

4.1. Hoạt động tuyển sinh và đào tạo

Nhà trường hiện đang thực hiện đào tạo 07 ngành trình độ tiến sĩ, 22 ngành trình độ thạc sĩ, 40 ngành trình độ đại học. Quy mô tuyển sinh, số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học tăng dần theo từng năm. Tính đến tháng 31/12/2025, Nhà trường tuyển sinh được 5.576/6.980 chỉ tiêu, đạt 79,89% (trong đó: Tiến sĩ: 07 ngành, 24/38 chỉ tiêu, đạt 63,16%; Thạc sĩ: 21 ngành, 502/595 chỉ tiêu, đạt 84,71%; Đại học chính quy: 40 ngành, 2968/2985 chỉ tiêu, đạt 99.43%; Đại học liên thông VLVH, VLVH: 2082/3362 chỉ tiêu, đạt 61,93%) *(Chi tiết tại Phụ lục 1).*

Chương trình đào tạo được cập nhật hằng năm theo hướng giảm lý thuyết, tăng thực hành, bám sát Khung trình độ quốc gia và nhu cầu thực tiễn. Nhà trường đa dạng hóa hình thức đào tạo (trực tiếp, trực tuyến) và đổi mới phương pháp đánh giá theo hướng hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng CNTT, tăng thời lượng thực hành tại xưởng, trại thực nghiệm cùng các hình thức thi linh hoạt (vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập lớn) giúp phát huy tối đa năng lực và sự sáng tạo của người học.

4.2. Hoạt nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

4.2.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Giai đoạn 2023 - 2025, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của Nhà trường đạt nhiều thành tựu nổi bật. Đội ngũ cán bộ, giảng viên đã triển khai 90 đề tài các cấp (gồm 03 đề tài cấp Nhà nước, 09 cấp Bộ, 17 cấp Tỉnh); tổ chức thành công 70 hội thảo khoa học. Nhiều kết quả nghiên cứu và sản phẩm (giống lúa HĐ9, chế phẩm vi sinh, quy trình dược liệu...) đã được cấp bằng sở hữu trí tuệ, được thương mại hóa, chuyển giao rộng rãi. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được triển khai đồng bộ và hiệu quả với 219 đề tài, tập trung giải quyết các

[1] Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 22/9/2025;
[2] Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 17/7/2025;
[3] Công văn số 3037/SNV-TCCB ngày 25/6/2025.

vấn đề cấp thiết về kinh tế - xã hội và thực tiễn đời sống.

Về công bố và xuất bản, giảng viên Nhà trường đã công bố 707 bài báo khoa học, trong đó có 218 bài thuộc danh mục uy tín quốc tế (Web of Science, Scopus). Công tác biên soạn giáo trình được chú trọng với 50 tài liệu mới thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn. Đặc biệt, Tạp chí Khoa học của trường (có chỉ số ISSN) hiện được Hội đồng Giáo sư Nhà nước công nhận điểm ở 06 ngành, xuất bản đều đặn 11 số/năm (bao gồm tiếng Việt và tiếng Anh) dưới hai hình thức in và điện tử, khẳng định uy tín ngày càng cao trên diễn đàn khoa học trong và ngoài nước.

4.2.2. Hoạt động hợp tác quốc tế

Giai đoạn 2023-2025, hoạt động hợp tác quốc tế được triển khai đồng bộ và hiệu quả với 62 đoàn ra và 55 đoàn vào. Nhà trường đã mở rộng ký kết với 03 đối tác mới từ Singapore và Anh, tái ký kết với các đối tác từ Pháp, Ba Lan, đồng thời xúc tiến hợp tác với Nhật Bản và Hàn Quốc. Nhà trường đã thu hút và triển khai thành công nhiều nguồn lực quốc tế như: các chương trình giảng viên và trợ giảng Fulbright, dự án của ĐSQ Hoa Kỳ, học bổng DAAD (Đức) và các dự án về thích ứng biến đổi khí hậu từ Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Quốc tế.

Công tác đào tạo quốc tế đạt nhiều kết quả quan trọng với gần 200 Lưu học sinh Lào theo học tại các bậc; Nhà trường và nhiều giảng viên Nhà trường vinh dự nhận Huân, Huy chương từ Chủ tịch nước CHDCND Lào. Ngoài ra, Nhà trường đã duy trì hiệu quả 06 chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên, tổ chức 03 hội thảo quốc tế và thực hiện chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh với Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Anhalt (Đức).

4.3. Kết quả kiểm định, đảm bảo chất lượng đào tạo

Nhà trường đã hoàn thành kiểm định giáo dục đại học chu kỳ 2 và đạt chuẩn 4 sao theo UPM với 26 chương trình đào tạo[4] được kiểm định chất lượng khẳng định chất lượng, thương hiệu của ngành đào tạo. Đặc biệt, 100% chương trình đào tạo giáo viên ở tất cả các trình độ đã được kiểm định.

5. Số lượng người học tại cơ sở giáo dục

Nhà trường hiện đang được phép đào tạo 07 ngành trình độ tiến sĩ, 21 ngành trình độ thạc sĩ, 43 ngành trình độ đại học và 01 ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

Quy mô tuyển sinh, số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học tăng dần theo từng năm. Tính đến tháng 31/12/2025, Nhà trường tuyển sinh được 5.576/6.980 chỉ tiêu, đạt 79,89% (trong đó: Tiến sĩ: 07 ngành, 24/38 chỉ tiêu, đạt 63,16%; Thạc sĩ: 21 ngành, 502/595 chỉ tiêu, đạt 84,71%; Đại học chính quy: 40 ngành, 2968/2985 chỉ tiêu, đạt 99.43%; Đại học liên thông VLVH, VLVH: 2082/3362 chỉ tiêu, đạt 61,93%) *(Chi tiết tại Phụ lục 1).*

---

[4] 05 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (Quản trị kinh doanh, Khoa học máy tính, Quản lý giáo dục, Toán Giải tích, Lý luận và PPDH Bộ môn Văn-Tiếng Việt); 21 chương trình đào tạo trình độ đại học (Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Toán học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Sinh học, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Kế toán, Luật, Chăn nuôi, Du lịch, Tài chính-Ngân hàng, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật điện, Ngôn ngữ Anh).

Chương trình đào tạo được cập nhật hằng năm theo hướng giảm lý thuyết, tăng thực hành, bám sát Khung trình độ quốc gia và nhu cầu thực tiễn. Nhà trường đa dạng hóa hình thức đào tạo (trực tiếp, trực tuyến) và đổi mới phương pháp đánh giá theo hướng hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng CNTT, tăng thời lượng thực hành tại xưởng, trại thực nghiệm cùng các hình thức thi linh hoạt (vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập lớn) giúp phát huy tối đa năng lực và sự sáng tạo của người học.

6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

6.1. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị

- Khuôn viên, diện tích sử dụng của Trường Đại học Hồng Đức tại số 565 Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

Tổng diện tích là 38,89 ha, là nơi làm việc của các đơn vị, phòng ban, trung tâm, dạy và học, nghiên cứu khoa học của Nhà trường; bao gồm: Nhà điều hành; Trường TH, THCS & THPT Hồng Đức; Trường Mầm non thực hành; 05 giảng đường (A1, A2, A3, A5, A6), 01 tòa nhà Thư viện; 01 nhà làm việc của Trung tâm Giáo dục quốc tế và Khoa Ngoại ngữ; 01 Khu liên hợp Thể dục Thể thao; 01 Hội trường 500 chỗ ngồi; 05 Nhà ký túc xá sinh viên; 01 Nhà khách; 01 Nhà ký túc xá Lào.

- Hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, ký túc xá

Nhà trường có 173 phòng học từ 40-120 chỗ ngồi (trong đó có 30 phòng học của Trường TH, THCS & THPT Hồng Đức); 05 phòng học dốc 253 chỗ ngồi; 01 hội trường lớn 500 chỗ ngồi; 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành; 01 tòa nhà thư viện 5 tầng; 05 ký túc xá 4 tầng và 01 ký túc xá 13 tầng với tổng số 384 phòng.

- Trang thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu

Cơ sở vật chất Trường Đại học Hồng Đức được UBND tỉnh quan tâm, đầu tư theo xu hướng hiện đại, đồng bộ đáp ứng cơ bản nhu cầu cho công tác quản lý, điều hành, công tác dạy học, công tác nghiên cứu khoa học. Nhà trường có một số phòng thí nghiệm thực hành hiện đại của Khoa Khoa học Tự nhiên; Khoa KT, CN&TT; Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp; phòng thực hành, hệ thống mô phỏng Ngân hàng của Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh; Trung tâm thực hành nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn của Khoa Khoa học Xã hội.

- Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh có địa chỉ tại Phố Minh Trại, phường Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa

Tổng diện tích là 8,53 ha, là cơ sở học tập, rèn luyện giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên tỉnh Thanh Hóa. Số lượng phòng học, văn phòng: 38 phòng (trong đó, có 03 phòng học lớn cấp đại đội, 9 phòng học nhỏ cấp trung đội); Nhà KTX 05 tầng với 69 phòng, sân bãi tập luyện theo đúng tiêu chuẩn quy định *(Chi tiết tại Phụ lục 4,6).*

6.2. Tài chính, tài sản

Trường Đại học Hồng Đức là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, hoạt động theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Theo Quyết định số 2584/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh

Hóa đã giao cho Trường Đại học Hồng Đức mức độ tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025, thuộc nhóm 3 (từ 30% đến 70%). Tự chủ về chi thường xuyên của Nhà trường ước tính năm 2025 đạt tỷ lệ là 66,32%. Nguồn tài chính năm 2025: 401,275 tỷ đồng

Trong đó:

* Nguồn NSSN cấp là 206,534 tỷ đồng

- Nguồn chi thường xuyên giao tự chủ (theo định mức): 79,609 tỷ đồng
- Nguồn chi thường xuyên không giao tự chủ: 126,925 tỷ đồng

* Nguồn thu sự nghiệp: 194,741 tỷ đồng

Nguồn quỹ tại đơn vị đến thời điểm 31/12/2025: Nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 35,120 tỷ đồng, Quỹ khen thưởng: 6,239 tỷ đồng, Quỹ phúc lợi: 11,925 tỷ đồng, Quỹ bổ sung thu nhập: 5,098 tỷ đồng.

III. TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HOÁ

1. Thông tin chung

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism (viết tắt: TUCST).
- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 561, đường Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại: +(84) 2373 953 388
- Website: https://tucst.edu.vn
- Quyết định thành lập: Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

* Chức năng, nhiệm vụ:

- *Chức năng*

+ Tổ chức, triển khai các hoạt động giáo dục từ trình độ trung cấp năng khiếu đến sau đại học thuộc các ngành, chuyên ngành trong danh mục ngành đào tạo của Bộ GD&ĐT và các loại hình đào tạo khác đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương và đất nước.

+ Tổ chức, triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nhà trường, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá và cả nước.

- *Nhiệm vụ:*

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển của Trường.

+ Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

+ Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo.

+ Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của Trường.

+ Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, cán bộ quản lý và người học; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục.

+ Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị.

+ Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài.

+ Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ GD&ĐT, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

+ Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa là trường đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, chịu sự quản lý của Uỷ ban nhân dân Tỉnh Thanh Hóa và quản lý chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa tiền thân là Trường Văn hóa Nghệ thuật đào tạo cán bộ nghiệp vụ văn hoá nghệ thuật cho tỉnh Thanh Hóa trở thành một trường đại học đa ngành có nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể thao và du lịch cho vùng Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng.

Ngày 09/3/1967 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Thanh Hóa ký quyết định thành lập trường Sơ cấp Văn hóa - Nghệ thuật. Các khóa đào tạo về các bộ môn kịch, chèo, tuồng, cải lương, thông tin cổ động tổng hợp, ca múa nhạc, kẻ vẽ thông tin cổ động của Trường đã cung cấp một lực lượng cán bộ văn hoá thông tin phục vụ đắc lực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam.

Ngày 05/10/1978, Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) ký Quyết định số 918/THCN-TC nâng cấp Trường Sơ cấp Văn hóa Nghệ thuật thành Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật trực thuộc Sở Văn hóa – Thông tin Thanh Hóa.

Ngày 25/8/2004, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 4765/QĐ-BGD&ĐT-TCCB về việc thành lập Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Thanh Hóa trên cơ sở nâng cấp trường Trung học Văn hoá Nghệ thuật Thanh Hóa.

Ngày 22/7/2011, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân đã ký Quyết định số 1221/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thanh Hóa).

3. Tổ chức bộ máy

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa có cơ cấu tổ chức bộ máy gồm: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng; và 19 đơn vị thuộc trường, cụ thể:

+ 08 phòng: Phòng Hành chính - Quản trị; Phòng Tổ chức Cán bộ; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Đào tạo; Phòng Công tác Chính trị - Học sinh, Sinh viên; Phòng Truyền thông và Tuyển sinh.

+ 03 trung tâm: Trung tâm Thông tin - Thư viện; Trung tâm Giáo dục Thường xuyên và Dịch vụ; Trung tâm Công nghệ thông tin - Ngoại ngữ.

+ 08 khoa: Khoa Văn hóa - Thông tin; Khoa Luật & Quản lý Nhà nước; Khoa Giáo dục Mầm non và Tiểu học; Khoa Âm nhạc; Khoa Mỹ thuật; Khoa Du lịch; Khoa Thể dục Thể thao; Khoa Ngoại ngữ - Tin học.

- Số lượng người làm việc:

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn ngân sách của Nhà nước là 59 người.

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp là 166 người.

+ Nhà trường hiện có tổng 225 người (143 viên chức và 82 Lao động hợp đồng), trong đó có 03 người có học hàm PGS, 27 người có trình độ tiến sĩ; 42 người đang học NCS; 120 người có trình độ thạc sĩ, 23 người có trình độ đại học và 10 người có trình độ khác *(Chi tiết tại Phụ lục 3, 8).*

4. Kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển từ khi được nâng cấp thành trường đại học từ tháng 7/2011 đến nay, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đã tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, người lao động theo hướng chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học. Đội ngũ giảng viên không ngừng được nâng cao về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Chú trọng mở rộng, đa dạng hóa các ngành, các chuyên ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội và định hướng phát triển kinh tế - văn hóa - du lịch của địa phương.

Công tác NCKH, SKKN, hợp tác quốc tế cũng có nhiều đổi mới, trong đó ưu tiên việc thực hiện đề tài, công trình NCKH gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với lĩnh vực đào tạo của trường, hoạt động HTQT đi vào chiều sâu, hiệu quả với việc ký kết với nhiều đối tác mới.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học từng bước được đầu tư, nâng cấp đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành.

5. Số lượng người học tại cơ sở giáo dục

Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo 29 ngành/chuyên ngành (01 chuyên ngành tiến sĩ; 03 chuyên ngành thạc sĩ; 22 ngành đại học; 03 ngành Trung cấp Năng khiếu). Ngoài ra, Nhà trường còn đào tạo 07 nghề ngắn hạn về du lịch, mỹ

thuật, ngoại ngữ, tin học; triển khai thực hiện các đề án, dự án lĩnh vực du lịch, văn hóa, ngoại ngữ trên địa bàn toàn tỉnh; tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật thể thao cộng đồng tại tỉnh Thanh Hóa.

Số lượng người học đang theo học tại Nhà trường hiện nay là: 5.665 người học ở tất cả các trình độ, hình thức đào tạo gồm: Trình độ Trung cấp: 106, Trình độ Đại học: 5401, Trình độ Thạc sĩ: 144, Trình độ Tiến sĩ: 14 *(Chi tiết xem tại Phụ lục 2).*

6. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản

Trụ sở chính tại địa chỉ số 561 Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa có diện tích 70.299,4 m2, Nhà trường hiện có hệ thống nhà hiệu bộ, nhà chức năng và giảng đường cơ bản đáp ứng cho các hoạt động hỗ trợ dạy và học, gồm:

(1) Nhà Hiệu bộ 5 tầng

(2) Hội trường Biểu diễn với quy mô 510 chỗ ngồi;

(3) Hội trường tầng 5 (nhà B) quy mô dưới 200 chỗ ngồi;

(4) Trung tâm Đào tạo Thực hành và Dịch vụ;

(5) Nhà tập Thể dục thể thao đa năng;

(6) Trung tâm Thông tin - Thư viện.

(7) Nhà trường có 2 giảng đường chính gồm 31 phòng học thực hành, 27 phòng học lý thuyết.

(8) 01 sân bóng đá cỏ nhân tạo (11 người).

(9) 01 sân thể thao tích hợp: Sân bóng rổ, sân bóng chuyền, sân pickleball: Thiết bị được trang bị đồng bộ với các nhà chức năng, giảng đường và các đơn vị làm việc (tương ứng bao gồm các thiết bị âm thanh, ánh sáng, máy tính điều hòa) *(Chi tiết tại Phụ lục 5, 7).*

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trường ĐH Hồng Đức hiện có 09 khoa đào tạo, Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hóa có 08 khoa; trong đó:

(1) Các khoa/trường mà trường ĐH Hồng Đức có, trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá không có, gồm có: (1) Khoa Khoa học Tự nhiên (KHTN), (2) Khoa Khoa học Xã hội (KHXH), (3) Khoa Nông Lâm- Ngư Nghiệp (NLNN), (4) Khoa Kinh tế-Quản trị kinh doanh (KT-QTKD), (5) Khoa Kỹ thuật, Công nghệ và Truyền thông (KTCN&TT), (6) Trường TH, THCS, THPT Hồng Đức, (7) Trường Mầm non thực hành Hồng Đức.

(2) Các khoa mà trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá có, trường ĐH Hồng Đức không có, gồm có: (1) Khoa Du lịch, (2) Khoa Văn hóa -Thông tin, (3) Khoa Mỹ thuật, (4) Khoa Âm nhạc.

(3) Các khoa đều có ở hai trường, nhưng có thể không hoàn toàn trùng khớp, bao gồm: Ngoại ngữ (kết hợp Tin học), Thể chất (Thể dục - Thể thao), Giáo dục (Mầm non - Tiểu học) và Luật (gắn với LLCT hoặc QLNN). Đây là nhóm đơn vị trọng tâm cần rà soát để có phương án hợp nhất, sắp xếp phù hợp khi sáp nhập.

1. Ưu điểm, thuận lợi

- Hai trường luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Đảng ủy, Ban Giám hiệu hai trường, các phòng, khoa, trung tâm luôn đồng thuận, đoàn kết, biết vượt qua khó khăn hiện tại, nhiệt tình trên lĩnh vực công tác được giao, giảng dạy, công tác tốt, ham học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn.

- Tập thể cán bộ, giảng viên luôn đoàn kết thống nhất, yên tâm công tác tích cực phấn đấu trau dồi về mọi mặt; nghiêm chỉnh chấp hành mọi đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước, nội quy quy chế của Nhà trường.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên từng bước chuẩn hóa, nâng cao chất lượng và số lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu của sự phát triển Nhà trường.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Cơ cấu đội ngũ: Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đối với quy mô đào tạo các ngành chưa đồng đều. Một số ngành đặc thù (nghệ thuật, thể thao, kỹ thuật) vẫn gặp khó khăn trong việc thu hút nhân lực chất lượng cao và chuyên gia đầu ngành.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị: Mặc dù được quan tâm, đầu tư, nâng cấp và trang bị mới nhưng còn thiếu đồng bộ, còn thiếu nhiều trang thiết bị phục vụ đào tạo các ngành đặc thù.

Phần thứ hai
PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP

I. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC SÁP NHẬP

1. Sự cần thiết

1.1. Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đánh dấu sự thay đổi mạnh mẽ về chiến lược trong chính sách phát triển nguồn nhân lực của nước ta. Trước đó, Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã khẳng định tầm quan trọng chiến lược của phát triển giáo dục trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhằm trở thành tỉnh kiểu mẫu, một trong những trung tâm lớn về công nghiệp, năng lượng và du lịch vào năm 2030. Điều này đòi hỏi phải có một cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực đủ sức cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh nhà và có khả năng cạnh tranh quốc tế. Tỉnh Thanh Hóa đã và đang chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện quyết liệt và mạnh mẽ các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội XX của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, trong đó có nhiều quan điểm chỉ đạo, định hướng chiến lược tập trung vào việc nâng cao chất lượng toàn diện, hiện đại hóa, công bằng, chuyển đổi số, đổi mới thể chế chính sách trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Thực hiện Quyết định số 3558/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý, theo đó cần thiết phải sắp xếp lại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Trường Đại học Hồng Đức và Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá là hai cơ sở giáo dục đại học công lập đa ngành cùng hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, có nhiều ngành đào tạo tương đồng.

Với thực tế đó, việc sáp nhập Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch vào Trường Đại học Hồng Đức là hết sức cần thiết và hoàn toàn phù hợp với phương án phát triển mang lưới cơ sở giáo dục đại học vùng theo Quyết định số 452/QĐ-Ttg ngày 27/02/2025 về Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: *Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học của các tiểu vùng Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ, với trung tâm là Nghệ An (thành phố Vinh) và Thanh Hóa, Huế và Đà Nẵng, Khánh Hòa (thành phố Nha Trang) và Bình Định (thành phố Quy Nhơn); đầu tư nâng cấp các cơ sở giáo dục đại học trong vùng để mở rộng cơ hội tiếp cận đại học cho người dân, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo cho vùng và một số tỉnh lân cận vùng Tây Nguyên, trọng tâm là các ngành sư phạm, y dược, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, nghệ thuật, tài chính, thủy sản và du lịch.*

1.2. Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Việc tích hợp nguồn lực và tinh giản bộ máy sau sáp nhập tạo tiền đề để Nhà trường chủ động xây dựng các chương trình đào tạo liên ngành và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đặc biệt là hướng nghiên cứu ứng dụng. Trên cơ sở đó, Nhà trường bắt kịp xu thế hội nhập, trực tiếp phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn đồng thời kiến tạo quy mô phù hợp để thực hiện toàn diện cơ chế tự chủ đại học. Đây chính là giải pháp then chốt để tối ưu hóa hiệu quả đào tạo, đổi mới mô hình quản trị theo hướng hiện đại, tinh gọn; từ đó cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, có tư duy đột phá, góp phần xây dựng thương hiệu giáo dục uy tín và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Đảm bảo quyền lợi của giảng viên, viên chức, người lao động và người học

Việc đảm bảo quyền lợi cho các đối tượng chịu tác động trực tiếp là yếu tố quyết định sự thành công và tính bền vững của lộ trình sáp nhập. Đối với đội ngũ giảng viên, viên chức và người lao động, tỉnh và Nhà trường cam kết thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách theo quy định, đồng thời xây dựng phương án bố trí, sắp xếp vị trí việc làm một cách khoa học, khách quan dựa trên năng lực và sở trường. Đây là điều kiện để giảng viên, viên chức, người lao động ổn định tâm lý, tạo sự đồng thuận nội bộ mà còn mở ra cơ hội để cán bộ, giáo viên tiếp cận môi trường làm việc chuyên nghiệp hơn, tham gia vào các dự án nghiên cứu liên ngành và nâng cao trình độ chuyên môn trong một hệ sinh thái giáo dục hiện đại.

Đồng thời, quyền lợi của người học luôn được đặt ở vị trí trung tâm. Lộ trình sáp nhập được tính toán kỹ lưỡng để đảm bảo tính liên tục, ổn định trong quá trình học tập và cấp phát văn bằng. Đặc biệt, việc hợp nhất nguồn lực sẽ tạo ra một môi trường học tập ưu việt với hệ thống cơ sở vật chất dùng chung hiện đại, chương trình đào tạo đa dạng và thực tiễn hơn. Sinh viên sẽ được hưởng lợi trực tiếp từ uy tín thương hiệu của Nhà trường sau sáp nhập, từ đó gia tăng lợi thế cạnh tranh và cơ hội việc làm tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

1.4. Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đại học

Việc sáp nhập hai cơ sở giáo dục đại học trong tỉnh là bước đi chiến lược nhằm tái cấu trúc và tối ưu hóa các nguồn lực sẵn có, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và đầu tư công. Sự cộng hưởng này tạo ra một không gian phát triển mới cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ và là động lực thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phát triển mạnh mẽ. Thông qua việc tinh gọn bộ máy, chuẩn hóa đội ngũ và hiện đại hóa cơ sở vật chất dùng chung, Nhà trường sau sáp nhập sẽ là một cơ sở giáo dục đại học có tiềm lực tài chính vững mạnh và uy tín học thuật cao, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế và trực tiếp nâng tầm vị thế của giáo dục đại học địa phương trong tổng thể giáo dục đại học trên cả nước.

2. Cơ sở chính trị, pháp lý

2.1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 BCH Trung ương khóa XII "Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập".

- Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Kế hoạch số 130/KH-BCDDTKNQ18 ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW về việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

- Công văn số 1978-CV/TU, ngày 25/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc định hướng bố trí, sắp xếp cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW.

2.2. Cơ sở pháp lý

- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều

của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018.

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025.

- Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025.

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.

- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020;

- Công văn số 8562/BGDĐT-TCCB ngày 25/12/2025 của Bộ GD&ĐT về việc định hướng sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

- Quyết định số 3558/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Phương án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

3. Nguyên tắc sáp nhập

3.1. Đảng thống nhất lãnh đạo xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của toàn hệ thống chính trị; bám sát các nghị quyết, kết luận của Đảng về đổi mới, sắp xếp tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập.

3.2. Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cần căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, có tính kế thừa và phát huy kết quả triển khai trong thời gian qua, tránh sáp nhập một cách cơ học, bảo đảm phù hợp với chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, không trùng dẫm về chức năng, nhiệm vụ.

3.3. Đảm bảo quyền lợi tối đa của người học, viên chức, người lao động của hai trường; Đảm bảo sau khi sắp xếp tổng thể, hoạt động hiệu quả, có chất lượng, tăng quy mô tuyển sinh, tạo động lực phát triển bền vững; Không làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động, không làm xáo trộn, gián đoạn hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là người học.

3.4. Đảm bảo sự hài hòa về chức năng, nhiệm vụ, quy mô số người làm việc của các đơn vị thuộc và trực thuộc, trong đó có cân nhắc, xem xét đến các yếu tố có tính đặc thù chuyên môn (chẳng hạn: lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao), cụ thể:

- Các phòng/trung tâm/ban chức năng có tối thiểu từ 02 nhiệm vụ trở lên và có tối thiểu 07 người làm việc;

- Các khoa đào tạo quản lý ít nhất 02 ngành đào tạo trình độ đại học, có từ 02 bộ môn, và quy mô sinh viên từ 300 trở lên (ngoại trừ một số ngành đặc thù như Văn hóa, Nghệ thuật, Du lịch, Thể thao, NL-NN).

II. PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP

1. Phạm vi, đối tượng

1.1. Phạm vi

Sáp nhập Trường ĐH VH, TT & DL Thanh Hoá vào Trường ĐH Hồng Đức

1.2. Đối tượng

- Các đơn vị thuộc và trực thuộc của Trường ĐH Hồng Đức và Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá.

- Viên chức, người lao động của Trường ĐH Hồng Đức và Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá.

- Người học (học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh) của Trường ĐH Hồng Đức và Trường ĐH VH, TT & DL Thanh Hoá.

2. Phương án sáp nhập

2.1. Phương án bảo đảm quyền lợi của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động

2.1.1. Đối với viên chức quản lý Nhà trường

Sau khi sáp nhập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá vào Trường Đại học Hồng Đức, viên chức quản lý Nhà trường gồm có Hiệu trưởng (thực hiện việc nhất thể hóa Bí thư Đảng ủy đồng thời là Hiệu trưởng) và các Phó Hiệu trưởng, thuộc thẩm quyền Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Số lượng Phó Hiệu trưởng có thể nhiều hơn so với quy định nhưng trong vòng 5 năm, số cấp phó phải đảm bảo quy định.

2.1.2. Đối với viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc

Căn cứ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế, sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Đảng ủy Trường Đại học Hồng Đức thống nhất quyết nghị thực hiện việc sắp xếp viên chức quản lý các đơn vị thuộc và trực thuộc, dựa trên các nguyên tắc sau:

(1) Mỗi đơn vị có một (01) cấp trưởng và các cấp phó.

(2) Việc lựa chọn, sắp xếp viên chức quản lý phải căn cứ vào năng lực, sở trường, uy tín, kinh nghiệm công tác và tình hình thực tiễn của đơn vị.

(3) Đối với các đơn vị của Trường ĐH Hồng Đức được đổi tên, hoặc kiện toàn lại hoặc giữ nguyên:

- Cấp trưởng: Cơ bản giữ nguyên cấp trưởng đơn vị; có thể điều động, luân chuyển trong số viên chức quản lý hiện tại của Trường ĐH Hồng Đức.

- Cấp phó: Cơ bản giữ nguyên các cấp phó hiện tại, đồng thời có thể điều động, luân chuyển hoặc bố trí bổ sung cấp phó của Trường ĐH Hồng Đức và Trường ĐH VH,TT&DL.

(4) Đối với các đơn vị được thành lập mới trên cơ sở nguồn lực chính (về năng lực chuyên môn, trình độ, cơ sở vật chất, quy mô nhân sự) của Trường ĐH Hồng Đức:

- Cấp trưởng: Cơ bản giữ nguyên cấp trưởng đơn vị; có thể điều động, luân chuyển trong số viên chức quản lý hiện tại của Trường ĐH Hồng Đức.

- Cấp phó: Lựa chọn cấp phó trong số các viên chức quản lý cấp đơn vị của

Trường ĐH Hồng Đức và Trường ĐH VH,TT&DL.

(5) Đối với các đơn vị đổi tên hoặc kiện toàn lại hoặc thành lập mới trên cơ sở đặc thù chuyên môn của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá:

- Cấp trưởng: Cơ bản giữ nguyên cấp trưởng đơn vị hoặc lựa chọn cấp trưởng trong số các cấp trưởng đơn vị hiện có của Trường ĐH VH,TT&DL.

- Cấp phó: Cơ bản giữ nguyên các cấp phó hiện tại, đồng thời có thể điều động, luân chuyển hoặc bố trí bổ sung cấp phó của Trường ĐH VH,TT&DL và Trường ĐH Hồng Đức.

(6) Đối với các trường hợp khác: Sắp xếp viên chức quản lý trên cơ sở điều kiện tiêu chuẩn, sự phù hợp về trình độ, năng lực, sở trường công tác và tình hình thực tiễn của hai trường, bảo đảm sự hài hòa, hợp lý.

2.1.3. Lộ trình sắp xếp, tinh gọn viên chức quản lý

Sau khi sáp nhập, Trường ĐH Hồng Đức có tổng thể 27 đơn vị thuộc và trực thuộc cấp trường (giảm 16 đơn vị đạt tỉ lệ 37,21%); Số lượng viên chức quản lý cấp đơn vị thuộc và trực thuộc là 117 người (dôi dư: 39 người). Trong 5 năm (từ năm 2026 đến năm 2031), Nhà trường có 10 viên chức quản lý nghỉ hưu đúng tuổi theo quy định.

Đối với số lượng viên chức quản lý dôi dư còn lại, Nhà trường xây dựng phương án đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, nhu cầu của Nhà trường để xem xét, cân nhắc việc bổ nhiệm lại đối với cán bộ ở từng vị trí, đảm bảo sau 05 năm kể từ ngày Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số lượng viên chức quản lý các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường đúng các quy định.

2.1.4. Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý

Căn cứ theo các quy định của Luật Viên chức, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật khác liên quan, Nhà trường xây dựng phương án như sau:

- Cơ bản giữ nguyên số lượng biên chế và hợp đồng lao động hiện đang làm việc của 2 trường ở thời điểm sáp nhập, từng bước tinh giản biên chế và hợp đồng theo đề án vị trí việc làm do Trường Đại học Hồng Đức xây dựng sau khi tái cấu trúc.

- Đối với viên chức có ngạch giảng viên: Căn cứ vào năng lực chuyên môn, trình độ, kinh nghiệm giảng dạy và nguyện vọng cá nhân, Nhà trường khuyến khích các viên chức về các đơn vị đào tạo phù hợp với định hướng phát triển ngành nghề đào tạo.

- Đối với viên chức là chuyên viên: Bố trí sắp xếp ở các phòng, ban, trung tâm phù hợp với chuyên môn đào tạo và vị trí việc làm đang đảm nhận, phù hợp với cơ cấu tổ chức của Trường sau khi tái cấu trúc.

2.1.5. Đối với lao động hợp đồng

Căn cứ theo các quy định của Bộ luật Lao động hiện hành, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật khác liên quan, Nhà trường xây dựng phương án sắp xếp đối với các lao động hợp đồng như sau:

- Căn cứ theo chuyên môn, nghiệp vụ, vị trí việc làm và nhu cầu của Trường

sau khi tái cấu trúc, Nhà trường sẽ bố trí vị trí việc làm phù hợp, đúng quy định. Nhà trường tạo điều kiện đào tạo bồi dưỡng để chuyển đổi công việc đối với cá nhân không sắp xếp được công việc phù hợp.

- Đối với giảng viên chưa đáp ứng được điều kiện đào tạo ở trình độ đại học, Nhà trường sẽ bố trí đảm nhận giảng dạy ở các bậc Trung cấp, THPT, THCS, Tiểu học. Đồng thời, Nhà trường tạo điều kiện cho các giảng viên đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để đủ điều kiện đáp ứng giảng dạy đại học.

- Đối với đội ngũ viên chức, người lao động có nguyện vọng xin thôi việc, Nhà trường sẽ áp dụng theo các quy định hiện hành và đề xuất UBND tỉnh Thanh Hóa các chính sách có liên quan.

- Đối với trường hợp khi mở thêm mã ngành mới: Nhà trường được phép tuyển dụng thêm biên chế và hợp đồng lao động để mở mã ngành đáp ứng nhu cầu xã hội.

2.2. Phương án xử lý về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị, đất đai

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học quy định rõ về điều kiện diện tích khuôn viên Nhà trường; căn cứ quy mô đào tạo hiện nay (khoảng 19.000 người học) và quy mô phát triển, mở rộng tuyển sinh, đào tạo đến 2030, tầm nhìn đến 2045; Nhà trường cần tiếp tục phát triển, mở rộng thêm khuôn viên, đặc biệt là để phục vụ thực hiện thành công các nhiệm vụ về đào tạo. Trước mắt, toàn bộ cơ sở vật chất, khuôn viên của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá được tiếp nhận nguyên trạng về Trường ĐH Hồng Đức và sẽ được điều chỉnh quy hoạch, cải tạo, nâng cấp trong thời gian tới. Cụ thể:

- Điều chuyển nguyên trạng trang thiết bị đào tạo, tài sản của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá về Trường Đại học Hồng Đức để tiếp tục quản lý và sử dụng nhằm đảm bảo các điều kiện phục vụ cho hoạt động đào tạo của nhà trường được liên tục không bị gián đoạn.

- Đối với trụ sở Trường Đại học VH, TT & DL Thanh Hoá tại số 561, Đường Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa: Đề xuất tiếp nhận là cơ sở đào tạo của Trường Đại học Hồng Đức. Lý do: Tại trụ sở Trường Đại học VH, TT & DL Thanh Hoá có các phòng học thực hành đặc thù cho ngành mỹ thuật, âm nhạc, khu thể dục thể thao đa năng, hội trường biểu diễn và các thiết bị thiết yếu cho đào tạo chuyên sâu các ngành đặc thù mà Trường Đại học Hồng Đức chưa có. Chính vì vậy nếu được tiếp nhận để sử dụng đúng mục đích phục vụ cho giáo dục và đào tạo sẽ giảm bớt gánh nặng tài chính cho đầu tư mới đồng thời tránh lãng phí tài sản.

- Đối với xử lý tài sản không có nhu cầu sử dụng, tài sản hết khấu hao: Thực hiện theo Công văn số 6491/STC-QLCS-GC ngày 20/10/2021 của Sở Tài chính Thanh Hóa về việc hướng dẫn thủ tục bàn giao và thanh lý tài sản cố định.

- Đối với tài chính: Thực hiện quyết toán ngân sách của từng trường đến thời điểm sáp nhập. Đề nghị được chuyển toàn bộ dự toán ngân sách còn lại của Trường Đại học VH, TT & DL Thanh Hoá về Trường Đại học Hồng Đức; các nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác của Trường Đại học VH, TT & DL Thanh

Hoá được chuyển giao về Trường Đại học Hồng Đức để tiếp tục quản lý và sử dụng; các quỹ tài chính được hợp nhất để sử dụng.

2.3. Phương án bảo đảm quyền lợi của người học

Căn cứ các quy định của Luật giáo dục đại học và các quy định pháp luật khác có liên quan, Nhà trường xây dựng phương án đảm bảo quyền lợi người học như sau:

- Tiếp nhận toàn bộ người học của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá về các Khoa đào tạo phù hợp của Trường Đại học Hồng Đức:

+ Học sinh, sinh viên, người học đang theo học tại Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá, được tiếp tục hoàn thành khóa học, xét công nhận tốt nghiệp và Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức cấp bằng tốt nghiệp sau khi học hết chương trình đào tạo và đạt yêu cầu theo quy định của chương trình đào tạo.

+ Trường Đại học Hồng Đức xây dựng phương án công nhận tín chỉ và trình độ để đảm bảo quyền lợi của người học, đảm bảo người học tiếp tục học tập và tốt nghiệp đúng hạn, không bị ảnh hưởng về tiến độ và chất lượng.

- Nhà trường xây dựng phương án đảm bảo tối đa quyền lợi và chế độ, chính sách cho người học của 02 trường sau sáp nhập.

- Phương án quản lý văn bằng chứng chỉ:

+ Trước khi sáp nhập, Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá thống kê các dữ liệu, sổ Quyết định, sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ, số lượng văn bằng chứng chỉ …theo mỗi loại, mỗi hệ.

+ Đối với các phôi bằng, chứng chỉ đã in của các Trường với tên cũ, thực hiện hủy bỏ phôi trước khi in mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ với tên Trường Đại học Hồng Đức.

+ Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo việc in phôi, quản lý phôi và quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường với tên mới theo quy định hiện hành.

2.4. Phương án đối với các nội dung không thuộc phạm vi, đối tượng sáp nhập

Thực hiện giữ nguyên hiện trạng và xây dựng kế hoạch trong thời gian tới trên cơ sở thực tiễn, đảm bảo ổn định, tạo điều kiện phát triển bền vững.

2.5. Phương án sáp nhập

2.5.1. Ban Giám hiệu

Ban Giám hiệu Nhà trường gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng. Số lượng Phó Hiệu trưởng có thể nhiều hơn so với quy định nhưng trong vòng 5 năm, số cấp phó phải đảm bảo quy định.

2.5.2. Các đơn vị đào tạo

Trường ĐH Hồng Đức hiện có 12 đơn vị đào tạo (09 khoa, 02 trường, 01 trung tâm); Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá có 08 khoa; Sau khi sáp nhập Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hóa vào Trường ĐH Hồng Đức, các đơn vị đào tạo được kiện toàn, sắp xếp lại như sau:

(1) Khoa Khoa học Tự nhiên (KHTN): Giữ nguyên Khoa Khoa học Tự nhiên

của Trường ĐH Hồng Đức.

(2) Khoa Khoa học Xã hội (KHXH): Kiện toàn lại Khoa Khoa học Xã hội của Trường ĐH Hồng Đức trên cơ sở điều chuyển, tách một phần bộ môn quản lý ngành Công tác xã hội.

(3) Khoa Kinh tế: Kiện toàn lại và đổi tên Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh của Trường ĐH Hồng Đức thành Khoa Kinh tế trên cơ sở sáp nhập một phần các bộ môn đào tạo ngành Quản trị nhân lực của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá.

(4) Khoa Nông nghiệp và Môi trường: Đổi tên Khoa Nông-Lâm-Ngư Nghiệp của Trường ĐH Hồng Đức thành Khoa Nông nghiệp và Môi trường.

(5) Khoa Kỹ thuật-Công nghệ: Kiện toàn lại và đổi tên Khoa Kỹ thuật, Công nghệ và Truyền thông của Trường ĐH Hồng Đức thành Khoa Kỹ thuật-Công nghệ trên cơ sở sáp nhập một phần các bộ môn đào tạo các ngành Sư phạm Tin học và ngành Công nghệ Truyền thông của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá.

(6) Khoa Văn hóa-Nghệ thuật: Thành lập Khoa Văn hóa-Nghệ thuật trên cơ sở tiếp nhận nhiệm vụ đào tạo các ngành Quản lý văn hóa, Thông tin-Thư viện của Khoa Văn hóa-Thông tin và các ngành đào tạo của Khoa Âm nhạc, Khoa Mỹ thuật của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá.

(7) Khoa Du lịch: Thành lập Khoa Du lịch trên cơ sở tiếp nhận Khoa Du lịch của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá, đồng thời chuyển các ngành đào tạo về du lịch của Khoa KHXH sang cho Khoa Du lịch.

(8) Khoa Ngoại ngữ: Kiện toàn lại Khoa Ngoại ngữ của Trường ĐH Hồng Đức, trên cơ sở sáp nhập một phần các bộ môn đào tạo các ngành về Ngoại ngữ của Khoa Ngoại ngữ-Tin học của Trường ĐH VH, TT & DL Thanh Hoá vào Khoa Ngoại ngữ.

(9) Khoa Thể dục thể thao (TDTT): Kiện toàn lại và đổi tên Khoa Giáo dục Thể chất của Trường ĐH Hồng Đức thành Khoa Thể dục thể thao; đồng thời sáp nhập Khoa TD, TT của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá.

(10) Khoa Lý luận chính trị-Luật: Sáp nhập Khoa Luật-Quản lý nhà nước (QLNN) của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá vào Khoa Lý luận chính trị - Luật của Trường ĐH Hồng Đức.

(11) Khoa Giáo dục mầm non và tiểu học (GDMN&TH): Thành lập Khoa Giáo dục mầm non và tiểu học trên cơ sở sáp nhập Khoa GDMN&TH của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá; đồng thời chuyển các nhiệm vụ đào tạo ngành giáo dục mầm non và tiểu học của Khoa Giáo dục của Trường ĐH Hồng Đức.

(12) Khoa Tâm lý-Giáo dục: Kiện toàn lại và đổi tên Khoa Giáo dục của Trường ĐH Hồng Đức thành Khoa Tâm lý-Giáo dục; đồng thời chuyển các ngành đào tạo về công tác xã hội của Khoa KHXH về Khoa Tâm lý-Giáo dục.

(13) Trường Tiểu học, THCS, THPT Hồng Đức: Giữ nguyên Trường TH, THCS, & THPT Hồng Đức của Trường ĐH Hồng Đức.

(14) Trường Mầm non thực hành: Giữ nguyên Mầm non thực hành của Trường ĐH Hồng Đức.

(15) Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh (GDQP&AN): Giữ nguyên Trung tâm GDQP&AN của Trường ĐH Hồng Đức.

2.5.3. Các đơn vị phòng chức năng

Trường ĐH Hồng Đức có 07 phòng, Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá có 08 phòng; Sau khi sáp nhập Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hóa vào Trường ĐH Hồng Đức, các đơn vị phòng chức năng được kiện toàn, sắp xếp lại như sau:

(1) Phòng Kế hoạch - Tài chính (KH-TC): Sáp nhập Phòng Kế hoạch - Tài chính (KH-TC) của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá vào Phòng KH-TC của Trường ĐH Hồng Đức.

(2) Phòng Đào tạo: Kiện toàn lại và đổi tên Phòng Quản lý đào tạo của Trường ĐH Hồng Đức thành Phòng Đào tạo trên cơ sở sáp nhập Phòng Đào tạo, bộ phận Giáo dục thường xuyên (GDTX), bộ phận Tuyển sinh và bộ phận dịch vụ của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá vào Phòng Đào tạo của Trường Đại học Hồng Đức.

(3) Phòng Học sinh, Sinh viên (HSSV): Sáp nhập Phòng Công tác, Chính trị và HSSV của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá vào Phòng HSSV của Trường ĐH Hồng Đức.

(4) Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế (KH,CN& HTQT): Kiện toàn lại và đổi tên Phòng Quản lý QLKH,CN& HTQT của Trường ĐH Hồng Đức thành Phòng KH,CN& HTQT trên cơ sở bộ phận HTQT của Trung tâm Giáo dục quốc tế của Trường ĐH Hồng Đức và sáp nhập Phòng Quản lý Khoa học và HTQT của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá.

(5) Phòng Đảm bảo Chất lượng và Khảo thí (ĐBCL&KT): Sáp nhập bộ phận Khảo thí-Đảm bảo chất lượng giáo dục của Phòng Thanh tra-Khảo thí ĐBCL giáo dục của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá vào Phòng ĐBCL&KT của Trường ĐH Hồng Đức.

(6) Phòng Thanh tra-Pháp chế: Sáp nhập bộ phận Thanh tra của Phòng Thanh tra- Khảo thí ĐBCL giáo dục của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá vào Phòng Thanh tra-Pháp chế của Trường ĐH Hồng Đức.

(7) Phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC): Thành lập Phòng TC-HC trên cơ sở bộ phận Tổ chức, Hành chính của Phòng Tổ chức-Hành chính-Quản trị (TC-HC-QT) của Trường ĐH Hồng Đức và sáp nhập bộ phận Tổ chức của Phòng TC-CB và bộ phận Hành chính của Phòng Hành chính-Quản trị của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá.

(8) Phòng Quản trị Tài sản và Đầu tư: Đổi tên Phòng TC-HC-QT của Trường Đại học Hồng Đức thành Phòng Quản trị Tài sản và Đầu tư; đồng thời sáp nhập bộ phận Quản trị của Phòng Hành chính-Quản trị của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá.

2.5.4. Các trung tâm và ban

Trường ĐH Hồng Đức có 03 trung tâm và ban; Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá có 03 trung tâm; Sau khi sáp nhập Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hóa vào Trường ĐH Hồng Đức, các trung tâm và ban được kiện toàn, sắp xếp lại như

sau:

(1) Trung tâm Thư viện và Công nghệ số: Kiện toàn lại và đổi tên Trung tâm Công nghệ thông tin, Truyền thông và Thư viện của Trường ĐH Hồng Đức thành Trung tâm Thư viện và Công nghệ số trên cơ sở sáp nhập một phần Trung tâm Giáo dục quốc tế của Trường ĐH Hồng Đức và sáp nhập bộ phận Truyền thông, Trung tâm Công nghệ thông tin-Ngoại ngữ và Trung tâm Thông tin-Thư viện của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hoá.

(2) Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (HTKNĐMST): Giữ nguyên Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Trường ĐH Hồng Đức.

(3) Ban Quản lý Ký túc xá, Y tế và An ninh trật tự (KTX,YT&ANTT): Giữ nguyên Ban Quản lý KTX,YT&ANTT của Trường ĐH Hồng Đức.

2.5.5. Các đơn vị tự chủ

Trường ĐH Hồng Đức hiện có một (01) đơn vị tự chủ:

(1) Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Chuyển giao khoa học công nghệ (NCƯD&CG KHCN): Giữ nguyên Trung tâm NCƯD&CG KHCN của Trường ĐH Hồng Đức.

3. Kế hoạch, thời gian dự kiến, lộ trình thực hiện việc sáp nhập

Kế hoạch và thời gian dự kiến, lộ trình thực hiện việc sáp nhập Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá vào Trường Đại học Hồng Đức như sau:

- Thời gian: Tháng 11/2025

- Nhiệm vụ: Xây dựng, chuẩn bị điều kiện

- Nội dung công việc:

+ Thành lập Ban soạn thảo, Tổ giúp việc xây dựng Đề án;

+ Thực hiện tuyên truyền, ổn định công tác tư tưởng, tâm tư của VC, NLĐ và người học về ý nghĩa của việc sáp nhập.

- Thời gian: Tháng 12/2025

- Nhiệm vụ: Khảo sát, kiểm kê và đánh giá thực trạng

- Nội dung công việc:

+ Khảo sát, Kiểm kê chi tiết tài sản, đất đai, cơ sở vật chất và các nguồn tài chính;

+ Kiểm kê chi tiết tài sản, đất đai, cơ sở vật chất và các nguồn tài chính.

+ Rà soát, đối chiếu danh sách nhân sự, hồ sơ cán bộ, viên chức, người lao động

+ Thống kê dữ liệu đào tạo, NCKH, hồ sơ sinh viên…

- Thời gian: Tháng 01/2026

- Nhiệm vụ: Xây dựng Đề án

- Nội dung công việc:

+ Xây dựng Dự thảo Đề án

+ Xin ý kiến của các Sở, ngành liên quan

+ Hoàn thiện Đề án theo góp ý của các đơn vị

+ Hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh

+ Hoàn thiện hồ sơ trình Bộ GD&ĐT và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

- ***Thời gian***: Tháng 02 - 06/2026

- ***Nhiệm vụ***: Sắp xếp tổ chức và bàn giao

- ***Nội dung công việc:***

+ Công bố Quyết định sáp nhập chính thức.

+ Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện.

+ Kiện toàn Ban Giám hiệu và các chức danh lãnh đạo.

+ Kiện toàn các chức danh quản lý cấp phòng, ban, trung tâm, khoa.

(Chi tiết tại Phụ lục 12)

4. Thủ tục và thời gian chuyển đổi tài sản

Việc chuyển đổi, tiếp nhận và quản lý tài sản của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa sau khi sáp nhập vào Trường Đại học Hồng Đức được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn có liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và không làm gián đoạn hoạt động của Nhà trường. Thủ tục tiếp nhận tài sản được thực hiện theo các bước sau: (1) Rà soát, kiểm kê tài sản; (2) lập hồ sơ bàn giao, tiếp nhận tài sản trên thực tế; (3) Cập nhật dữ liệu và ghi sổ kế toán; (4) Điều chỉnh hồ sơ pháp lý về đất đai, nhà cửa; (5) Ban hành các quy chế quản lý, sử dụng tài sản sau sáp nhập.

4.1. Thủ tục chuyển đổi tài sản

- Tổ chức rà soát, kiểm kê toàn bộ tài sản công, nguồn vốn, công nợ, các quỹ, quyền và nghĩa vụ tài chính của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa tại thời điểm sáp nhập;

- Lập biên bản kiểm kê, phân loại tài sản theo từng nhóm (đất đai, nhà cửa, công trình xây dựng, máy móc thiết bị, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ đào tạo, tài sản vô hình, tài sản đang đầu tư);

- Xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo sổ kế toán và kết quả kiểm kê thực tế;

- Thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản giữa hai đơn vị theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; cập nhật, điều chỉnh thông tin tài sản vào sổ kế toán, hệ thống quản lý tài sản công của Trường Đại học Hồng Đức theo quy định;

- Đối với các tài sản gắn liền với đất, thực hiện thủ tục điều chỉnh hồ sơ pháp lý về đất đai, nhà ở, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về đất đai và tài sản công.

- Đối với tài sản dôi dư (trang thiết bị, bàn ghế, phương tiện vận tải…): Những tài sản đã hết thời gian hao mòn/khấu hao sẽ tiến hành kiểm kê, lập hồ sơ để thực hiện thủ tục thanh lý theo quy định. Đối với tài sản còn giá trị sử dụng, Nhà trường xây dựng phương án điều chuyển nội bộ để khai thác tối đa công năng; hoặc lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết, báo cáo

Sở Tài chính thẩm định trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Đối với tài sản còn thiếu: Trường hợp thiếu trang thiết bị thông dụng, Nhà trường sẽ chủ động cân đối từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để mua sắm, đầu tư bổ sung. Đối với các công trình hạ tầng quy mô lớn như nhà lớp học, bể bơi, sân tập đa năng, Nhà trường tiến hành rà soát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động đào tạo.

4.2. Thời gian thực hiện

- Giai đoạn chuẩn bị (trước thời điểm sáp nhập): tổ chức kiểm kê, rà soát, phân loại tài sản, nguồn vốn và hoàn thiện hồ sơ pháp lý có liên quan;

- Giai đoạn chuyển giao (tại thời điểm sáp nhập): thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản, vốn và các quyền, nghĩa vụ tài chính theo quyết định sáp nhập;

- Giai đoạn hoàn thiện (sau sáp nhập): cập nhật, điều chỉnh hồ sơ quản lý tài sản, sổ kế toán và hệ thống quản lý tài chính; sắp xếp, khai thác, sử dụng tài sản bảo đảm hiệu quả, đúng mục đích. Việc chuyển đổi tài sản và vốn góp được thực hiện đồng bộ với lộ trình sáp nhập, bảo đảm hoàn thành trong thời gian theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, không làm gián đoạn hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Thời gian chuyển đổi tài sản: Hoàn thành quý II năm 2026.

5. Phương án tự chủ tài chính

Trước khi sáp nhập, mức độ tự chủ chi thường xuyên của Trường Đại học Hồng Đức tính đến đầu năm 2026 ước đạt 66,32%, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch ước đạt 69%. Sau khi tổ chức lại, Trường Đại học Hồng Đức dự kiến xác định mức tự chủ chi thường xuyên năm 2026 trong khoảng 67 - 68%.

Mức dự kiến này được tính toán dựa trên việc cân đối nguồn thu và các chi phí phát sinh trong quá trình vận hành bộ máy mới sau sáp nhập.

Phần thứ ba
THÔNG TIN VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC SAU KHI SÁP NHẬP

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tên tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC.
- Tên tiếng Anh: HONG DUC UNIVERSITY.
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: HDU.

2. Đơn vị chủ quản: UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Trụ sở chính: 565, 561 đường Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá.

4. Số điện thoại: 02373.910.222; Fax: 02373910475.

Website: http://www.hdu.edu.vn Email: hongduc@hdu.edu.vn

5. Chức năng, nhiệm vụ

5.1 Chức năng

5.1.1. Đào tạo, bồi dưỡng trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành/chuyên ngành theo nhu cầu KT-XH của tỉnh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường.

5.1.2. Tổ chức nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế; xây dựng và phát triển đội ngũ, hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của Trường; quản lý cán bộ, viên chức, tài chính, tài sản theo quy định hiện hành.

5.1.3. Lãnh đạo toàn diện công tác tổ chức và hoạt động của Trường Mầm non thực hành; Trường TH, THCS & THPT Hồng Đức theo quy định của pháp luật.

5.2. Nhiệm vụ, quyền hạn

5.2.1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường.

5.2.2. Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

5.2.3. Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo.

5.2.4. Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động.

5.2.5. Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, cán bộ quản lý và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục.

5.2.6. Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục.

5.2.7. Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

5.2.8. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị.

5.2.9. Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài.

5.2.10. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan và UBND tỉnh Thanh Hóa.

5.2.11. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Họ và tên người dự kiến làm Hiệu trưởng

Thuộc thẩm quyền của BTV Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đa ngành, đa lĩnh vực, có chất lượng, trình độ cao, có khả năng thích ứng với sự thay đổi và yêu cầu của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

III. DỰ KIẾN QUY MÔ ĐÀO TẠO

1. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Căn cứ năng lực, nhu cầu xã hội và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh các hình thức, trình độ đào tạo theo hướng tăng từ 5-10% mỗi năm; phấn đấu đến năm 2030, quy mô tuyển sinh đạt 9000-10.000 người học, cụ thể:

Trình độ Tiến sĩ: Đào tạo 08 ngành (thời gian 36 - 48 tháng), quy mô tăng từ 45 nghiên cứu sinh (năm 2026) lên 89 nghiên cứu sinh (năm 2030).

Trình độ Thạc sĩ: Đào tạo 25 ngành (thời gian 18 - 24 tháng), quy mô tăng từ 660 học viên lên 958 học viên

Trình độ Đại học: Đào tạo 52 ngành (thời gian 4 - 4,5 năm), là trình độ đào tạo chủ lực với quy mô tăng từ 7.530 sinh viên (năm 2026) lên 9.610 sinh viên (năm 2030).

Trình độ Trung cấp: Duy trì quy mô ổn định ở mức 150 sinh viên/năm đối với 03 ngành đào tạo Thanh nhạc, Biểu diễn nhạc cụ phương Tây và Đồ họa.

2. Dự kiến quy mô đào tạo

Trường Đại học Hồng Đức sau khi sáp nhập có quy mô đào tạo là 19.572 người học (Trường Đại học Hồng Đức: 13.907 người học; Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch: 5.665 người học). Trong đó, trình độ Tiến sĩ có 78 sinh viên; trình độ Thạc sĩ có 988 sinh viên; trình độ Đại học có 18.400 sinh viên và trình độ Trung cấp có 106 sinh viên.

Hằng năm phối hợp với Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao Thanh Hóa thực hiện định hướng, tư vấn nghề nghiệp cho các Vận động viên các đội tuyển thể thao của Tỉnh, trên cơ sở đó báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đào tạo phù hợp với các vận động viên.

Quy mô đào tạo hằng năm dự kiến tăng từ 10-15% đối với các ngành đào tạo trình độ đại học, 5-10% với các ngành đào tạo khác.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường và các đơn vị, tổ chức thuộc và trực thuộc

1.1. Ban Giám hiệu

Ban Giám hiệu Nhà trường gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng. Số lượng Phó Hiệu trưởng do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

1.2. Các phòng, khoa, đơn vị trực thuộc

1.2.1. Các đơn vị phòng chức năng (08 phòng):

(1) Phòng Kế hoạch - Tài chính
(2) Phòng Đào tạo
(3) Phòng Học sinh, Sinh viên
(4) Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế
(5) Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí
(6) Phòng Thanh tra - Pháp chế
(7) Phòng Tổ chức - Hành chính

(8) Phòng Quản trị Tài sản và Đầu tư

1.2.2. Các trung tâm và ban (03 đơn vị):

(1) Trung tâm Thư viện và Công nghệ số

(2) Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

(3) Ban Quản lý Ký túc xá, Y tế và An ninh trật tự

1.2.3. Các đơn vị đào tạo (15 đơn vị)

(1) Khoa Khoa học Tự nhiên

(2) Khoa Khoa học Xã hội

(3) Khoa Kinh tế

(4) Khoa Nông nghiệp và Môi trường

(5) Khoa Kỹ thuật - Công nghệ

(6) Khoa Văn hóa - Nghệ thuật

(7) Khoa Du lịch

(8) Khoa Ngoại ngữ

(9) Khoa Thể dục thể thao

(10) Khoa Lý luận chính trị - Luật

(11) Khoa Giáo dục mầm non và tiểu học

(12) Khoa Tâm lý-Giáo dục

(13) Trường Mầm non thực hành

(14) Trường TH, THCS & THPT Hồng Đức

(15) Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh

1.2.4. Các đơn vị tự chủ (01 đơn vị)

(1) Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Chuyển giao khoa học công nghệ

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Trình bày chi tiết tại Phụ lục 10.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, tổ chức thuộc và trực thuộc

Trình bày chi tiết tại Phụ lục 10.

V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG

1. Đất đai, cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học quy định rõ về điều kiện diện tích khuôn viên Nhà trường; căn cứ quy mô đào tạo của Nhà trường sau sáp nhập (khoảng 19.000 người học) thì Nhà trường cần tiếp tục phát triển, mở rộng thêm khuôn viên, đặc biệt là để phục vụ thực hiện thành công các nhiệm vụ về đào tạo.

Trước mắt, toàn bộ đất đai, cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo của Trường ĐH VH, TT & DL Thanh Hoá được tiếp nhận nguyên trạng về Trường ĐH Hồng Đức và sẽ được điều chỉnh quy hoạch, cải tạo, nâng cấp trong thời gian tới. Cụ thể:

Đối với đất đai: Trường Đại học Hồng Đức sau sáp nhập sẽ quản lý và sử dụng hệ thống quỹ đất với tổng diện tích đất tại các cơ sở là hơn 54,4 ha. Với quy mô này, Nhà trường hoàn toàn đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích đất/sinh viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo: Trường Đại học Hồng Đức sau

sáp nhập đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo hiện đại, đồng bộ và có quy mô lớn, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của một cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao.

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

Trường Đại học Hồng Đức sau khi sáp nhập có tổng số 924 viên chức, người lao động (707 viên chức, 217 lao động hợp đồng). Số lượng giảng viên có trình độ Tiến sĩ là 225 người, chiếm tỷ lệ 24,35%, trong đó có 34 PGS, TS chiếm tỷ lệ 3,68%. Số lượng VC, NLĐ có trình độ thạc sĩ là 506 người, chiếm tỷ lệ 54,76%, trình độ Đại học và dưới Đại học là 193 người. 100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ ngoại ngữ/tin học theo khung năng lực quốc gia. Đội ngũ cán bộ quản lý gồm Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc gồm 125 người, có kinh nghiệm quản lý giáo dục. Bộ máy hành chính được tinh gọn, vận hành theo cơ chế chuyển đổi số (E-office).

3. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy cho từng ngành, nghề

Nhà trường có Trung tâm thư viện được kết nối liên thông với các trường đại học trong nước và quốc tế, đảm bảo đầy đủ tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy, học tập của 08 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, 23 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, 52 ngành đào tạo trình độ đại học, 03 ngành đào tạo trình độ trung cấp và và chương trình bồi dưỡng với 150.043 bản, 19.482 đầu sách (trung bình 221 đầu sách/CTĐT).

4. Nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn để thực hiện đề án

Sau khi sáp nhập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá vào Trường Đại học Hồng Đức, để đảm bảo hoạt động ổn định, đồng bộ về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và điều kiện đào tạo Trường đại học Hồng Đức hợp nhất nhu cầu bố trí vốn để phục vụ giai đoạn chuyển tiếp và phát triển. Tổng nhu cầu đầu tư vốn đầu tư giai đoạn 2026-2030 dự kiến khoảng 600 tỷ đồng tập trung cho cải tạo, nâng cấp cơ sở hiện có, ưu tiên các hạng mục phục vụ trực tiếp cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và hạ tầng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Việc quản lý, sử dụng vốn đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, tận dụng tối đa cơ sở vật chất hiện có của 2 trường trước khi sáp nhập.

Cơ chế quản lý thu, chi học phí: Việc thu học phí của Trường sau sáp nhập được thực hiện theo quy định hiện hành đối với cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ một phần chi thường xuyên theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP. Đối với người học đang học, mức học phí năm học phí năm học 2025-2026 được giữ ổn định theo cam kết ban đầu của các Nhà trường. Năm học 2026-2027, Nhà trường sẽ thống nhất chính sách thu học phí trên cơ sở các quy định hiện hành và thông báo đến người học theo quy định.

Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Trường Đại học

Hồng Đức và các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng; hướng dẫn thực hiện quy trình sắp xếp tổ chức bộ máy, bàn giao số lượng người làm việc, viên chức, lao động hợp đồng và hồ sơ cán bộ từ Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch sang Trường Đại học Hồng Đức.

Hướng dẫn Trường Đại học Hồng Đức xây dựng phương án sắp xếp, bố trí, sử dụng viên chức, người lao động sau khi sáp nhập; xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Đại học Hồng Đức.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Nội vụ triển khai Quyết định của Thủ tướng; hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn trong việc bàn giao người học, chương trình đào tạo và các hồ sơ học thuật liên quan, đảm bảo quyền lợi của sinh viên và tính liên tục của hoạt động giáo dục.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa thực hiện các nội dung có liên quan đến việc xử lý, bàn giao tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị trụ sở theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì, hướng dẫn việc phân bổ, điều chuyển và thực hiện Dự toán ngân sách năm 2026 của Trường Đại học Hồng Đức theo đúng quy định của pháp luật.

- Tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Phương án tự chủ tài chính của Trường Đại học Hồng Đức sau khi sáp nhập; trình cấp có thẩm quyền quyết định việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí hoặc xử lý các vấn đề tài chính phát sinh vượt thẩm quyền trong quá trình sáp nhập.

4. Sở Xây dựng

Sở Xây dựng phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn trường Đại học Hồng Đức và Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá hoàn thành các thủ tục, hồ sơ, tài liệu, báo cáo UBND tỉnh ra quyết định đối với tài sản công là các cơ sở nhà đất có liên quan theo đúng quy định của luật Tài sản công.

- Tham mưu cho UBND tỉnh về phương án quản lý, quy hoạch hạ tầng và tối ưu hóa công năng sử dụng đất đai, cơ sở vật chất của các cơ sở của Nhà trường sau khi sáp nhập; thực hiện thẩm định, phê duyệt các dự án cải tạo, sửa chữa hoặc đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình nhằm đáp ứng quy mô đào tạo và yêu cầu phát triển của Trường Đại học Hồng Đức sau khi sáp nhập.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn Trường Đại học Hồng Đức thực hiện trình tự, thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho Nhà trường sau khi sáp nhập Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

- Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các thủ tục đăng ký biến động, điều chỉnh trích lục bản đồ địa chính, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa sang tên Trường Đại học Hồng Đức; đảm bảo tính thống nhất về hồ sơ địa chính và pháp lý đất đai của Nhà trường sau khi sáp nhập.

6. Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Tổng hợp, thống kê, lập danh sách viên chức, lao động hợp đồng; tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, các chứng từ, hồ sơ tài liệu có liên quan để tiến hành thủ tục chuyển giao nguyên trạng cho Trường Đại học Hồng Đức.

7. Trường Đại học Hồng Đức

- Tiếp nhận cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng; tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, trụ sở và hồ sơ cán bộ từ Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa chuyển sang.

- Xây dựng phương án sắp xếp, bố trí, cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng; tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị và trụ sở đảm bảo đúng quy định.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, chi tiết cho từng giai đoạn (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phần thứ năm
HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về kinh tế

Việc sáp nhập không chỉ đơn thuần là thu gọn đầu mối mà còn tạo ra một nguồn lực thúc đẩy kinh tế đáng kể cho ngân sách tỉnh Thanh Hóa. Việc thực hiện tinh gọn bộ máy lãnh đạo và các đơn vị gián tiếp giúp tỉnh tiết kiệm đáng kể ngân sách chi thường xuyên, đồng thời tập trung nguồn lực để kiện toàn cơ cấu tổ chức, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và khẳng định uy tín của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Ngoài ra, hiệu quả kinh tế còn thể hiện rõ nét trong việc quản trị tài sản công; thay vì duy trì các hạng mục đầu tư rời rạc tại hai cơ sở, việc tập trung nguồn lực giúp đồng bộ hóa cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm và thư viện điện tử, tránh lãng phí trong mua sắm và xây dựng.

Trong thời gian tiếp theo, một cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực quy mô đào tạo lớn sẽ nâng cao năng lực tự chủ tài chính, tạo sức hút mạnh mẽ trong việc kêu gọi các dự án xã hội hóa giáo dục, hợp tác quốc tế và cung cấp các dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp, từ đó tạo ra nguồn thu bền vững, đóng góp ngược lại cho sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thanh Hoá.

2. Về xã hội, môi trường

Xét dưới góc độ xã hội, Đề án mang lại giá trị nhân văn sâu sắc khi mở ra cơ hội học tập trong một môi trường giáo dục chất lượng cao, hiện đại và toàn diện cho con em nhân dân trong tỉnh và khu vực lân cận. Việc hội tụ đội ngũ trí thức, giảng viên có trình độ cao từ cả hai nhà trường tạo nên một cộng đồng khoa học mạnh, có khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn của xã hội của tỉnh Thanh Hoá.

Sinh viên được thụ hưởng chương trình đào tạo liên ngành độc đáo, giúp tăng khả năng thích nghi và cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Đồng thời, nhà trường sau sáp nhập sẽ đóng vai trò là trung tâm kết nối văn hóa - thể thao của tỉnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, thúc đẩy ý thức bảo tồn di sản văn hóa và tạo dựng môi trường sống văn minh, lành mạnh cho cộng đồng xung quanh.

3. Tính bền vững của Đề án

Tính bền vững của đề án được xây dựng trên nền tảng pháp lý vững chắc và sự phù hợp tuyệt đối với quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học đến năm 2030. Đây là một bước đi chiến lược, có lộ trình rõ ràng nhằm giải quyết căn bản tình trạng manh mún trong đào tạo, giúp Trường Đại học Hồng Đức đạt được các mục tiêu chiến lược để khẳng định vị thế là đại học đa ngành, đa lĩnh vực hàng đầu khu vực Bắc Trung Bộ. Sự sáp nhập này kế thừa toàn bộ tinh hoa, uy tín của hai ngôi trường giàu truyền thống, đảm bảo sự chuyển tiếp ổn định về mặt nhân sự và tư tưởng. Với cơ cấu tổ chức linh hoạt và tầm nhìn dài hạn, trường có khả năng tự điều chỉnh để phù hợp với sự vận động của thị trường lao động và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Sự ổn định về tổ chức, sự đồng thuận của đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động là cam kết mạnh mẽ nhất cho sự phát triển trường tồn và không ngừng lớn mạnh của nhà trường trong tương lai./.

PHỤ LỤC 1. SỐ LƯỢNG NGƯỜI HỌC CÁC TRÌNH ĐỘ, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

TT	Tên khoa đào tạo	Tên ngành đào tạo	Tuyển sinh năm 2025				Hình thức đào tạo			Tổng cộng số sinh viên đang học tại trường tính đến ngày 31/12/2025
			Chính quy	LT CQ	VL VH	Tổng tuyển sinh 2025	Đào tạo chính quy (K22-K28)	Đào tạo LTCQ (K25-K28)	Đào tạo VLVH (K24-K28)	
I	**Trình độ Đại học**		**2932**	**35**	**2045**	**5012**	**7876**	**438**	**4685**	**12999**
1	Khoa Khoa học Tự nhiên	Sư phạm Hóa học	13		2	15	28	0	24	52
		Sư phạm Sinh học	15		0	15	31	0	20	51
		Sư phạm Toán học	20		274	294	106	0	490	596
		Sư phạm Toán học (Chương trình chất lượng cao)	0		0	0	20	0	0	20
		Sư phạm Vật lý	13		0	13	28	0	0	28
		Sư phạm Khoa học Tự nhiên	14		0	14	66	0	0	66
		Toán học	80		0	80	80	0	0	80
2	Khoa Khoa học Xã hội	Du lịch	60		0	60	136	0	0	136
		Sư phạm Ngữ văn	20		61	81	104	0	139	243
		Sư phạm Địa lý	13		43	56	33	0	79	112
		Quản lý tài nguyên và môi trường	0		0	0	9	0	0	9
		Sư phạm Ngữ văn (Chương trình chất lượng cao)	0		0	0	22	0	0	22
		Sư phạm Lịch sử	12		39	51	21	0	63	84
		Sư phạm Lịch sử (Chương trình chất lượng cao)	0		0	0	17	0	0	17
		Quản trị khách sạn	55		0	55	82	0	0	82
		Sư phạm Lịch sử - Địa lý	15		0	15	34	0	0	34

TT	Tên khoa đào tạo	Tên ngành đào tạo	Tuyển sinh năm 2025				Hình thức đào tạo			Tổng cộng số sinh viên đang học tại trường tính đến ngày 31/12/2025
			Chính quy	LT CQ	VL VH	Tổng tuyển sinh 2025	Đào tạo chính quy (K22-K28)	Đào tạo LTCQ (K25-K28)	Đào tạo VLVH (K24-K28)	
		Văn học	143		0	143	143	0	0	143
		Công tác xã hội	64		0	64	64	0	0	64
3	Khoa Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh	29		204	233	222	14	390	626
		Ngôn ngữ Anh	392		152	544	1018	63	352	1433
4	Khoa Giáo dục	Giáo dục Tiểu học	79		617	696	436	84	1587	2107
		Giáo dục Mầm non	31		346	377	296	93	609	998
		Tâm lý học	181		18	199	319	0	27	346
5	Khoa Giáo dục Thể chất	Giáo dục thể chất	14		94	108	78	0	168	246
		Huấn luyện thể thao	53		0	53	99	0	0	99
6	Khoa KT, CN & TT	Công nghệ thông tin	217	20	19	256	614	49	26	689
		Sư phạm Tin học	15		0	15	77	0	29	106
		Truyền thông đa phương tiện	76		0	76	153	0	0	153
		Khoa học vật liệu	17		0	17	17	0	0	17
		Kỹ thuật điện	125		15	140	219	3	49	271
		Kỹ thuật xây dựng	38		9	47	111	25	67	203
7	Khoa KT-QTKD	Kế toán	334	1	64	399	1208	31	155	1394
		Quản trị kinh doanh	222		30	252	610	17	62	689
		Tài chính - Ngân hàng	97	1	0	98	299	0	0	299
		Kinh tế	48	1	0	49	123	0	0	123
		Kiểm toán	14		0	14	47	0	0	47
		Logistics và quản lý chuỗi cung	137		0	137	190	0	0	190

TT	Tên khoa đào tạo	Tên ngành đào tạo	Tuyển sinh năm 2025				Hình thức đào tạo			Tổng cộng số sinh viên đang học tại trường tính đến ngày 31/12/2025
			Chính quy	LT CQ	VL VH	Tổng tuyển sinh 2025	Đào tạo chính quy (K22-K28)	Đào tạo LTCQ (K25-K28)	Đào tạo VLVH (K24-K28)	
		ứng								
8	Khoa LLCT - Luật	Luật	108		44	152	298	48	189	535
		Luật Kinh tế	60		0	60	119	0	0	119
		Chính trị học	18		0	18	18	0	0	18
9	Khoa NLNN	Chăn nuôi - Thú y	51	12	0	63	148	11	0	159
		Chăn nuôi	0		0	0	29	0	9	38
		Nông học	0		0	0	2	0	2	4
		Khoa học cây trồng	9		14	23	30	0	33	63
		Quản lý đất đai	12		0	12	42	0	101	143
		Kinh tế nông nghiệp	18		0	18	30	0	0	30
		Lâm học	0		0	0	0	0	15	15
II	**Trình độ Thạc sĩ**									**844**
1	Khoa Khoa học Tự nhiên	Động vật học								06
		Thực vật học								01
		Vật lý lý thuyết và Vật lý toán								10
		Vật lý chất rắn								07
		Hoá hữu cơ								11
		Toán giải tích								36
		Đại số và Lý thuyết số								20
		Phương pháp Toán sơ cấp								34
2	Khoa Khoa học	Phương pháp DH BM Văn - TV								40

TT	Tên khoa đào tạo	Tên ngành đào tạo	Tuyển sinh năm 2025				Hình thức đào tạo			Tổng cộng số sinh viên đang học tại trường tính đến ngày 31/12/2025
			Chính quy	LT CQ	VL VH	Tổng tuyển sinh 2025	Đào tạo chính quy (K22-K28)	Đào tạo LTCQ (K25-K28)	Đào tạo VLVH (K24-K28)	
	Xã hội	Ngôn ngữ Việt Nam								05
		Văn học VN								26
		Lịch sử VN								10
		Địa lý học								18
3	Khoa Giáo dục	Quản lý giáo dục								198
4	Khoa KT,CN&TT	Khoa học máy tính								32
		Kỹ thuật xây dựng								07
5	Khoa KT-QTKD	Quản lý kinh tế								163
		Quản trị kinh doanh								94
		Tài chính – Ngân hàng								24
		Kế toán								87
6	Khoa NLNN	Khoa học cây trồng								15
III	**Trình độ Tiến sĩ**									**64**
1	Khoa Khoa học Xã hội	Phương pháp DH BM Văn - TV								05
		Lịch sử Việt Nam								02
2	Khoa Giáo dục	Quản lý giáo dục								13
3	Khoa KT,CN&TT	Khoa học máy tính								09
4	Khoa KT-QTKD	Quản trị kinh doanh								30
5	Khoa NLNN	Khoa học cây trồng								05
Tổng (I+II+ III)										**13.907**

PHỤ LỤC 2. SỐ LƯỢNG NGƯỜI HỌC CÁC TRÌNH ĐỘ, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VH, TT & DL THANH HOÁ

TT	Tên khoa đào tạo	Tên ngành đào tạo	Tuyển sinh năm 2025 (1)				Hình thức đào tạo (2)			Tổng cộng số sinh viên đang học tại trường tính đến ngày 28/12/2025 (tổng 1 + 2)
			Chính quy	LT CQ	VLVH	Tổng tuyển sinh năm 2025	Đào tạo Chính quy Từ khóa tuyển sinh năm 2019 đến 01/2025 (K8-K13)	Đào tạo LTCQ Từ khóa tuyển sinh năm 2022 đến 01/2025 (K11-13)	Đào tạo VLVH Từ khóa tuyển sinh năm 2021 đến 01/2025 (K10-K13)	
I	**Trình độ Trung cấp**									**106**
1	**Âm nhạc**	Thanh nhạc	13	0	0	13	33	0	0	46
		Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	3	0	0	03	12	0	0	15
2	**Mỹ thuật**	Hội hoạ	19	0	0	19	26	0	0	45
I	**Trình độ Đại học**									**5401**
1	**Giáo dục mầm non & Tiểu học**	Giáo dục mầm non	31	110	102	243	182	144	489	1058
		Giáo dục tiểu học	30	0	33	63	75	0	0	138
2	**Âm nhạc**	Thanh nhạc	40	8	0	48	60	0	0	108
		Sư phạm âm nhạc	09	51	87	147	45	01	165	358
3	**Mỹ thuật**	Thiết kế thời trang	0	0	0	0	01	0	0	01
		Đồ hoạ	14	0	0	14	32	0	0	46
		Sư phạm mỹ thuật	11	43	87	141	27	05	148	321
4	**Du lịch**	Du lịch	20	0	0	20	25	0	0	45
		Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	48	0	0	48	51	0	0	99
		Quản trị khách sạn	31	0	0	31	68	0	0	99
		Quản trị nhân lực	17	0	0	17	0	0	0	17
5	**Luật & Quản lý nhà nước**	Quản lý nhà nước	05	05	0	10	11	09	0	30
		Luật	3	60	0	63	13	119	51	246

TT	Tên khoa đào tạo	Tên ngành đào tạo	Tuyển sinh năm 2025 (1)				Hình thức đào tạo (2)			Tổng cộng số sinh viên đang học tại trường tính đến ngày 28/12/2025 (tổng 1 + 2)
			Chính quy	LT CQ	VLVH	Tổng tuyển sinh năm 2025	Đào tạo Chính quy Từ khóa tuyển sinh năm 2019 đến 01/2025 (K8-K13)	Đào tạo LTCQ Từ khóa tuyển sinh năm 2022 đến 01/2025 (K11-13)	Đào tạo VLVH Từ khóa tuyển sinh năm 2021 đến 01/2025 (K10-K13)	
6	**Thể dục thể thao**	Quản lý thể dục thể thao	77	0	0	77	112	0	0	189
		Giáo dục thể chất	13	0	13	26	36	0	0	62
		Huấn luyện thể thao	75	0	0	75	29	0	0	104
7	**Văn hoá - Thông tin**	Thông tin - thư viện	0	0	0	0	01	0	0	01
		Thông tin - Thư viện *(Chuyên ngành: Thư viện - Thiết bị trường học)*	6	141	126	273	03	224	248	748
		Thông tin - Thư viện *(Chuyên ngành: Công nghệ thông tin ứng dụng)*	0	0	0	0	01	0	0	01
		Thông tin - Thư viện *(Chuyên ngành: Văn thư - Lưu trữ)*	05	119	241	365	03	143	338	849
		Công tác xã hội	10	25	0	35	07	17	0	59
		Quản lý văn hoá	07	25	0	32	08	62	19	121
8	**Ngoại ngữ - Tin học**	Sư phạm tin học	15	0	1	16	15	0	0	31
		Ngôn ngữ Anh	11	226	0	237	44	282	71	634
		Công nghệ truyền thông	13	0	0	13	14	0	0	27
		Lưu học sinh Lào học Tiếng Việt	09	0	0	09	0	0	0	09
III	**Trình độ Thạc sĩ**					**72**				**144**
1	Luật và Quản lý NN	Quản lý công	36	0	0	36	29	0	0	65

TT	Tên khoa đào tạo	Tên ngành đào tạo	Tuyển sinh năm 2025 (1)				Hình thức đào tạo (2)			Tổng cộng số sinh viên đang học tại trường tính đến ngày 28/12/2025 (tổng 1 + 2)
			Chính quy	LT CQ	VLVH	Tổng tuyển sinh năm 2025	Đào tạo Chính quy Từ khóa tuyển sinh năm 2019 đến 01/2025 (K8-K13)	Đào tạo LTCQ Từ khóa tuyển sinh năm 2022 đến 01/2025 (K11-13)	Đào tạo VLVH Từ khóa tuyển sinh năm 2021 đến 01/2025 (K10-K13)	
2	Văn hoá – Thông tin	Quản lý văn hoá	26	0	0	26	33	0	0	59
3	Ngoại ngữ - Tin học	Ngôn ngữ Anh	10	0	0	10	10	0	0	20
IV	**Trình độ Tiến sĩ**									**14**
1	Văn hoá - Thông tin	Quản lý văn hoá	02	0	0	02	12	0	0	14
Tổng (I+ II+ III+ IV)										**5665**

Ghi chú: Trình độ Trung cấp năm 2025 là K37. Trình độ Thạc sĩ năm 2025 là: Quản lý Văn hóa K10, Quản lý Công K5, Ngôn ngữ Anh K2 * Trình độ Tiến sĩ năm 2025: Quản lý văn hóa K4

PHỤ LỤC 3. CƠ CẤU SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VH, TT & DL THANH HOÁ

TT	Tên đơn vị	Cơ cấu số lượng người làm việc																	
		Tổng số				Viên chức							Lao động hợp đồng						
			Lãnh đạo đơn vị			Viên chức 1			Viên chức 2				Theo Nghị định số 111				Đơn vị ký (tự chủ)		
			Trình độ			Trình độ			Trình độ				Trình độ				Trình độ		
			ĐH	ThS	TS	ĐH	ThS	TS	Khác	ĐH	ThS	TS	ĐH	ThS	TS	Khác	ĐH	ThS	TS
I	**LÃNH ĐẠO TRƯỜNG**	**4**			**4**			**4**											
1	**Khoa Âm nhạc**	**18**		**1**	**2**														
1.1	*Bộ môn Sư phạm âm nhạc*	3	0	0	0	0	1	1		0	1	0	0	0	0		0	0	0
1.2	*Bộ môn Thanh nhạc-Nhạc cụ*	13	0	0	0	0	2	2		0	7	0	0	1	0		0	1	0
1.3	*Giáo vụ khoa*	2	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0		0	2	0
2	**Khoa Du lịch**	**12**		**1**	**2**														
2.1	*Bộ môn Du lịch*	4	0	0	0	0	0	1		0	1	1	0	0	0		0	1	0
2.2	*Bộ môn Quản trị khách sạn*	3	0	0	0	0	0	0		0	2	0	0	0	0		0	1	0
2.3	*Bộ môn Quản trị DVDL &LH*	3	0	0	0	0	1	0		0	1	0	0	0	0		0	1	0
2.4	*Bộ môn Quản trị nhân lực*	1	0	0	0	0	0	1		0	0	0	0	0	0		0	0	0
2.5	*Giáo vụ khoa*	1																1	
3	**Khoa Mỹ Thuật**	**16**		**1**	**1**														
3.1	*Bộ môn Sư phạm Mỹ thuật*	7	0	0	0	0	1	1		0	3	0	0	0	0		0	2	0
3.2	*Bộ môn Đồ họa*	4	0	0	0	0	1	0		0	1	0	0	0	0		0	2	0
3.3	*Bộ môn Thiết kế thời trang*	4	0	0	0	0	1	0		0	2	0	0	0	0		0	1	0
3.4	*Giáo vụ khoa*	1	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	1	0		0	0	0
4	**Khoa Ngoại ngữ- Tin học**	**12**		**1**	**1**														
4.1	*Bộ môn Ngôn ngữ Anh*	7	0	0	0	0	0	1		0	3	0	1	1	0		0	1	0

TT	Tên đơn vị	Cơ cấu số lượng người làm việc																	
		Tổng số				Viên chức							Lao động hợp đồng						
			Lãnh đạo đơn vị			Viên chức 1			Viên chức 2				Theo Nghị định số 111			Đơn vị ký (tự chủ)			
			Trình độ			Trình độ			Trình độ				Trình độ			Trình độ			
			ĐH	ThS	TS	ĐH	ThS	TS	Khác	ĐH	ThS	TS	ĐH	ThS	TS	Khác	ĐH	ThS	TS
4.2	*Bộ môn Công nghệ truyền thông*	3	0	0	0	0	1	0		0	2	0	0	0	0		0	0	0
4.3	*Bộ môn Sư phạm tin học*											0	0	0	0		0	0	0
4.4	*Giáo vụ khoa*	2	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0		1	1	0
5	**Khoa Giáo dục Mầm non & Tiểu học**	**15**		**0**	**2**														
5.1	*Bộ môn Giáo dục Mầm non*	5	0	0	0	0	0	2		0	1	0	0	0	0		0	2	0
5.2	*Bộ môn Giáo dục Tiểu học*	6	0	0	0	0	0	1		0	4	0	1	0	0		0	0	0
5.3	*Bộ môn Tâm lý – Giáo dục*	2	0	0	0	0	0	0		0	2	0	0	0	0		0	0	0
5.4	*Giáo vụ khoa*	2	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0		0	2	0
6	**Khoa Luật & Quản Lý Nhà nước**	**13**			**2**														
6.1	*Bộ môn Lý luận chính trị*	5	0	0	0	0	0	2		0	3	0	0	0	0		0	0	0
6.2	*Bộ môn Luật*	6	0	0	0	0	0	1		0	4	0	0	0	0		0	1	0
6.3	*Bộ môn Quản lý nhà nước*	1	0	0	0	0	1	0		0	0	0	0	0	0		0	0	0
6.4	*Giáo vụ khoa*	1	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0		0	1	0
7	**Khoa Thể dục- Thể thao**	**11**			**3**														
7.1	*Bộ môn Giáo dục thể chất*	**9**	**0**	**0**		**0**	**1**	**3**		**0**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**		**0**	**1**	**0**
7.2	*Bộ môn Quản lý thể thao*																		
7.3	*Bộ môn Huấn luyện thể thao*																		
7.4	*Giáo vụ khoa*	2	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0		0	2	0
8	**Khoa Văn hóa- Thông tin**	**16**		**1**	**1**														

TT	Tên đơn vị	Cơ cấu số lượng người làm việc																	
		Tổng số				Viên chức							Lao động hợp đồng						
			Lãnh đạo đơn vị			Viên chức 1			Viên chức 2				Theo Nghị định số 111			Đơn vị ký (tự chủ)			
			Trình độ			Trình độ			Trình độ				Trình độ			Trình độ			
			ĐH	ThS	TS	ĐH	ThS	TS	Khác	ĐH	ThS	TS	ĐH	ThS	TS	Khác	ĐH	ThS	TS
8.1	*Bộ môn Quản lý văn hoá*	7	0	0	0	0	0	2		0	4	1	0	0	0		0	0	0
8.2	*Bộ môn Thông tin thư viện*	4	0	0	0	0	1	0		0	2	0	0	0	0		0	1	0
8.3	*Công tác xã hội*	3	0	0	0	0	0	0		0	1	0	0	0	0		0	2	0
8.4	*Bộ môn Giáo vụ khoa*	2	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0		0	1	1
9	**Phòng Tổ chức Cán bộ**	**6**	0	2	0	0	2	0		0	3	0	0	0	0		0	1	0
10	**Phòng Hành chính- Quản trị**	**13**	**0**	**3**	**0**	0	4	0		3	1	0	0	1	0		3	1	0
10.1	*Bảo vệ*	***6***														6	0	0	0
10.2	*VSMT*	***2***														1	1		
10.3	*Y tế*	***1***														0	1	0	0
10.4	*Lái xe*	***1***							1							0	0	0	0
10.5	*Nhân viên phục vụ*	***2***														2	0	0	0
11	**Phòng Kế hoạch- Tài chính**	**8**	**0**	**1**	**0**	0	2	0		1	4	0	0	1	0		0	0	0
12	**Phòng Đào tạo**	**13**	0	2	1	0	2	1		1	3	0	1	1	0		1	3	0
13	**Phòng Công tác chính trị- HSSV**	**7**	0	2	0	0	2	0		1	1	0	1	0	0		0	2	0
14	**Phòng Quản lý Khoa học & HTQT**	**10**	0	0	2	0	1	2		1	2	0	0	1	0		0	3	0
15	**Phòng Thanh tra- KT & ĐBCLGD**	**13**	0	**2**	**1**	0	2	1		2	5	0	0	0	0		0	3	0
16	**Phòng Truyền thông và Tuyển sinh**	**6**	0	**2**	**0**	0	2	0		0	0	0	1	1	0		0	2	0
17	**Trung tâm GDTX và DV**	**10**	0	**2**	**0**	0	2	0		0	3	0	1	1	0		1	2	0

TT	Tên đơn vị	Cơ cấu số lượng người làm việc																	
		Tổng số		Viên chức								Lao động hợp đồng							
			Lãnh đạo đơn vị			Viên chức 1			Viên chức 2				Theo Nghị định số 111			Đơn vị ký (tự chủ)			
			Trình độ			Trình độ			Trình độ				Trình độ			Trình độ			
			ĐH	ThS	TS	ĐH	ThS	TS	Khác	ĐH	ThS	TS	ĐH	ThS	TS	Khác	ĐH	ThS	TS
18	**Trung tâm CNTT- Ngoại ngữ**	**5**	0	**0**	**1**	0	0	1		0	2	0	0	0	0		0	2	0
19	**Trung tâm TTTV**	**5**	0	**2**	**0**	0	2	0		0	0	0	0	0	0		0	3	0
	Tổng	**225**	**0**	**23**	**23**	**0**	**32**	**27**	**1**	**9**	**72**	**2**	**6**	**9**	**0**	**9**	**8**	**49**	**1**

Ghi chú: *Viên chức 1 là viên chức từ nguồn ngân sách nhà nước; Viên chức 2 là viên chức từ nguồn thu sự nghiệp của Nhà trường*

PHỤ LỤC 4. CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Tổng diện tích đất (m2)	Tổng DT đã xây dựng (m2)	Trong đó																							
		Phòng thực hành		Phòng học lý thuyết		Phòng chuẩn bị giảng dạy (Văn phòng Khoa)		Phòng Hội đồng (phòng họp)		Phòng nghỉ nhà giáo		Xưởng/ phòng thực hành, thí nghiệm		Thư viện			Hội trường		Nhà Hiệu bộ		Ký túc xá		Nhà ăn (bếp ăn)		Khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao	
		SP	*DT*	*SP*	*DT*	*SP*	*DT*	*SP*	*DT*	*SP*	*DT*	*SP*	*DT*	*SL*	*DT*	*Số đầu sách*	*SL*	*DT*	*SL*	*DT*	*SL*	*DT*	*SL*	*DT*	*SL/khu*	*DT*
Cơ sở số 565 Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa																									
388.895	44.759	7	1.800	140	51.710	5	100	5	200	40	2.320	47	2.515	1	5.166	14.071	1	1.379	1	11.536	384	24.007	2	1.411	1	2.997
Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An Ninh																									
85.300	3.430	1	100	12	1300	1	20			5	1000								1	3.820	69	3.743	8	1200		
474.200	**48.189**	**8**	**1.900**	**152**	**53.010**	**6**	**120**	**5**	**200**	**45**	**3.320**	**47**	**2.515**	**1**	**5.166**	**14.071**	**1**	**1.379**	**2**	**15.356**	**453**	**27.750**	**10**	**2.611**	**1**	**2.997**

Ghi chú: SP: Số phòng, DT: Tổng diện tích

PHỤ LỤC 5. CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC VH, TT & DL THANH HOÁ

Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích đã xây dựng (m2)	Trong đó																							
		Phòng thực hành		Phòng học lý thuyết		Phòng chuẩn bị giảng dạy (Văn phòng Khoa)		Phòng Hội đồng (phòng họp)		Phòng nghỉ nhà giáo		Xưởng/ phòng thực hành, thí nghiệm		Thư viện			Hội trường		Nhà Hiệu bộ		Ký túc xá		Nhà ăn (bếp ăn)		Khu rèn luyện thể chất, thể dục thể thao	
		SP	DT	SP	DT	SP	DT	SP	DT	SP	DT	SP	DT	SL	DT	Số đầu sách	SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL/khu	DT
Cơ sở 561 Quang Trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa																									
7,299.4	21,407	32	1,689	26	1,935	14	748	3	181	0	0	1/15	1340	1	390	9,418	2	2,354	1	4,340	0	0	0	0	4	8,835
Địa chỉ 20 Nguyễn Du, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa																									
0	0	0	0	23	1,309.5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

***Ghi chú**: SP: Số phòng, DT: Tổng diện tích*

PHỤ LỤC 6. THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
1	Bộ điều khiển trung tâm dành cho giáo viên + Phần mềm hệ thống	2
2	Thiết bị cấp nguồn liên tục cho máy học viên	2
3	Bảng điều khiển dành cho giáo viên	2
4	Loa hội trường	2
5	Bộ đẩy Amplifier công suất cho loa	1
6	Bàn Mixer	1
7	Bộ thiết bị xử lý âm thanh kỹ thuật số	1
8	Loa Cla - 408-15	1
9	Màn chiếu treo tường có động cơ	1
10	Máy chiếu cự ly gần	1
11	Máy chiếu vật thể	1
12	Máy chiếu	121
13	Máy chủ	7
14	Máy tính để bàn	412
15	Bàn Quang học	1
16	Phần mềm	17
17	Ti vi	66
18	Bộ thu không dây UHF	2
19	Bộ phát micro cài áo không dây	1
20	Micro không dây cài áo UHF	1
21	Micro cầm tay không dây UHF	1
22	Âm Ly	8
23	Hiển vi điện tử quét (SEM)	1
24	Bộ thiết bị và dụng cụ để bão hòa mẫu theo tiêu chuẩn ASTM C1202	1
25	Máy lắc tròn điện tử hiển thị thời gian và tốc độ	1
26	Máy cất nước 2 lần Mã hàng	1
27	Thiết bị lấy mẫu trầm tích	1
28	MÁY ĐO PH/MV/NHIỆT ĐỘ CẦM TAY	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
29	Thiết bị đo độ thẩm thấu Ion	1
30	Buồng đo và phụ kiện đồng bộ cho 1 mẫu.	4
31	Máy đo độ mặn	1
32	Thiết bị lấy mẫu nước	1
33	Bếp đun COD	1
34	Máy đo độ ồn	1
35	Máy đo tốc độ gió, lưu lượng gió, nhiệt độ môi trường	1
36	Máy đo COD và đa chỉ tiêu nước	1
37	Máy đo độ đục cầm tay	1
38	Máy đo TDS cầm tay	1
39	Máy phân tích hàm lượng kim loại	1
40	Máy định vị cầm tay GPS	1
41	Máy đo vi khí hậu Kestrel 4000 Weather Meter	1
42	Hiển vi điện tử quét (SEM)	1
43	Phổ kế huỳnh quang	1
44	Máy đo độ truyền nhiệt của vật liệu	1
45	Tủ ấm nuôi cấy vi sinh	1
46	Bộ lọc chân không với Bơm chân không	1
47	Bể rửa siêu âm có gia nhiệt, dung tích 22,5 lít	1
48	Hệ thống nước làm lạnh chu trình kín	1
49	Máy đo DO và BOD chống thấm nước Mã hàng: HI98193	1
50	Máy đo độ điện trở trong bê tông Mã hàng: 58-E0062/B	1
51	Máy khuấy từ gia nhiệt	3
52	Kính hiển vi soi nổi	1
53	Máy cất quay chân không 1 lít. Bơm chân không cho máy cất quay.	1
54	Tủ sấy-Model: Ecocell 55 (EC55)	1
55	Tủ ấm -Model: Incucell 55 (IC55)	1
56	Kính hiển vi soi nổi - Model: DV4	1
57	Kính hiển vi 2 mắt - Model: PrimoStar	5
58	Máy đo pH-Model: HI 98150	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
59	Máy ly tâm-Model: EBA- 20	1
60	Buồng đếm hồng cầu-Model: 36219-00	2
61	Cân kỹ thuật-Model: PA1502	1
62	Tủ sấy-Model: Ecocell 55 (EC55)	1
63	Lò nung -Model: SRJX-8-13	1
64	Tủ hút khí độc-Hãng SX: Việt Nam	1
65	Máy cất nước 2 lần-Model: A 4000 D	1
66	Bếp cách thủy-Model: NB-301L	2
67	Bếp đun cách cát-Model: Sand baths "Combiplac-Sand"	1
68	Máy quang phổ phát xạ ngọn lửa (Quang kế ngọn lửa)-Model: AFP 100	1
69	Kính hiển vi 2 mắt -Model: PrimoStar	2
70	Máy ly tâm-Model: EBA- 20	2
71	Máy so màu-Model: UVD 2550	1
72	Sắc ký bản mỏng-Hãng SX: Đức	1
73	Khúc xạ kế -Model: FA6000	1
74	Phân cực kế cầm tay-Model: Polaris	1
75	Cân phân tích-Model: PA 214	1
76	Cân kỹ thuật-Model: PA1502	2
77	Tủ sấy MENRMERT UM 400	1
78	Tủ sấy-Model: Ecocell 55 (EC55)	1
79	Nồi hấp tiệt trùng-Model KT-30L	1
80	Tủ ấm -Model: Incucell 55 (IC55)	1
81	Buồng nuôi cấy VSV-Model: LVC - 3A1	1
82	Máy cất nước 2 lần-Model: A 4000 D	1
83	Máy nghiền mẫu TV-Model: A 11 basic Analytical mill	1
84	Kính hiển vi 2 mắt - Model: PrimoStar	5
85	Kính hiển vi chụp ảnh - Model: Primostar	1
86	Máy đo pH-Model: HI 98150	1
87	Máy đo DO-Model: HI 9146 – 04	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
88	Máy đo khúc xạ hiện có	1
89	Máy đo độ đục-Model: HI 93703	1
90	Máy so mầu - Model: UVD 2550	1
91	Máy so màu để phân tích nước-Model: AL 450	1
92	Máy đếm khuẩn lạc-Hãng sản xuất Funke Gerber	1
93	Bộ thí nghiệm làm quen với các dụng cụ đo độ dài và khối lượng. Mã số (MS) BKM-010	1
94	Bộ thí nghiệm xác định khối lượng riêng của vật rắn bằng phương pháp thủy tĩnh: MS BKM-020	1
95	Bộ thí nghiệm xác định bước sóng và vận tốc âm theo phương pháp sóng dừng:MS BKM070C	1
96	Bộ thí nghiệm làm quen với dụng cụ đo điện R-L-C, đo đặc trưng V-A của bóng đèn dây tóc:MS BKE-010	1
97	Bộ thí nghiệm các phương pháp đo điện trở:MS BKE-021	1
98	Bộ thí nghiệm đo điện trở bằng cầu wheastonne, đo suất điện động bằng mạch xung đối: BKE-020	1
99	Bộ thí nghiệm khảo sát dao động ký điện tử: MS BKE-060	1
100	Bộ thí nghiệm xác định mômen quán tính của bánh xe & lực ma sát trong ổ trục quay:MS BKM-050	1
101	Bộ thí nghiệm khảo sát các định luật động lực học trên máy Atwood: MS BLM-030A	1
102	Bộ thí nghiệm xác định gia tốc trọng trường bằng con lắc thuận nghịch:MS BKM -060	1
103	Bộ thí nghiệm khảo sát đặc tính của diode và transistor	1
104	Bộ thí nghiệm khảo sát mạch cộng hưởng RLC: MS BKE-070	1
105	Bộ thí nghiệm khảo sát hiện tượng cảm ứng điện từ:MS BKE-071	1
106	Bộ thí nghiệm khảo sát chu trình từ trễ của sắt từ	1
107	Bộ thí nghiệm xác định hệ số nhớt của chất lỏng theo phương pháp stốc: MS BKT -070	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
108	Bộ thí nghiệm xác định tỷ số nhiệt dung phân tử của không khí	1
109	Bộ thí nghiệm nghiên cứu sự trao đổi nhiệt, xác định nhiệt dung riêng của chất rắn	1
110	Bộ thí nghiệm nghiên cứu sự chuyển pha I của kim loại:MS BKT-040	1
111	Bộ thí nghiệm xác định nhiệt nóng chảy của nước đá:MS BKT-080	1
112	Bộ thí nghiệm khảo sát giao thoa qua khe Young:MS BKO-060	1
113	Bộ thí nghiệm khảo sát hiện tượng giao thoa cho vân tròn newton:MS BKO-050	1
114	Bộ thí nghiệm khảo sát hiện tượng phân cực ánh sáng, nghiệm lại định luật malux:MS BKO-080	1
115	Bộ thí nghiệm làm quen với kính hiển vi, xác định chiết suất của bản trong suốt bằng kính hiển vi:MS BKO-040	1
116	Bộ thí nghiệm khảo sát hiện tượng nhiễu xạ qua cách tử dùng tia laser:	1
117	Bộ thí nghiệm khảo sát hiện tượng bức xạ nhiệt:MS BKO -090	1
118	Bộ thí nghiệm khảo sát hiện tượng quang điện ngoài, xác định hằng số planck:MS BKO-100A	1
119	Bộ thí nghiệm khảo sát chuyển động của electron trong điện trường và từ trường, xác định điện tích riêng của electron:MS BKE-100	1
120	Bộ thí nghiệm khảo sát quá trình chuyển đổi nhiệt điện:MS BKT -010	1
121	Bộ thí nghiệm khảo sát pin quang điện:MS BKO-101A	1
122	Bộ thí nghiệm xác định bề rộng vùng cấm của chất bán dẫn:MS BKES-030	1
123	Máy siêu li tâm Rotanta 460R Bao gồm: - Roto văng 4 vị trí: 01 bộ - Carrier mang cốc: 04 cái - Adapter cho cốc 750 ml: 04 cái Cốc li tâm 750 ml: 04 cái	1
124	Bộ chụp ảnh cho tấm sắc ký mỏng Bao gồm: - Digi Cam 125: 01 bộ - Buồng soi với khung camera: 01 bộ	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
	Phần mềm kết nối với máy tính: 01 bộ	
125	Máy so màu eliza ELX800 Bao gồm: - Máy chính: 01 chiếc - Máy vi tính: 01 bộ - Máy in kết quả: 01 chiếc - Phần mềm phân tích Gen 5 ELISA hoặc tương đương: 01 chiếc - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ - Khay vi thể: 01 thùng - Micropipette 8 kênh: 01 chiếc - Hộp đựng đầu típ: 01 chiếc Đầu típ: 01 túi	1
126	Tủ lạnh sâu LDF270xPro Bao gồm: - Tủ chính: 01 cái - Giá để mẫu: 02 cái Hướng dẫn sử dụng 01 bộ	1
127	Bể ổn nhiệt WNB7 Bao gồm: - Nắp tháp L1 dùng cho ống nghiệm: 01 cái - Nắp L0 dùng cho bình tam giác: 01 cái Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	1
128	Máy votex VORTEX3 Bao gồm: - Máy chính: 01 cái Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	1
129	Hệ thống lọc nước siêu sạch Bao gồm: - Máy chính: 01 cái - Cột lọc trao đổi ion: 01 bộ - Bộ lọc RO: 01 bộ - Màng lọc 0.2 micron POU: 01 bộ Sách hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	1
130	Bể TLC	2
131	Tủ an toàn sinh học cấp II AC2-4E8 Bao gồm: - 01 thân tủ chính	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
	- 02 đèn huỳnh quang - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh: 01 bộ - Bộ chân tủ: 01 bộ - 01 đèn UV 01 ổ cắm gắn trong tủ	
132	Máy rửa dụng cụ thủy tinh phòng thí nghiệm 4400421 Bao gồm: - Máy chính: 01 máy - Khay rửa tiêu chuẩn tầng trên (01) và tầng dưới (01) cái - Giá đặt ống nuôi cấy: 01 cái - Giá đặt đĩa Petri: 01 cái - Giá đặt chai BOD: 01 cái - Bột rửa: 01 gói - Giá rửa dụng cụ pipet: 01 cái Bình nóng lạnh: 01 cái	1
133	Cân điện tử MS204S	1
134	Máy khuấy từ gia nhiệt nhiều vị trí AM4 Bao gồm: - Máy chính: 01 máy - Thanh khuấy từ: 04 cái Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ	1
135	Máy đo nồng độ pH điện tử HI2214-02	1
136	Tủ hút khí độc HD2010M Bao gồm: - Tủ chính kèm phụ kiện chuẩn: 01 cái - Catalogue thiết bị: 01 bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng TV: 01 bộ	1
137	Máy chưng cất đạm VAP300 Bao gồm: - Máy chính - 01 ống mẫu Kjeldatherm hoặc tương đương - Đủ bộ ống dây kết nối với nguồn nước, với các can đựng hóa chất và can đựng nước thải. - 03 can đựng hóa chất loại 20 Lít. - Bộ sensor dò mực hóa chất NIV300 hoặc tương đương. Bộ gồm: bộ điều khiển mức cho can đựng hóa chất; bộ điều khiển mức cho can đựng nước thải; bộ đầu nối chữ T cho bộ phát sinh hơi nước; hộp phân phối	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
	- HDSD Thông số kỹ thuật máy phá mẫu: Model: KB8S Hãng sản xuất: Gerhardt Xuất xứ: Đức Bao gồm: - Khối gia nhiệt 8 chỗ dùng cho ống 250ml với hai giá đỡ	
138	Máy lắc ngang SSl2 Bao gồm: - Máy chính: 01 cái - Mặt lắc kích thước 335 x 335 mm (4 thanh kẹp bọc cao su có điều chỉnh khoảng cách): 01 bộ Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	1
139	Bộ chưng cất lôi cuốn hơi nước *Bao gồm:* Hệ thống tạo hơi nước: 01 bộ Hệ thống bình cất: 01 bộ Hãng sản xuất: Chemglass Chi tiết sản phẩm: - Adapter, Distillation, 24/40 Joint Size, Distance Between Inner Joints/200mm: 01 cái - Adapter, Distilling Trap, Kjeldahl, 24/40 Joint Size: 02 cái- Flask, Round Bottom, 500mL, Heavy Wall, 24/40 - 24/40, 3-Neck, Angled 20°: 01 cái - Flask, Round Bottom, 1000mL, Heavy Wall, 24/40 - 24/40, 3-Neck, Angled 20°: 01 cái - Flask, Round Bottom, 2000mL, Heavy Wall, 24/40 - 24/40, 3-Neck, Angled 20°: 01 cái - Flask, Round Bottom, 3000mL, Heavy Wall, 24/40 - 24/40, 3-Neck, Angled 20°: 01 cái	1
140	Bộ đun hồi lưu có tách nước KOL Cung cấp bao gồm: - Bình cầu 500ml - Hệ thống giá đỡ được sơn phủ tĩnh điện. - Hệ thống gia nhiệt. - Ống sinh hàn. Các bộ phận thủy tinh đi kèm	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
141	Bộ cột sắc ký Bao gồm: - 60cm x 1.2cm: 03 cái - 50cm x 4.0cm: 03 cái - 50cm x 2.0cm : 03 cái - 1.5cm x 10cm: 03 cái - 100cm x 5cm: 03 cái - 6cm x 1.5m : 03 cái - 4cm x 1.2m : 03 cái 5cm x 1.4m: 03 cái (tất các các cột có khoá dung môi)	1
142	Bộ pipete bao gồm các dung tích từ 0.5µl-5ml Bao gồm: - 0.5 - 10mL kèm hộp 96 đầu típ: 01 bộ - 2 - 20mL kèm hộp 96 đầu típ: 01 bộ - 10 - 100mL kèm hộp 96 đầu típ: 01 bộ - 20 - 200mL kèm hộp 96 đầu típ: 01 bộ - 100 - 1000mL kèm hộp 96 đầu típ: 01 bộ - 0.5 - 5mL kèm hộp 10 đầu típ: 01 bộ Giá đỡ pipete: 01 cái	1
143	Máy hút ẩm Harison HD-45B	1
144	Hệ thống nước làm lạnh chu kỳ kín Kangaroo KG48	1
145	Máy đo điểm nóng chảy Model: RY-1TQ	1
146	Đèn soi tử ngoại Model: W FH 203B TQ	1
147	Cân phân tích điện tử Model PA 213 TQ	1
148	HỆ THỐNG SẮC KÝ LỎNG CAO ÁP (HPLC) KH: LC-20A Series, Hãng: Shimadzu-Nhật Bản	1
149	HỆ THỐNG MÁY CÔNG PHÁ MẪU VI SÓNG (KH: Qlab Pro (Time-to-Power), Hãng: Questron-Canada)	1
150	HỆ THỐNG QUANG PHỔ HẤP THỤ NGUYÊN TỪ (AAS) (KH: AA500F, Hãng: PGI Anh Quốc, lắp ráp phân phối tại TQ)	1
151	Máy li tâm lạnh (KH: Mikro 200R, Hãng: Hettich-Đức)	1
152	Bộ Micropipet tự động	2
153	Máy đo độ mặn cầm tay (KH: Master-S/MillM, Hãng: Nhật Bản)	2
154	MÁY TOÀN ĐẠC ĐIỆN TỬ (KH: TOPCON GTS 255 NHẬT	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
	BẢN)	
155	Máy thuỷ bình (KH: Sokkia C32, Hãng: Sokkia Nhật Bản)	2
156	Kính hiển vi soi nổi K400L MOTIC	1
157	Kính hiển vi 2 mắt SFC 182 AGQ-MS	7
158	Buồng cấy vi sinh LVC - 3A1 ESCO	1
159	Kính hiển vi soi nổi K400L MOTIC	1
160	Kính hiển vi 2 mắt SFC 182 AGQ-MS	7
161	Lò nung FM12 - DAI HAN	1
162	Máy đánh giá phẩm chất tinh IMV 019951	1
163	Máy đếm khuẩn lạc SC6 BARLOWORLD	1
164	Máy đo độ dày lớp mỡ Lean Meater RENCO	2
165	Máy phân tích sữa ART-Nr.3250 FUNKE GERBER	1
166	Tủ ấm 626-5/EX	1
167	Hệ thống sấy hoa quả LEO 05-120 Đài Loan	1
168	Nồi hấp khử trùng SA-300F STURDY Đài Loan	1
169	Tủ cấy vô trùng LVC-3A1 ESCO	1
170	Tủ lạnh âm sâu MDF 436 Nhật	1
171	Bể ổn nhiệt WB 29 MEMMERT	1
172	Block nhiệt	1
173	Cân hàm ẩm MB45 OHAUS	1
174	Cân phân tích độ ẩm MB45 OHAUS	2
175	Kính hiển vi soi nổi K400L MOTIC	1
176	Kính hiển vi 2 mắt SFC 182 AGQ-MS	2
177	Kính hiển vi 2 mắt SFC 182 AGQ-MS	1
178	Máy lắc NB 101M	1
179	Máy nghiền mẫu MF 10 IKA	1
180	Máy phân tích sinh hoá	1
181	Máy xác định độ ẩm của hạt	1
182	Tủ ấm BINDER	1
183	Tủ hút HL 70-120	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
184	Tủ sấy MENRMERT UM 400	1
185	Tủ sấy PINDEN 98104	1
186	Bể ổn nhiệt WB 29 MEMMERT	1
187	Bộ phân tích xơ thô FBS6 GERHARDT	1
188	Cân phân tích điện tử AY 220 SHIMADZU	1
189	Cân phân tích điện tử hiện số AUW 220 SHIMADZU	1
190	Hệ thống lên men BIOFLO 110 NEW BRUSWICK	1
191	Hệ thống SOXHLET EV6 A11/16	1
192	Hệ thống thiết bị chưng cất đạm Kjeldahl K424 BUCHI	1
193	Lò nung FM20 - DAI HAN	1
194	Máy cất nước 2 lần WSC/4D HAMILTON	1
195	Máy kinh vỹ điện tử NE-20S kèm theo chân máy	1
196	Máy lắc ngang HS 260 BASIC IKA	1
197	Máy li tâm chạy điện 1K-6K	1
198	Máy li tâm Z206 HERMLE	3
199	Máy quang kế ngọn lửa AFP 100 SEDICO	1
200	Máy quang phổ vi lượng UVD 3200 LABOMED	1
201	Máy so mầu quang phổ UV/VIS	1
202	Tủ bảo quản mẫu ET750/EX AQUALYTIC	1
203	Tủ sấy UNB 500 MEMMERT	2
204	Bộ chụp ảnh gen GELLDOC XR	1
205	Bộ điện di AND BIORAD	1
206	Bộ phân tích các chỉ tiêu trong nước PC multi PH 200 AQUALYTIC	1
207	Cân kỹ thuật BL 620S SHIMADZU	1
208	Hệ thống kính hiển vi huỳnh quang DM1000 LEICA	1
209	Kính hiển vi gắn camera kỹ thuật DMB1 223ASC-B	1
210	Kính hiển vi soi nổi K400L MOTIC	2
211	Kính hiển vi 2 mắt SFC 182 AGQ-MS	10
212	Máy điện di mẫu PROTEAN II XL BIORAD	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
213	Máy đo cường độ quang hợp CI340/CID	1
214	Máy ELISA 680 BIORAD	1
215	Máy li tâm lạnh UNIVERSAL 320R HETTICH	1
216	Máy nhân gen PCR BIORAD	1
217	Máy so màu PCMulti AQUALYTIC	1
218	Nguồn điện di Power Pac Basic	1
219	Tủ bảo quản mẫu ET 718/EX, type 180 AQUALYTIC	1
220	Tủ bảo quản mẫu ET750/EX AQUALYTIC	1
221	Tủ lạnh âm sâu MDF 436 Nhật	1
222	Box cấy LVC - 3 A1 ESCO	1
223	Cân phân tích AB 104	1
224	Cân phân tích điện tử AUY220 SHIMADZU	1
225	Dụng cụ chứa trong tủ nuôi cấy tế bào (pank, dao, kéo)	1
226	Kính hiển vi 2 mắt SFC 182 AGQ-MS	1
227	Máy cất nước 2 lần WSC/4D HAMILTON	1
228	Nồi hấp khử trùng SA-300F STURDY Đài Loan	1
229	Tủ hút thải chất độc 47	1
230	Tủ nuôi cấy tế bào	1
231	Tủ nuôi cấy tế bào	1
232	Tủ sấy PINDEN	1
233	Bình chứa Nitơ lỏng 25l YDS-26	1
234	Cân phân tích UAW 220	1
235	Kính hiển vi soi nổi K400L MOTIC	1
236	Kính hiển vi 2 mắt SFC 182 AGQ-MS	7
237	Kính lập thể MS 16 4IF 090078	2
238	Máy bào thẩm mặt bàn rộng 40 cm trở lên TQ	1
239	Máy đo độ cao 4JF-97085 BENMEADOWS	1
240	Máy khoan hố trồng cây 4JF - 210505 Nhật	1
241	Thước Relaskop 4JK-102150 Benmeadows	1
242	Tủ ấm ET 626-5 AQUALYTIC	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
243	Tủ ấm ET 626-5 AQUALYTIC	1
244	Tủ hút thải chất độc	1
245	Bộ kiểm tra vi sinh MEL/MPL HACH	1
246	Box cấy LVC - 3 A1 ESCO	1
247	Chén bạch kim	2
248	Máy lắc NB 101MH LABENTECH	1
249	Máy quang phổ khả biến	1
250	Máy quang phổ tử ngoại	1
251	Máy so mầu (Máy so mầu CO)	1
252	Nồi hấp khử trùng SA-300F STURDY Đài Loan	1
253	Tủ ấm vi sinh	1
254	Tủ hút khí độc TTNĐ Việt Nga	1
255	Tủ hút khí độc TTNĐ Việt Nga	1
256	Tủ sấy PINDEN 98104	1
257	Cân kỹ thuật BL 620S SHIMADZU	1
258	Kính hiển vi soi nổi SMZ 140 FBGG	2
259	Kính hiển vi 2 mắt SFC 182 AGQ-MS	1
260	Kính hiển vi 2 mắt SFC 182 AGQ-MS	7
261	Máy cắt tế bào MT 5540 EUROMEX	1
262	Máy li tâm FB	1
263	Tủ sấy UNB 500 MEMMERT	1
264	Dao động ký điện tử 2 tia 40 MHZ	2
265	Đồng hồ đo công suất và CS điện tử	1
266	Bàn thí nghiệm trung tâm:	1
267	Bàn thực hành thiết kế hệ thống tự động điều khiển khởi động động cơ sử dụng S7 – 200	2
268	Bàn thực hành về đếm phân loại sản phẩm sử dụng S7 - 200	2
269	Bàn thực hành về thiết kế hệ thống tự động điều khiển liên động động cơ sử dụng S7 – 200	2
270	Bàn thực hành với S7 – 300	2

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
271	Bộ thí nghiệm biến đổi điện áp 1 chiều	2
272	Bộ thí nghiệm biến đổi điện áp xoay chiều	2
273	Bộ thí nghiệm biến tần	2
274	Bộ thí nghiệm chỉnh lưu 1 pha có điều khiển	2
275	Bộ thí nghiệm khảo sát động cơ bước	1
276	Bộ thí nghiệm khảo sát Động cơ điện 1 chiều	1
277	Bộ thí nghiệm khảo sát động cơ KĐB 3 pha rotor dây quấn	1
278	Bộ thí nghiệm khảo sát động cơ KĐB 3 pha rotor lồng sóc	1
279	Bộ thí nghiệm khảo sát động cơ không đồng bộ 1 pha	1
280	Bộ thí nghiệm khảo sát linh kiện điện tử công suất	2
281	Bộ thí nghiệm khảo sát máy biến áp 3 pha	1
282	Bộ thí nghiệm khảo sát máy biến áp một pha	1
283	Bộ thí nghiệm khảo sát máy phát điện một chiều	1
284	Bộ thí nghiệm khảo sát máy phát đồng bộ	2
285	Bộ thí nghiệm mạch cộng hưởng R - L - C	1
286	Bộ thí nghiệm mạch điện chỉnh lưu 3 pha	1
287	Bộ thí nghiệm mạch điện xoay chiều 1 pha	2
288	Bộ thí nghiệm mạch điện xoay chiều 3 pha	2
289	Bộ thí nghiệm quá trình quá độ và xác lập cửa mạch tuyến tính	1
290	Bộ thực hành kỹ thuật số	2
291	Búa thử cường độ bê tông	1
292	Ca bin thực hành điện dân dụng	4
293	Các mô hình thực hành	2
294	Các thiết bị TN dùng chung trong PTN	2
295	Cân Kỹ thuật	1
296	Máy dò cốt thép trong bê tông+mẫu chuẩn	1
297	Máy đo đa chỉ tiêu nước	1
298	Máy đóng Cell pin	2
299	Máy hàn BGA	2
300	Máy kéo nén thuỷ lực vạn năng 1000KN	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
301	Máy lắc sàng đa năng	1
302	Máy nạp rom đa năng	2
303	Máy nén xi măng: 100KN	1
304	Máy quấn dây	5
305	Máy siêu âm bê tông	1
306	Máy test và nạp Cell + Box reset rom pin Laptop	2
307	Máy thử mài mòn cốt liệu đá	1
308	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn	1
309	Mô hình dàn trải khí cụ điện	1
310	Mô hình máy giặt dàn trải	2
311	Mô hình mô phỏng sự cố trên máy điện xoay chiều	1
312	Mô hình tủ điện công nghiệp phân phối, điều khiển động cơ	2
313	Oscilocope	2
314	Tủ dưỡng hộ mẫu xi măng tiêu chuẩn	1
315	Máy nén bê tông 300T, tự động	1
316	Máy cắt đất 2 tốc độ	1
317	Máy nén đất tam liên (bộ cơ): Xác định hệ số nén lún và nến cố kết của đất	3
318	Bộ Máy nén đất cố kết 3 trục chạy điện. Kèm các phụ kiện tiêu chuẩn	1
319	Máy khoan địa chất công trình	1
320	Bộ xuyên tiêu chuẩn SPT	1
321	Thiết bị siêu âm kiểm tra chất lượng cọc	1
322	Máy toàn đạc điện tử cao cấp đo xung không gương	1
323	Hệ thống định vị vệ tinh GPS 1 tần số	3
324	Máy khoan lấy mẫu bê tông Công suất: 2700W	1
325	Máy trộn bê tông tự do	1
326	Máy cưa cắt mẫu bê tông (gia công chế tạo mẫu thử)	1
327	Máy rung kiểm tra dao động 1 phương	2

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
328	Thiết bị xác định độ ăn mòn cốt thép trong bê tông	1
329	Kính đo vết nứt bê tông	1
330	Máy xác định độ thấm bê tông	1
331	Máy ly tâm tách nhựa	1
332	Thiết bị giãn dài nhựa	1
333	Cân điện tử MS204S	1
334	Máy khuấy từ gia nhiệt nhiều vị trí AM4 Bao gồm: - Máy chính: 01 máy - Thanh khuấy từ: 04 cái Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ	1
335	Máy đo nồng độ pH điện tử HI2214-02	1
336	Lò nung LHT 02/17 LB Bao gồm: - Lò chính: 01 cái Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	1
337	Tủ sấy mẫu UN55 Bao gồm: - Máy chính: 01 cái - Giấy chứng nhận hiệu chuẩn tại 1600C - Số khay cung cấp kèm: 01 cái Hướng dẫn thao tác sử dụng tiếng việt: 01 Bộ	1
338	Máy chưng cất nước 2 lần A4000D Bao gồm: - Máy cất nước 2 lần: 01 máy Dây nguồn và hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	1
339	Tủ lạnh bảo quản dung dịch BCD-3568N Bao gồm: - Tủ chính kèm phụ kiện chuẩn: 01 cái Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	1
340	Bàn chế tạo mẫu VN Bao gồm: - 01 Bàn chính- 01 atomat bảo vệ toàn bộ hệ thống tủ - 01 bảng điện (2 công tắc, 1 ổ cắm) 01 đồng hồ đo độ ẩm và nhiệt độ trong phòng làm việc	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
341	Máy rung siêu âm Q125Sonicator Bao gồm: - Máy phát siêu âm: 01 cái - Bộ chuyển đổi: 01 bộ - Đầu dò có đường kính 1/8″ (3,2mm), có thể xử lý 0,5-15 ml, biên độ cao 180 µm: 01 cái - Cáp nguồn: 01 cái - Cáp chuyển đổi: 01 cái - Một bộ đai ốc vít: 01 cái Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	1
342	Thiết bị tạo màng WS-650Mz-23NPPB Bao gồm: - Bộ adapter dạng vi mảnh bằng Polypropylene tự nhiên (>5mm tới 25mm) (yêu cầu ngàm tâm chân không kích thước 1.75" dia) - Bộ adapter dạng vi mảnh bằng Polypropylene tự nhiên (>3mm to 15mm) yêu cầu ngàm tâm chân không kích thước 1.75" dia - Bộ adapter chân không trượt bằng Polypropylene tự nhiên kích thước 1" X 3" hoặc 25 mm X 75 mm (yêu cầu ngàm tâm chân không kích thước 1.75" dia) - Dụng cụ sắp thẳng với các dạng kích thước 2in, 3in, 100mm, 125mm, 150mm - Bộ adapter cầm tay cho ống tháo/xả - EBR (bộ loại bỏ giọt ở cạnh) (bao gồm bộ định vị trí khóa có thể điều chỉnh, 4 kim kích thước khác nhau & 10xi lanh dùng 1 lần) - Adapter cho xi lanh- 30 ml (gồm 4 kim kích thước khác nhau & 10 xi lanh dùng 1 lần) Bơm chân không không dầu 220 - 240 VAC, 50/60 HZ	1
343	Máy rửa siêu âm S180H Bao gồm: - Bể rửa siêu âm có gia nhiệt: 01 cái - Nắp đậy: 01 cái - Giỏ đựng dụng cụ: 01 cái Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	1
344	Máy nghiền cơ năng lượng cao PM400 Bao gồm: - 01 x Máy nghiền - 02 x Bộ cối và bi nghiền bằng thép không gỉ, mỗi bộ gồm: + 01 x Cối nghiền comfort, 250 ml, thép không gỉ.	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
	- 18 x Bi nghiền ø 15 mm, thép không gỉ. 01 sách hướng dẫn sử dụng	
345	Máy ép 3621 Cấu hình và phụ kiện kèm theo: - Bộ cối và chày ép 50 tấn, đúc mẫu 40 mm: 01 bộ - Bộ cối và chày ép 10 tấn, đúc mẫu 13mm: 01 bộ Áo và dụng cụ hỗ trợ ép: 01 bộ	1
346	Máy cưa mẫu Labcut150 Bao gồm: - Máy chính: 01 máy - Bộ gá mẫu kiểu vít dành cho các loại mẫu không tiêu chuẩn: 01 bộ - Bộ 3 quả đối trọng: 01 bộ - Dụng cụ và bộ hiển thị tốc độ hiện số RPM: 01 bộ - Kính bảo vệ: 01 cái - Dầu cắt: 01 bộ - Đĩa cắt kim cương 3"(76mm), dầy 0.5mm: 01 cái Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	1
347	Hệ đo phổ nhiễu xạ tia X D2 PHASER Bao gồm: - Máy chính: 01 cái - Ống phát tia X bước sóng đồng: 01 cái - Đầu dò Lynxeye: 01 cái - Ổ cứng với hệ điều hành được cài đặt sẵn: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng bằng Tiếng Anh: 01 bộ - Bàn phím máy tính: 01 cái - Phích cắm theo chuẩn: 01 cái - Phin lọc Niken cho bức xạ Cu kβ: 01 cái - Bộ hấp thụ đồng Cu 99.9%: 01 bộ - Phin lọc Niken cho bức xạ thấp của Cu-Kβ radiation, cho detector: 01 cái - Khe chắn sáng cố định 0.1 mm: 01 cái - Khe chắn sáng cố định 0.2 mm: 01 cái - Khe chắn sáng cố định 0.6 mm: 01 cái - Khe chắn sáng cố định 3mm cho khe chống tán xạ của detector dùng cho các phép đo góc hẹp: 01 cái - Khe chắn sáng cố định 0.4 mm: 01 cái - Air Scatter Screen 0,5 + 2mm slit: 01 cái - Bộ giữ mẫu đo bằng PMMA cao 8.5mm heigh, đường kính Ø	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
	25mm: 01 cái	
348	Máy phân tích trở kháng Bao gồm: - Dây đo 4 cực: 01 cái - Đầu đo dạng chân cắm: 01 cái - Đầu đo linh kiện dán SMD: 01 cái - Sách hướng dẫn sử dụng: 01 bộ Dây nguồn, đĩa CD hướng dẫn kết nối máy tính: 01 bộ	1
349	Tủ lạnh sâu Baogồm: - 01Tủ chính - 03 khay để mẫu 01 HDSD	1
350	Thiết bị đo nguồn điện Bao gồm: - Kìm đo: 01 bộ - sách hướng dẫn: 01 bộ - CD- sản phẩm: 01 cái Phần mềm: 01 bộ	1
351	Cối và chày mã não Witeg	1
352	Máy hút ẩm Harison HD-45B	2
353	Hệ thống nước làm lạnh chu kỳ kín Kangaroo KG48	1
354	Kính hiển vi OLYMPUS	2
355	Máy đo độ dày khổ mỡ	1
356	Máy kiểm tra chất lượng tinh trùng	1
357	Tủ ấm	1
358	Bể ổn nhiệt WB 29 MEMMERT	1
359	Cân kỹ thuật BL3200H SHIMADZU	1
360	Cân phân tích điện tử hiện số AUW 220 SHIMADZU	1
361	Cưa xích chạy cầm tay	1
362	Kính hiển vi soi nổi K400L MOTIC	1
363	Kính hiển vi 2 mắt SFC 182 AGQ-MS	1
364	Máy cắt quay MT 5540S EUROMEX	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
365	Máy đếm khuẩn lạc SC6 BARLOWORLD	1
366	Máy lắc mẫu NB101M LABKOREA	1
367	Nồi hấp RM05.100-NH Vietronic	1
368	Tủ bảo quản mẫu ET 718/EX, type 180 AQUALYTIC	1
369	Tủ cấy vô trùng LVC-3A1 ESCO	2
370	Tủ hút VH1 Viện hoá	1
371	Tủ sấy UNB 500 MEMMERT	1
372	Loa treo tường MBM CS450MN II (trong đó 40m dây loa đặc chủng 660.000 đ)	1
373	Hệ thống chuông điện	1

PHỤ LỤC 7. THIẾT BỊ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VH, TT&DL THANH HOÁ

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
I	**Thiết bị thư viện**	
1	Bàn đọc sách HP 2010 CN	14
2	Bàn gỗ lim	1
3	Bàn làm việc 16ET	2
4	Bàn vi tính 3 ngăn	8
5	Bàn vi tính HP2022A	5
6	Bộ rèm mành	19
7	Ghế gấp G015S	98
8	Ghế làm việc G1020H	2
9	Ghế xoay G520H	6
10	Giá báo tạp chí	10
11	Giá sách đôi	58
12	Giá sách đơn SG1B	3
13	Giá sách thư viện	10
14	Lưu Điện GT500	2
15	Máy in canon 2900	5
16	Ổn áp lioa DIR 10000	1
17	Quạt cây Panasonic có điều khiển	1
18	Quạt treo tường	3
19	Quầy phục vụ bạn đọc gia công	2
20	Quầy phục vụ bạn đọc HP	2
21	Sever máy chủ HP ML370G6	1
22	Tủ sắt HP CAT09K6	1
23	Tủ sắt HP CAT986	6
24	Tủ sắt HP K7	1
25	Vách ngăn gỗ gia công	3
26	Phần mềm số hóa tài liệu xây dựng cơ sở dữ liệu	1
27	Phần mềm quản lý thư viện TCSoft - Lib 4.0 t (NSNN)	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
28	Phần mềm quản lý thư viện	1
29	Bộ máy tính Lenovo M72e	18
30	Điều hòa đứng	1
31	Máy điều hòa Panasonic 12000BTU	8
32	Máy lọc nước	1
33	Máy vi tính để bàn số 3 - FPT 52	12
34	Máy chiếu	1
35	Màn chiếu	1
II	**Phòng Ngoại ngữ**	
70	Màn lenovo	5
71	Mạng lan nội bộ	1
41	Bộ chia nguồn sinh viên	25
73	Bàn vách ngăn 2 chỗ ngồi	30
74	Bộ giao tiếp	60
75	Bộ nguồn tổng	1
93	Bộ chia qua giao diện	1
94	Bộ điều khiển trung tâm	1
76	Ổn áp lioa DIR 10000	2
III	**Thiết bị phục vụ đào tạo, giảng dạy**	
A	**Dùng chung**	
1	Phần mềm Quản lý đào tạo: UniSoft 6.0	1
2	Phần mềm Quản lý thư viện: TCSOFT –LIB 4.0; Llib.Easy 5.0	2
3	Phần mềm Quản lý quầy Bar, lễ tân: RTR 4.5	1
4	Cổng thông tin trường ĐH VH TT&DL Thanh Hóa: Trường ĐH VH-TT-DL.edu.vn	1
5	Phần mềm kế toán MISA	1
6	Phần mềm QL tài sản: TCSOFT-PM 3.5	1
7	Phần mềm thi cấp chứng chỉ ƯDCNTT cơ bản	1
8	Phần mềm quản lý văn bản; TDOffice	1
9	Hệ thống thư điện tử sử dụng hệ thống google với tên miền:	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
	dvtdt.edu.vn	
10	Bảng từ 1,2*2,2m	38
11	Bàn Họp chuyên môn khoa	8
12	Bàn làm việc	24
13	Bàn máy tính	150
14	Máy in	45
15	Bộ bàn ghế giáo viên	42
16	Bộ bàn ghế salon SF21	10
17	Bộ Bàn, ghế học sinh	425
18	Bộ máy tính	125
19	Màn chiếu	33
20	Máy chiếu	33
21	Đàn Guita 6CE	2
22	Ghế chân quỳ 721HM	98
23	Ghế gấp	170
24	Ghế làm việc G1020H	19
25	Ghế xoay G520H	35
26	Máy điều hòa Panasonic 12000BTU	14
27	Tủ sắt HP CAT986 để đồ HS	40
28	Ghế hội trường 02B	60
29	Bàn hội trường gỗ pơmu	3
30	Bộ phông Rèm sân khấu	1
31	Bục để tượng Bác Hồ	1
32	Bục phát biểu	1
33	Bàn đọc sách HP 2010 CN	3
34	Ghế chờ	16
35	Máy điều hòa Panasonic 18000BTU	6
36	Tủ tài liệu HP	70
37	Hệ thống âm thanh giảng đường	17

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
38	Ổn áp Lioa 20000 DRII	2
39	Máy điều hòa Sumikura treo tường	1
B	**Chuyên ngày âm nhạc**	
1	Đàn Piano	23
2	Bộ nhạc cụ dân tộc	2
3	Tai nghe (phone)	30
4	Đàn cello	1
5	Đàn Orgal	30
6	Hệ thống ánh sáng sân khấu	1
7	Hệ thống âm thanh hội trường	1
8	Hệ thống trang trí sân khấu	1
9	Máy điều hòa Sumikura treo tường	1
10	Điều hòa cây Funiky	1
11	Đàn Ocgan yamaha điện tử	30
C	**Nhà Biểu diễn**	
1	Bàn Hội trường	7
2	Bàn Hội trường BHT12DH1	3
3	Bộ đàm liên lạc nội bộ TK-2000	5
4	Bục chỉ huy	1
5	Bục để tượng	1
6	Bục phát biểu	1
7	Chân Micro Satnds	5
8	Đèn Par LED COB 100W TVE -32	24
9	Ghế hội trường T03-HT	535
10	Khung truss đèn	95
11	Máy khói 1500w TV-E88	2
12	Micro TOA	1
13	Phông rèm sân khấu	250
14	Quản lý nguồn SP803	3

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
15	Tủ đựng thiết bị 16U có khay để Mixer	2
16	Tượng Bác nhũ đồng	1
17	TV-E14 Đèn Par Led 54 bóng full màu	24
18	Bàn điều khiển Sunny DMX TV-E82	1
19	Bàn Mixer chuyên dụng 32 đường TF5	1
20	Bộ chữ nổi hội trường Biểu diễn	1
21	Bộ điều khiển ánh sáng thông minh TVE-77	1
22	Bộ phân chia tín hiệu kỹ thuật số TEOd8	1
23	Bộ trống điện tử Roland V-Drums TD-17K-L	1
24	Bộ xử lý hình ảnh chuyên dụng OVP - H4D	1
25	Bục phát biểu BPB 15	1
26	Bục tam cấp TCĐ 41	1
27	Bục tượng Bác Hồ TBH 15	1
28	Cổng có 8 đầu nhận tín hiệu DMX	1
29	Đèn kỹ xảo Beam 230 TV-E01	40
30	Đèn TV-E56 Follow 350W	1
31	Động cơ Mo tơ rèm cuốn	1
32	Guita Điện FENDER STD STRAT FR PLUS TOP RW TBS	2
33	Guita thùng Cordoba C5CE	1
34	Giá treo Loa Array	2
35	Hệ thống trình chiếu màn hình Led XINJUCAI	1
36	Led Wash 36 TVE-20	12
37	Loa Array Active hội trường chuyên nghiệp EVO20-M	10
38	Loa Monitor EXO12	4
39	Loa SUB siêu trầm BASSO36-A	2
40	Máy điều hòa Panasonic 45000BTU	1
41	Micro biểu diễn chuyên nghiệp MI9	8
42	Micro cổ ngỗng bục phát biểu CAF - Mi6	1
43	Ổ cắm điện Furutech Filter	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
44	Ổ cắm điện Furutech Filter	1
45	Stagebox Tio-1608D	2
46	Tủ điện ánh sáng	1
47	Tủ điện điều khiển bảng Led	1
D	**Chuyên ngành Mỹ thuật**	
1	Bục bày mẫu	2
2	Bàn vẽ mỹ thuật	14
3	Tranh treo tường	2
4	Máy in nhiệt Kodak	5
5	Máy đính cúc	1
6	Máy thùa khuyết Feiyue	1
7	Máy vắt sổ	3
8	Máy thêu Brother	5
9	Máy vắt sổ 3 kim MO6743.	6
10	Giá sắt trưng bày	1
11	Tranh khung gỗ mỹ thuật	10
12	Bàn là hơi nước	3
13	Bộ chăn là, đế kê bàn là	2
14	Ghế may	18
15	Máy khâu công nghiệp JUKI đầu kim	6
16	Máy khâu công nghiệp Siruba	7
17	Bục mẫu	2
18	Giá gỗ để tượng	6
19	Giá vẽ gỗ Thông	30
20	Tượng vẽ mỹ thuật	12
21	Tượng phát mảng, khối vuông, trụ, mắt, mũi tay	6
E	**Chuyên ngành Du lịch**	
1	Thiết bị âm thanh không dây thuyết minh dẫn đoàn GPX 10	2
2	Thiết bị âm thanh không dây thuyết minh dẫn đoàn PWA210	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
3	Đèn Laser Professional Presenter Logitech R800	1
4	Loa cầm tay dẫn đoàn ER1215	2
5	Máy trợ giảng không dây APORO	10
6	Bàn cắt may TVT ván MDF	5
7	Máy điều hòa Sumikura treo tường	2
8	Máy điều hòa Sumikura treo tường	1
9	Bộ bếp hầm BMC4-WC	3
10	Bàn làm việc thực hành booking online cho khách hàng HR120SC5	20
11	Bảng Flip chat BFT 02	3
12	Bảng nhung ghim tài liệu BTĐ 80	3
13	Bar Spoon (thìa bar)	25
14	Bình giữ nhiệt Elmich inox 304 1000ml	3
15	Bình shaker 530ml	5
16	Bottle Opener (khui bia)	10
17	Bộ ấm trà + Phích nước	8
18	Bộ bàn trà BG 25	9
19	Bộ chăn ga, gối 1m2	24
20	Bộ chăn ga, gối 1m6	10
21	Can opener (mở đồ hộp)	10
22	Cốc đánh răng	10
23	Cutting Board (thớt)	9
24	Champagne Opene (mở sâm panh)	5
25	Dép đi trong phòng	25
26	Dụng cụ vắt nước chanh	5
27	Đệm giường 1m2	8
28	Đồng hồ treo tường	12
29	Fruit Tongs (Gắp hoa quả)	10
30	Gạt tàn	8
31	Ghế ngồi cho Giáo viên và Sinh viên GL407	30

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
32	Giường đôi GTD16 + đệm 1m6	1
33	Giường đơn GTD12 + đệm 1m2	8
34	Ice Scoop (muỗng xúc đá)	9
35	Jigger/Measuring (cốc đong rượu)	10
36	Kệ đầu giường KK05	20
37	Kệ để giày dép + vali trong phòng K06	8
38	Khay nhám	7
39	Khăn tắm	15
40	Khung treo ly Inox ICN 40	1
41	Ly các loại	260
42	Máy sấy tóc Panasonic ND11	8
43	Máy xay sinh tố	2
44	Pourer (rót rượu)	5
45	Rèm cửa	105
46	Tủ đựng ly cốc có ngăn TTL17	2
47	Tủ đứng 3 buồng TT03	8
48	Tủ đựng tài liệu dùng cho Sinh viên SM2220HL	2
49	Túi y tế ST4	2
50	Thùng đựng rác	8
51	Va li kéo Size 9 inch	4
52	Bàn gỗ xoay (bàn ăn 10 chỗ ngồi)	6
53	Bàn thực hành loại bàn dài dùng cho Giáo viên QLT-01	1
54	Bàn thực hành loại bàn dài dùng cho Sinh viên QLT-02	3
55	Bảng bản đồ du lịch Thanh Hóa và Khung gương lớn treo tường	1
56	Bếp Âu 4 bếp	1
57	Bếp ga công nghiệp 2 họng ga	2
58	Bếp xào 2 bếp	2
59	Bộ nồi nấu bếp thực hành chế biến	1
60	Chiên bề mặt gas, rộng 900 GG3B	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
61	Điều hòa cây đứng 27.000 BTU Funiki FH27MMC (2 chiều)	1
62	Điều hòa treo Mitsubitsi MS-JS25 9000BTU	8
63	Giá 4 tầng để khay bát (1200x400)	1
64	Giường gỗ 1,8m x 2m	1
65	Hấp bánh bao, nhỏ, điện ESM44	1
66	Lò nướng	1
67	Lò nướng điện 1 tầng, 10 kg Berjaya	1
68	Máy điều hòa Panasonic 18000BTU	1
69	Máy điều hòa Panasonic 28000BTU cây	1
70	Máy điều hòa Sumikura treo tường	4
71	Máy ép trái cây 100 kg/h I/BSP-JE 100C	1
72	Máy giặt	1
73	Máy giặt Toshiba AW-DJ1000CV	1
74	May xay café	2
75	Quầy bar BBA 17	1
76	Bàn ăn Inox phục vụ bếp	17
77	Bàn Inox 2 tầng và 2 tầng trên để gia vị	4
78	Tivi Smart QLED 4K 55inch Samsung QA55Q70A	1
79	Tivi Sony 4K 43inch KD-43X75	8
80	Tủ bảo ôn Darling DL-2800A (Tủ đứng)	1
81	Tủ bảo ôn NISHU 750l model 788S	1
82	Tủ bar rượu	3
83	Tủ đựng tài liệu dùng cho Giáo viên SM4220HL	2
84	Tủ giữ ấm bánh 2 khay DW 211	1
85	Tủ Inox 2 cánh	2
86	Tủ lạnh Sharp FX630 4 cánh	1
87	Tủ mát 2 cánh inox BS2DUC/C	1
88	Bàn 2 chậu rửa công nghiệp	2
89	BÀN INOX 2 có nan dưới	2

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
90	BÀN INOX 2 tầng lệch	2
91	Ấm siêu tốc Blustone	1
92	Âu đựng đá innox	5
93	Bàn 2 chậu rửa công nghiệp có kèm 02 bộ thoát chậu INOX, có thành sau	4
94	Bàn Inox 2 tầng và 2 tầng trên để gia vị	
95	Bàn Inox có giá dưới để đồ Hồng Hà	16
96	Bàn nạo 6 cạnh Smarcook	6
97	Bát sứ các loại	210
98	Bình gas	4
99	Bình ủ Inox 10 lít (nhà ăn)	1
100	Búa dập, dằn thịt bằng Inox	8
101	Cân đồng hồ 50kg Việt Nam	1
102	Cốc to 600 ml	70
103	Cối, chày inox	10
104	Chảo gang xào loại to Hồng Hà	2
105	Chảo gang xào sâu lòng to	2
106	Chao lỳ	10
107	Chảo rán cạn 30cm, chống dính	10
108	Chảo sâu lòng 30cm, chống dính	10
109	Chảo xào thép D40	10
110	Chiên bề mặt điện (Rán phẳng dùng điện) EG 3000	1
111	Dao các loại	25
112	Dĩa ăn các loại	130
113	Dụng cụ đánh kem trứng bằng Inox	10
114	Đĩa các loại	280
115	Điều hòa Funyki cây đứng 18.000BTU	4
116	Điều hòa Mishubishi treo tường 12.000BTU	1
117	Giá 4 tầng để bát đĩa (1100*500)	2
118	Giá 4 tầng để khay bát đĩa sau khi rửa	4

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
119	Giàn phơi đồ	1
120	Giường gỗ đôi 1,6x1,9m	2
121	Kẹp ăn hải sản INOX	5
122	Kẹp gắp đá to	10
123	kệ tivi nhỏ	1
124	Khay đựng dụng cụ 30x40 (Hợp kim nhôm, Inox)	10
125	Lồng hấp to	3
126	Máy sấy bát Goldsun GS - 6005C	1
127	Máy xay thịt, 120 kg/giờ I/BSP - MM12	1
128	Muôi múc các loại	90
129	Nồi cơm điện vỏ Inox Nhật Bản	6
130	Nồi Inox (10l)	5
131	Nồi Inox (20l)	5
132	Phích nước rạng đông	1
133	Phù điêu đồng	1
134	Quầy lễ tân TVT - LT01	1
135	Rèm vải gấm	328
136	Ti vi Sam Sung	1
137	tủ đựng sách trưng bày pơmu	2
138	Tủ gỗ ép 1,2x2m đựng quần áo	3
139	Tủ lạnh	10
140	Thìa các loại	125
141	Thớt gỗ tự nhiên các loại	9
142	Van bếp ga van công nghiệp SW-999	4
143	Vĩ nướng to Inox, kích thước 30x40cm	20
144	Xe đẩy thức ăn 3 tầng	4
145	Xoong các loại	50
146	Bình nước nóng Ariston SL2 20 R2.5FE	1
147	Sen tắm BFV 3415T-3C+BFSC8	1

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
148	Vòi sen	1
149	Tủ gỗ pơ mu	1
F	**Chuyên ngành Thể thao**	
1	Ô lệch tâm che nắng khu vực kỹ thuật	8
2	Bàn bóng bàn	4
3	Bục trao giải thưởng BBT27	1
4	Cột và bảng rổ di động S14627	2
5	Loa kéo tay di động Uber	1
6	Trụ bóng rổ di động	2
7	Trụ cột bóng chuyền di động nam nữ S30220	2
8	Điều hòa treo 18.000 BTU LG V18ENF	2
9	Biển chữ A	4
10	Ghế ngồi chờ sân bóng 7 người	8
11	Áo giáp thi đấu võ	2
12	Bảng tính điểm	4
13	Bảng thay người	1
14	Bảo vệ chân	2
15	Bảo vệ hạ bộ	2
16	Bảo vệ răng	2
17	Bảo vệ tay	2
18	Bóng chuyền da PU Động lực DL 220c	10
19	Bóng chuyền hơi Jatan	10
20	Bóng đá may số 5	17
21	Căng dây cáp, lưới chia sân bóng	1
22	Cầu gôn bóng	2
23	Cầu lông Thành Công	24
24	Cờ góc	4
25	Cờ trọng tài KK-3	2
26	Đồng hồ bấm giờ bằng nhựa	4

STT	Tên thiết bị đào tạo, giảng dạy	Số lượng
27	Mắc cơ nâm (tập võ)	20
28	Mũ bảo hộ (tập võ)	2
29	Vợt bóng bàn	10
30	Xà nhảy cao	2
31	Bảng lật số	3
32	Bao tay	2
33	Bảo vệ chân tập võ	4
34	Bộ boxing + giá	1
35	Bộ ki tập võ	5
36	Cột cầu lông di động	2
37	Cờ Olympic	1
38	Cờ tổ quốc gắn tường	1
39	Dinh chắn bóng bàn	10
40	Đệm nhảy cao	4
41	Ghế trọng tài chính cầu lông S27353	3
42	Ghế trọng tài chính S30425	1
43	Lưới Bóng chuyền MU-LBC320	1
44	Lưới bóng rổ S14866	2
45	Thảm xốp tập Aerobic + Võ	100

PHỤ LỤC 8. SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HIỆN TẠI CỦA HAI TRƯỜNG

Bảng 1. Số lượng người làm việc các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Hồng Đức

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc			LĐQL
		Tổng	Viên chức	LĐHĐ	
1	Lãnh đạo trường	5	5	0	5
2	Khoa KT, CN & TT	53	45	8	5
3	Khoa Giáo dục	59	51	8	5
4	Khoa KT - QTKD	63	56	7	4
5	Khoa Khoa học xã hội	44	41	3	3
6	Khoa Khoa học Tự nhiên	46	42	4	4
7	Khoa NLNN	41	38	3	4
8	Khoa Ngoại ngữ	44	35	9	2
9	Khoa Giáo dục thể chất	17	16	1	2
10	Khoa LLCT - Luật	40	33	7	3
11	Phòng TCHCQT	35	29	6	4
12	Phòng KHTC	15	15	0	4
13	Phòng QLĐT	23	23	0	4
14	Phòng Thanh tra Pháp chế	7	6	1	2
15	Phòng ĐBCL & KT	10	10	0	3
16	Phòng QLKH, CN & HTQT	13	12	1	3
17	Phòng Học sinh, sinh viên	10	10	0	3
18	Trung tâm GDQP & AN	22	10	12	1
19	Trung tâm GDQT	5	4	1	2
20	Trung tâm CNTT, TT & TV	21	19	2	4
21	Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	10	7	3	3
22	Trung tâm NCƯD & CG KHCN	7	2	5	1
23	Ban QL KTX, YT & ANTT	38	15	23	4
24	Trường TH, THCS & THPT Hồng Đức	49	22	27	3
25	Trường MNTH	24	19	5	2
Tổng cộng		**701**	**565**	**136**	**80**

Bảng 2. Số lượng người làm việc tại các đơn vị của Trường ĐH VH, TT&DL Thanh Hóa

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc			LĐQL
		Tổng	Viên chức	LĐHĐ	
1	Lãnh đạo trường	4	4	0	4
2	Khoa Âm nhạc	18	14	4	3
3	Khoa Du lịch	12	8	4	3
4	Khoa Mỹ thuật	16	10	6	2
5	Khoa Ngoại ngữ-Tin học	12	7	5	2
6	Khoa Giáo dục Mầm non & Tiểu học	15	10	5	2
7	Khoa Luật-Quản lý Nhà nước	13	11	2	2
8	Khoa Thể dục-Thể thao	11	8	3	3
9	Khoa Văn hóa-Thông tin	16	11	5	2
10	Phòng Tổ chức Cán bộ	6	5	1	2
11	Phòng Hành chính- Quản trị	25	9	16	3
12	Phòng Kế hoạch- Tài chính	8	7	1	1
13	Phòng Đào tạo	13	7	6	3
14	Phòng Công tác Chính trị-HSSV	7	4	3	2
15	Phòng Quản lý Khoa học & Hợp tác Quốc tế	10	6	4	2
16	Phòng Thanh tra- Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục	13	10	3	3
17	Phòng Truyền thông và Tuyển sinh	6	2	4	2
18	Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Dịch vụ	10	5	5	2
19	Trung tâm Công nghệ Thông tin - Ngoại ngữ	5	3	2	1
20	Trung tâm Thông tin - Thư viện	5	2	3	2
Tổng		**225**	**143**	**82**	**46**

PHỤ LỤC 9. DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO SAU KHI SÁP NHẬP CỦA TRƯỜNG ĐH HỒNG ĐỨC

1. Khoa Khoa học Tự nhiên

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Bộ môn quản lý
1	Toán giải tích	Thạc sĩ	(1) BM Toán giải tích và PPGD Toán
2	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Thạc sĩ	
3	Phương pháp toán sơ cấp	Thạc sĩ	
4	Toán học	Đại học	
5	Đại số và lý thuyết số	Thạc sĩ	(2) BM Đại số và Hình học
6	Sư phạm Toán học	Đại học	
7	Vật lý lý thuyết và Vật lý toán	Thạc sĩ	(3) BM Vật lý
8	Vật lý chất rắn	Thạc sĩ	
9	Sư phạm Vật lý	Đại học	
10	Hóa hữu cơ	Thạc sĩ	(4) BM Hoá học
11	Sư phạm Hóa học	Đại học	
12	Thực vật học	Thạc sĩ	(5) BM Sinh học
13	Động vật học	Thạc sĩ	
14	Sư phạm Sinh học	Đại học	
15	Sư phạm KH Tự nhiên	Đại học	

2. Khoa Khoa học xã hội

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Bộ môn quản lý
1	Văn học Việt Nam	Tiến sĩ	(1) BM Ngữ văn
2	Lý luận và PPDH BM Văn - TV	Tiến sĩ	
3	Lý luận và PPDH BM Văn -TV	Thạc sĩ	
4	Văn học Việt Nam	Thạc sĩ	
5	Ngôn ngữ Việt Nam	Thạc sĩ	
6	Sư phạm Ngữ văn	Đại học	
7	Văn học	Đại học	
8	Lịch sử Việt Nam	Tiến sĩ	(2) BM Lịch sử
9	Lịch sử Việt Nam	Thạc sĩ	

10	Sư phạm Lịch sử	Đại học	
11	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Đại học	
12	Địa lý học	Thạc sĩ	(3) BM Địa lý
13	Sư phạm Địa lý	Đại học	

3. Khoa Kinh tế

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Bộ môn quản lý
1	Quản trị kinh doanh	Tiến sĩ	(1) BM Quản trị kinh doanh
2	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ	
3	Quản trị kinh doanh	Đại học	
4	Quản trị nhân lực	Đại học	
5	Logistics và quản lý CCU	Đại học	
6	Tài chính – Ngân hàng	Thạc sĩ	(2) BM Tài chính - Ngân hàng
7	Tài chính-Ngân hàng	Đại học	
8	Quản lý kinh tế	Thạc sĩ	(3) BM Kinh tế
9	Kinh tế	Đại học	
10	Kế toán	Thạc sĩ	(4) BM Kế toán Quản trị
11	Kế toán	Đại học	(5) BM Kế toán Tài chính
12	Kiểm toán	Đại học	

4. Khoa Nông nghiệp và Môi trường

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Bộ môn quản lý
1	Khoa học cây trồng	Tiến sĩ	(1) BM Khoa học cây trồng
2	Khoa học cây trồng	Thạc sĩ	
3	Khoa học cây trồng	Đại học	
4	Chăn nuôi-Thú y	Đại học	(2) BM Khoa học vật nuôi
5	Quản lý đất đai	Đại học	(3) BM Khoa học đất và môi trường
6	Kinh tế nông nghiệp	Đại học	(4) BM Lâm nghiệp và PTNT

5. Khoa Kỹ thuật - Công nghệ

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Bộ môn quản lý
1	Khoa học máy tính	Tiến sĩ	(1) BM KHMT
2	Khoa học máy tính	Thạc sĩ	
3	Kỹ thuật xây dựng	Thạc sĩ	(2) BM Kỹ thuật công trình
4	Kỹ thuật xây dựng	Đại học	
5	Sư phạm Tin học	Đại học	(3) BM Hệ thống thông tin
6	Công nghệ thông tin	Đại học	
7	Truyền thông ĐPT	Đại học	(4) BM Truyền thông
8	Công nghệ truyền thông	Đại học	
9	Kỹ thuật điện	Đại học	(5) BM Kỹ thuật điện
10	Khoa học vật liệu (CTĐT Kỹ thuật vi điện tử và công nghệ bán dẫn)	Đại học	

6. Khoa Văn hóa – Nghệ thuật

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Bộ môn quản lý
1	Quản lý văn hóa	Tiến sĩ	(1) BM Quản lý Văn hóa
2	Quản lý văn hóa	Thạc sĩ	
3	Quản lý văn hóa	Đại học	
4	Sư phạm Âm nhạc	Đại học	(2) BM Sư phạm Âm nhạc
5	Sư phạm Mỹ thuật	Đại học	
6	Thanh nhạc	Đại học	(3) BM Thanh nhạc-Nhạc cụ
7	Thanh nhạc	Trung cấp	
8	Nhạc cụ phương Tây và Nhạc cụ truyền thống	Trung cấp	
9	Hội họa	Trung cấp	(4) Bộ môn Đồ họa
10	Thiết kế thời trang	Đại học	
11	Đồ họa	Đại học	
12	Thông tin - thư viện	Đại học	(5) BM Thông tin - Thư viện

7. Khoa Du lịch

TT	Ngành đào tạo	Trình độ	Bộ môn quản lý

		đào tạo	
1	Du lịch	Đại học	(1) BM Du lịch
2	Quản trị khách sạn	Đại học	(2) BM Quản trị khách sạn
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Đại học	(3) BM Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

8. Khoa Ngoại ngữ

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Bộ môn quản lý
1	Ngôn ngữ Anh	Thạc sĩ	(1) BM NNgVH và PPDH TA
2	Ngôn ngữ Anh	Đại học	
3	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	(2) BM PT kỹ năng TA
4	Tiếng Anh không chuyên	Đại học	(3) BM TA không chuyên
5	Tiếng Trung	Đại học	(4) BM Tiếng Trung

9. Khoa Thể dục thể thao

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Bộ môn quản lý
1	Giáo dục Thể chất	Đại học	(1) BM Bóng - Điền kinh
2	Huấn luyện thể thao	Đại học	(2) BM LL và PPGD thể chất
3	Quản lý TDTT	Đại học	(3) BM Quản lý thể thao

10. Khoa Lý luận chính trị - Luật

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Bộ môn quản lý
1	Quản lý nhà nước	Đại học	(1) BM Quản lý Nhà nước
2	Quản lý công	Thạc sĩ	
3	Luật	Đại học	(2) Bộ môn Luật
4	Luật kinh tế	Đại học	
5	Chính trị học	Đại học	(3) BM LL Mac LN/ BM LS ĐCS VN và TT HCM

11. Khoa Giáo dục mầm non và tiểu học

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Bộ môn quản lý
1	Giáo dục Tiểu học	Đại học	(1) BM Giáo dục Tiểu học
2	Giáo dục Mầm non	Đại học	(2) BM Lý luận và Phương pháp giáo dục Mầm non;

12. Khoa Tâm lý-Giáo dục

TT	Ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Bộ môn quản lý
1	Quản lý giáo dục	Tiến sĩ	(1) BM Giáo dục học
2	Quản lý giáo dục	Thạc sĩ	
3	Công tác xã hội	Đại học	(2) BM Công tác xã hội
4	Tâm lý học	Đại học	(3) BM Tâm lý học

Ghi chú: Căn cứ điều kiện thực tiễn, trong thời gian tới Nhà trường điều chỉnh các ngành đào tạo của các Khoa cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

PHỤ LỤC 10. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ SAU KHI SÁP NHẬP CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
1.	Phòng Kế hoạch - Tài chính	1. Chức năng: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng: - Quản lý và tổ chức thực hiện công tác xây dựng kế hoạch, quản lý tài chính của Nhà trường; - Tổ chức thực hiện và đề xuất các quy chế, quy trình, quy định quản lý các nguồn tài chính; thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định hiện hành của Nhà nước. 2. Nhiệm vụ: a) Công tác kế hoạch - Chủ trì, phối hợp xây dựng và hướng dẫn thực hiện các kế hoạch chiến lược, trung hạn, hàng năm; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai của các đơn vị. - Chủ trì lập và trình Hiệu trưởng phê duyệt quy hoạch, kế hoạch đầu tư – xây dựng dài hạn, ngắn hạn của Trường. - Chủ trì hướng dẫn, thẩm định và trình phê duyệt kế hoạch tài chính, dự toán ngân sách hàng năm và kế hoạch sử dụng các nguồn vốn, kinh phí. - Chủ trì xây dựng, rà soát và trình phê duyệt các quy chế, quy định, định mức về kế hoạch, tài chính, tài sản và chi tiêu nội bộ của Trường. - Sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng tăng quyền tự chủ, phù hợp thực tế và quy định hiện hành. b) Công tác tài chính, kế toán - Thanh toán lương, phụ cấp, bảo hiểm, học bổng và các khoản trợ cấp cho cán bộ, người học. - Tập trung đầu mối thu học phí, lệ phí và các dịch vụ; phối hợp với ngân hàng để quản lý dòng tiền và tối ưu hóa nguồn vốn. - Hướng dẫn tạm ứng, thanh quyết toán các đề tài nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và hội thảo. - Chủ trì đối chiếu và đôn đốc thu hồi nợ (đối tác liên kết, dịch vụ điện nước, các khoản tạm ứng quá hạn). - Kê khai và quyết toán các loại thuế (GTGT, TNDN, TNCN...) theo quy định pháp luật. - Lập báo cáo tài chính hàng năm; thực hiện kiểm toán, công khai tài chính và kiểm tra nội bộ. - Hạch toán nghiệp vụ, quản lý hệ thống sổ sách/biểu mẫu, giám sát thu chi tại các đơn vị trực thuộc và lưu trữ hồ sơ kế toán. - Hướng dẫn ghi sổ, kiểm tra và giám sát việc quản lý tài sản công trong toàn trường. c) Công tác khác: - Quản lý và theo dõi việc cấp phát phôi văn bằng, chứng chỉ. - Lập kế hoạch và triển khai mua sắm, sửa chữa, bảo trì tài sản, thiết bị sau khi được phê duyệt. - Phối hợp mua sắm, nghiệm thu thiết bị mới; chủ trì công tác kiểm kê định kỳ và trích khấu hao tài sản. - Tham mưu phương án thanh lý, thực hiện thu hồi tài sản về kho và tổ chức thanh lý theo quy định. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng.
2.	Phòng Đào tạo	1. Chức năng: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng: - Tham mưu tổ chức tuyển sinh; quản lý kế hoạch đào tạo các hệ bồi dưỡng thường xuyên và sau đại học.

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
		- Thực hiện xét tốt nghiệp, in và cấp phát bản chính/bản sao các loại văn bằng, chứng chỉ. - Phát triển hợp tác với đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ thực tập và giải quyết việc làm cho người học. - Xây dựng chiến lược quảng bá thương hiệu và đa dạng hóa các hình thức, trình độ đào tạo, bồi dưỡng. 2. Nhiệm vụ: a) Công tác phát triển các hình thức, trình độ đào tạo và các loại hình đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên - Chủ trì xây dựng kế hoạch phát triển đào tạo (Đại học, Sau đại học, Bồi dưỡng thường xuyên) và ban hành các quy định liên quan. - Phối hợp xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo và các loại hình bồi dưỡng mới. - Chủ trì rà soát, cập nhật CTĐT và đề cương chi tiết học phần định kỳ. - Cập nhật chương trình khung lên hệ thống quản lý; quản lý danh mục tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy b) Xây dựng các kế hoạch, quy định về công tác đào tạo trình độ đại học, sau đại học và bồi dưỡng thường xuyên - Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học hằng năm, kế hoạch toàn khóa cho tất cả các hệ đào tạo và chương trình bồi dưỡng. - Lập kế hoạch thực tập, rèn nghề và triển khai làm khóa luận, luận văn, luận án cho người học. - Chủ trì rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên. - Trực tiếp lập thời khóa biểu chi tiết theo từng học kỳ và học phần cho các trình độ Đại học và Sau đại học. c) Tổ chức quản lý hoạt động đào tạo trình độ đại học, sau đại học và bồi dưỡng thường xuyên - Khai thác phần mềm quản lý đào tạo; phổ biến và kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy chế đào tạo tại các đơn vị. - Đề xuất giải pháp đổi mới phương pháp dạy - học; tổ chức xét công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ cho người học. - Kiểm tra nội dung, tiến độ giảng dạy và công tác chuẩn bị bài giảng; tổ chức dự giờ chuyên môn định kỳ. - Triển khai hồ sơ thủ tục (công văn, giấy giới thiệu) và giám sát việc thực hiện kế hoạch thực hành, kiến tập, thực tập của người học. d) Tổ chức, quản lý học tập - Chủ trì hướng dẫn quy chế, kế hoạch học tập, thi và đánh giá cho người học. - Phối hợp xử lý học vụ thường xuyên; tham mưu phân công, theo dõi và đánh giá hoạt động của đội ngũ Cố vấn học tập. - Phối hợp theo dõi nền nếp và quản lý kết quả học tập; chủ trì xét học tiếp, thôi học hoặc học ngành 2. - Tổ chức xét điều kiện thực hiện khóa luận/luận văn và xét công nhận tốt nghiệp cho tất cả các hệ đào tạo, bồi dưỡng. - Phối hợp tổ chức lễ khai giảng, bế giảng, trao bằng; quản lý và lưu trữ toàn bộ hồ sơ đào tạo, bảng điểm của người học. - Tiếp nhận nhập học cho học viên, NCS, phân lớp, cấp thẻ. đ) Quản lý và in văn bằng; in và cấp phát bản sao văn bằng, chứng chỉ/chứng nhận trong toàn Trường - Chịu trách nhiệm quản lý, cấp phát và báo cáo cấp trên về tình hình sử dụng văn bằng, chứng chỉ trong toàn trường. - In bằng, phụ lục văn bằng cho các hệ đào tạo; trực tiếp cấp phát văn bằng, phụ

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
		lục cho bậc Sau đại học và các loại chứng chỉ (trừ GDQP-AN và CNTT cơ bản). - Chủ trì lễ trao bằng Sau đại học; phối hợp tổ chức lễ trao bằng cho sinh viên; in và cấp bản sao văn bằng, giấy chứng nhận theo yêu cầu. - Thực hiện chế độ báo cáo và lưu trữ toàn bộ dữ liệu, hồ sơ xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường. e) Liên kết đào tạo - Phối hợp xây dựng kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và ban hành các quy định về liên kết đào tạo. - Phối hợp lập, kiểm tra việc thực hiện và thanh lý các hợp đồng liên kết đào tạo theo quy định. f) Tuyển sinh - Chủ trì xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch, đề án và thông báo tuyển sinh cho tất cả các hệ đào tạo. - Tổ chức quảng bá, tư vấn tuyển sinh; thu nhận, xử lý hồ sơ và lập phương án xét tuyển. - Phối hợp tiếp nhận người học trúng tuyển (đại học & sau đại học), phân lớp và thực hiện chuyển ngành/hình thức đào tạo. - Thực hiện báo cáo và lưu trữ dữ liệu tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT. g) Kết nối việc làm - Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên và nhu cầu xã hội để tham mưu điều chỉnh quy mô, ngành nghề đào tạo. - Tổ chức tư vấn nghề nghiệp, đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV và phỏng vấn cho sinh viên. - Ký kết MOU, xây dựng mạng lưới đối tác tuyển dụng để tạo địa điểm thực tập và cung ứng nhân lực. - Tổ chức Ngày hội việc làm (Job Fair), hội thảo tuyển dụng và tham quan thực tế doanh nghiệp. - Xây dựng mạng lưới cựu sinh viên để hỗ trợ kết nối và phát triển nghề nghiệp. h) Các nhiệm vụ khác - Tổ chức bồi dưỡng kiến thức văn hóa trước tuyển sinh và quản lý dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. - Phối hợp tổ chức các hoạt động chuyên môn, học thuật; chủ trì kế hoạch bồi dưỡng đổi mới giáo dục theo yêu cầu của Bộ và Tỉnh.
3.	Phòng Học sinh, Sinh viên	1. Chức năng: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong công tác quản lý và tổ chức thực hiện công tác sinh viên (SV) thuộc trách nhiệm và thẩm quyền, bao gồm các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, quản lý, hỗ trợ và dịch vụ trong SV theo đúng Quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT. 2. Nhiệm vụ: a) Giáo dục & Tuyên truyền - Chủ trì giáo dục chính trị, đạo đức, lối sống, phổ biến pháp luật và kỹ năng sống cho sinh viên (SV). - Thành lập và quản lý các đội tuyển văn nghệ, thể thao tham gia các kỳ thi cấp trên. - Phối hợp theo dõi và thực hiện công tác phát triển Đảng trong SV. b) Quản lý Sinh viên - Tiếp nhận nhập học, phân lớp, cấp thẻ SV; quản lý dữ liệu trên phần mềm và hệ thống của Bộ GD&ĐT. - Giải quyết thủ tục chuyển trường, nghỉ học, thôi học, trở lại học và tốt nghiệp. - Lưu trữ hồ sơ SV; lưu, quản lý, phát bằng cho HSSV; chủ trì tổ chức đối thoại giữa SV với lãnh đạo, tuần sinh hoạt công dân và Lễ trao bằng tốt nghiệp. - Chủ trì đánh giá điểm rèn luyện, xét khen thưởng, học bổng; thường trực Hội

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
		đồng kỷ luật và xử lý vi phạm đối với SV. - Đầu mối quản lý SV ngoại trú; phối hợp quản lý SV nội trú, đảm bảo an ninh trật tự và phòng chống tệ nạn. - Giải quyết các chế độ chính sách xã hội, bảo hiểm y tế và nhắc nhở đóng học phí. c) Hỗ trợ & Dịch vụ Sinh viên - Hỗ trợ phương pháp học tập; tư vấn tâm lý, sức khỏe và phối hợp tổ chức khám sức khỏe định kỳ. - Khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp; phối hợp tổ chức hội chợ việc làm và kết nối mạng lưới cựu SV. - Thường trực Hội khuyến học; quản lý các quỹ học bổng tài trợ cho SV nghèo vượt khó hoặc có thành tích xuất sắc. - Triển khai công tác xã hội, giúp đỡ SV khuyết tật, mồ côi và SV diện chính sách. - Phối hợp quản lý các dịch vụ căng tin, internet, sân bãi và các thiết chế văn hóa phục vụ SV. d) Các công tác phối hợp khác - Chủ trì và phối hợp tổ chức các hoạt động tình nguyện, phục vụ cộng đồng. - Tham mưu đánh giá công tác SV của các đơn vị trong Trường cho Hội đồng thi đua. - Đầu mối tổng hợp, thẩm định chuyên môn và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao toàn trường theo kế hoạch của Bộ.
4.	Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác Quốc tế	1. Chức năng: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong công tác: - Xây dựng, thẩm định và triển khai các hoạt động KHCN; quản lý sở hữu trí tuệ và xuất bản tạp chí/ấn phẩm khoa học của Trường. - Phát triển, quản lý và tổ chức các hoạt động đối ngoại; triển khai các chương trình hợp tác và dịch vụ quốc tế theo quy định. - Nghiên cứu, xây dựng các chương trình liên kết đào tạo Đại học và Sau đại học với các đối tác nước ngoài. - Thực hiện các dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ. 2. Nhiệm vụ a) Về công tác Quản lý khoa học, công nghệ: - Tham mưu xây dựng chiến lược KHCN (dài, trung, ngắn hạn); ban hành quy chế quản lý và triển khai các hệ thống phần mềm quản lý khoa học. - Đầu mối tổ chức triển khai, theo dõi tiến độ và nghiệm thu đề tài các cấp; quản lý các hội thảo khoa học và khen thưởng KHCN. - Chủ trì xuất bản Tạp chí khoa học ĐH Hồng Đức; quản lý hoạt động NCKH của người học và việc biên soạn giáo trình, học liệu. - Phối hợp với doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm; thực hiện các dịch vụ KHCN phục vụ xã hội. - Triển khai các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm và chuyên ngành. - Hỗ trợ đăng ký, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn đặt tên sản phẩm khoa học. - Xác nhận lý lịch khoa học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH của giảng viên; Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo. b) Công tác Hợp tác Quốc tế & Lưu học sinh (LHS) - Tham mưu chiến lược hợp tác quốc tế; thực hiện lễ tân đối ngoại; quản lý kế hoạch đoàn ra, đoàn vào và nhân sự người nước ngoài. - Khai thác các chương trình dự án với đại học nước ngoài; tìm kiếm học bổng, trao đổi giảng viên/sinh viên và dịch vụ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
		- Phối hợp xây dựng và quản trị Website tiếng Anh của Nhà trường. - Chủ trì mạng lưới đối tác nước ngoài để tuyển sinh; lập kế hoạch tiếp nhận, bàn giao hồ sơ và tổ chức tuần giáo dục định hướng cho LHS. - Kiểm tra tính pháp lý, quản lý hồ sơ gốc và cập nhật dữ liệu lên hệ thống điện tử quốc gia (vied.vn). - Giám sát tình hình học tập, biến động số lượng LHS để báo cáo UBND tỉnh, Bộ GD&ĐT và các Đại sứ quán liên quan. - Phối hợp thực hiện các chế độ chính sách, học bổng; tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, tham quan cho LHS.
5.	Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	1. Chức năng: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc phát triển, quản lý và triển khai thực hiện công tác khảo thí, công tác đánh giá và công tác bảo đảm chất lượng trong Nhà trường. 2. Nhiệm vụ: a) Công tác Đảm bảo chất lượng - Tham mưu xây dựng kế hoạch, mục tiêu chất lượng và ban hành các văn bản hướng dẫn về đảm bảo chất lượng giáo dục. - Triển khai hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài theo bộ tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục đại học. - Tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan (người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng) để cải tiến chất lượng đào tạo. - Phối hợp công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên website; đôn đốc các đơn vị thực hiện kế hoạch khắc phục sau đánh giá ngoài. b) Công tác Khảo thí - Xây dựng quy định về hình thức thi; lập kế hoạch và lịch thi học kỳ cho tất cả các bậc đào tạo (Cao đẳng, Đại học, Sau đại học). - Chủ trì xây dựng ngân hàng câu hỏi; thực hiện biên soạn, làm đề và in sao đề thi bảo mật. - Giám sát tổ chức thi; lập kế hoạch chấm thi và phối hợp xử lý kết quả thi; giải quyết khiếu nại về điểm số cho người học. - Chủ trì tổ chức thi trắc nghiệm trên máy, thi năng lực ngoại ngữ (khung 6 bậc) và đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài. - Quản lý và bảo mật tuyệt đối ngân hàng đề, bài thi và kết quả học tập của người học. c) Công tác khác - Quản lý phôi văn bằng, chứng chỉ theo quy định (phối hợp với các đơn vị liên quan). - Tham gia và tổ chức tập huấn về công tác khảo thí, đảm bảo chất lượng cho cán bộ, giảng viên toàn trường.

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
6.	Phòng Thanh tra - Pháp chế	1. Chức năng Tham mưu và giúp Hiệu trưởng: - Xây dựng và triển khai các hoạt động thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý của Hiệu trưởng; - Thực hiện công tác pháp chế của Nhà trường theo quy định. 2. Nhiệm vụ: a) Nhiệm vụ Thanh tra, Kiểm tra - Xây dựng và tổ chức thanh tra chuyên đề, thường xuyên hoặc đột xuất việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân trong trường. - Đầu mối tiếp công dân; tiếp nhận và tham mưu xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định pháp luật. - Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng trong lĩnh vực giáo dục; kiến nghị xử lý vi phạm. - Làm đầu mối phối hợp với thanh tra cấp trên; tổng kết kinh nghiệm và báo cáo định kỳ về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại. b) Nhiệm vụ Pháp chế - Tư vấn cho Hiệu trưởng các vấn đề pháp lý nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà trường, cán bộ và người học. - Kiểm soát tính pháp lý của văn bản trước khi ban hành; chủ trì rà soát và hệ thống hóa các quy định quản lý nội bộ. - Soạn thảo các văn bản về công tác pháp chế; tham gia góp ý dự thảo văn bản của các cơ quan bên ngoài. - Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật; theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện pháp luật và nội quy, quy chế trong hoạt động trong toàn trường.
7.	Phòng Tổ chức - Hành chính	1. Chức năng: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng - Về cơ cấu tổ chức; thực hiện quy hoạch, tuyển dụng, bố trí và sử dụng viên chức, người lao động. - Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và đánh giá, xếp loại nhân sự định kỳ. - Giải quyết các chế độ lương, thưởng và quyền lợi của người lao động. - Quản lý công tác chính trị tư tưởng và bảo vệ chính trị nội bộ trong toàn trường. - Đầu mối công tác tổng hợp, truyền thông và trao đổi thông tin nội bộ. - Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng đối với viên chức và người lao động. - Quản lý công văn đi/đến, con dấu và lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định. - Tổ chức công tác lễ tân, hậu cần, phục vụ hội họp và quản lý phương tiện công tác. 2. Nhiệm vụ a) Công tác Tổ chức & Vị trí việc làm - Chủ trì xây dựng quy chế, quy định về công tác cán bộ; đề xuất thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể đơn vị, tổ chức trong Trường. - Thành lập, kiện toàn các hội đồng tư vấn, tham mưu; các ban, tổ công tác thực hiện các nhiệm vụ của Trường (trừ các nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên của các đơn vị). - Xây dựng và định kỳ rà soát Đề án vị trí việc làm cho toàn bộ các đơn vị. b) Công tác Cán bộ & Chế độ chính sách - Thực hiện quy hoạch lãnh đạo; tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức, người lao động. - Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ; làm thủ tục cử đi học tập/công tác; chủ trì xét danh hiệu Nhà giáo Nhân dân/Ưu tú và chức danh GS/PGS. - Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng, nâng lương, thay đổi chức danh nghề nghiệp; thực hiện chế độ bảo hiểm và chính sách đãi ngộ. c) Công tác Chính trị tư tưởng & Bảo vệ nội bộ

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
		- Theo dõi tâm tư nguyện vọng của người lao động; thực hiện quy chế dân chủ và phổ biến nghị quyết của Đảng, Nhà nước. - Xây dựng kế hoạch bảo vệ chính trị nội bộ; thẩm tra và xác minh các dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc đường lối của Đảng. d) Công tác Hành chính & Tổng hợp - Triển khai các văn bản, ý kiến chỉ đạo của Ban Giám hiệu; làm thư ký các cuộc họp lãnh đạo; xây dựng lịch công tác tuần. -Cập nhật quy trình công việc, thực hiện cơ chế "Một cửa liên thông". - Chuẩn bị báo cáo tháng/năm, các bài phát biểu của Hiệu trưởng và nội dung cho các hội nghị, đại hội cấp Trường. - Đại diện phát ngôn khi được ủy quyền; đầu mối trao đổi thông tin giữa Ban Giám hiệu với các đơn vị trong và ngoài Trường. f) Văn thư, Lưu trữ & Bảo mật - Chịu trách nhiệm về văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu và chữ ký; cấp giấy đi đường, giấy giới thiệu. - Phụ trách in ấn, chứng thực văn bản nội bộ; cung cấp báo chí và văn phòng phẩm chung. - Quản lý và trực tiếp dán tem bảo mật vào văn bằng, chứng chỉ trước khi cấp phát. g) Lễ tân, Hậu cần & Phương tiện - Phụ trách lễ tân, khánh tiết các buổi lễ; điều phối phòng họp, hội trường và đảm bảo vệ sinh, kỹ thuật (âm thanh, ánh sáng) - Bố trí nơi lưu trú và công tác đón tiếp khách của Nhà trường, điều phối sử dụng xe ô tô công tác và quản lý khu vực Nhà điều hành.
8.	Phòng Quản trị Tài sản và đầu tư	1. Chức năng: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng - Giúp Hiệu trưởng hoạch định việc đầu tư xây dựng, mua sắm và phân bổ sử dụng toàn bộ tài sản, thiết bị trong Trường. - Chịu trách nhiệm bảo quản, duy tu và sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng (đất đai, nhà cửa, điện nước, vật tư, thiết bị), quy hoạch cây xanh tạo môi trường học đường đảm bảo tiêu chí: Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn. - Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho người học và bảo vệ tài sản công trong khu vực KTX cũng như toàn trường. - Chủ trì công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) và giữ gìn vệ sinh môi trường trong khuôn viên Nhà trường. 2. Nhiệm vụ: a) Quản lý đầu tư và Xây dựng - Tham mưu về quản lý đất đai, nhà cửa và các hoạt động xây dựng, đầu tư trong toàn trường. - Chủ trì lập hồ sơ, thiết kế, dự toán và giám sát thi công, nghiệm thu các công trình xây mới hoặc cải tạo. - Làm việc với các cơ quan chức năng để giải quyết thủ tục đầu tư; đánh giá hiệu quả đầu tư cơ sở vật chất định kỳ. b) Vận hành Hệ thống Kỹ thuật & An toàn - Thiết kế, dự toán và bảo trì hệ thống điện, nước; đảm bảo cung cấp đầy đủ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. - Đảm bảo các điều kiện an toàn và trang thiết bị PCCC theo quy định pháp luật. - Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật của các dự án khoa học do Trường chủ trì. c) Quản lý Tài sản & Thiết bị - Lập kế hoạch và thực hiện mua sắm, nâng cấp thiết bị văn phòng, máy tính, máy chiếu tại giảng đường và khối hành chính. d) Công tác Vệ sinh môi trường & Cảnh quan

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
		- Đảm bảo vệ sinh tại các giảng đường và khuôn viên chung (ngoại trừ Nhà điều hành và Hội trường lớn). - Chăm sóc, cắt tỉa và duy trì hệ thống cây xanh, cây cảnh trong toàn bộ khuôn viên trường. e) Công tác PCCC, Cứu nạn cứu hộ & Phòng chống thiên tai - Kiện toàn Ban chỉ đạo và Đội PCCC cơ sở; xây dựng kế hoạch PCCC, cứu nạn và phòng chống thiên tai hằng năm. - Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, người học; định kỳ tự kiểm tra, bảo trì trang thiết bị PCCC và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. - Thường trực Hội đồng kiểm kê, đánh giá giá trị và thực hiện thủ tục thanh lý tài sản định kỳ. - Phối hợp với các đơn vị quản lý tài sản, trang thiết bị và kho vật tư tập trung. - Tổ chức công tác đóng/mở cửa giảng đường, phòng học theo lịch trình. - Quản lý và giám sát các hoạt động dịch vụ có thu trong khuôn viên Nhà trường.
9.	Trung tâm Thư viện và Công nghệ số	1. Chức năng: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng: - Tham mưu hoạch định, phát triển hạ tầng CNTT và các phần mềm ứng dụng phục vụ quản lý, điều hành. - Thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Tư vấn, thực hiện các dịch vụ CNTT, đào tạo ngắn hạn và chuyển giao công nghệ cho các đơn vị có nhu cầu. - Tham mưu và thực hiện các chiến lược truyền thông, quảng bá hình ảnh của Nhà trường. Điều hành các kênh thông tin chính thống, quản trị nội dung phục vụ công tác truyền thông. - Xây dựng và quản lý kho tài liệu, thư viện điện tử và hệ thống tri thức số. - Cung cấp nguồn học liệu phục vụ nghiên cứu, học tập của giảng viên và người học. Cung cấp các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ theo nhu cầu xã hội và người học. - Tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thông tin, thư viện phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, viên chức, người lao động và người học trong Trường 2. Nhiệm vụ: a) CNTT và Chuyển đổi số - Thường trực xây dựng chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số; thẩm định chuyên môn các dự án CNTT và vận hành hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu toàn trường. - Vận hành Trung tâm dữ liệu (Data Center), hệ thống mạng, internet, camera, tổng đài điện thoại và các phòng máy tính thực hành. - Bảo trì các phòng kỹ thuật sản xuất học liệu điện tử; cung cấp dịch vụ internet cho viên chức và người học. - Chủ trì xây dựng quy trình và vận hành các hệ thống bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin kỹ thuật số trong Nhà trường. b) Truyền thông và Thương hiệu - Xây dựng kế hoạch truyền thông; quản trị website (hdu.edu.vn), mạng xã hội và các ấn phẩm (đặc san, newsletter). - Quản lý hình ảnh Nhà trường trên phương tiện thông tin đại chúng; đầu mối làm việc với báo chí và tham mưu xử lý khủng hoảng truyền thông. - Tư vấn và giám sát các đơn vị trong trường thực hiện truyền thông thống nhất; quản lý các sự kiện của đơn vị bên ngoài tổ chức tại Trường. c) Đào tạo, Dịch vụ và Chuyển giao CNTT - Tổ chức đào tạo, đánh giá và cấp chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cho sinh viên và các đối tượng theo nhu cầu; Tập huấn nâng cao năng lực số cho viên chức và người lao động.

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
		- Thực hiện các hợp đồng chuyển giao công nghệ, dịch vụ phần mềm cho các tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài. d) Đào tạo và Bồi dưỡng Ngoại ngữ - Bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ công chức và sinh viên theo nhiệm vụ được giao. - Cung cấp các khóa học ngoại ngữ theo nhu cầu xã hội; phối hợp với các tổ chức khảo thí quốc tế để tổ chức thi cấp chứng chỉ. e) Công tác thư viện - Tham mưu định hướng hoạt động thư viện theo mô hình quản trị thông tin và tri thức số hiện đại. - Phát triển và khai thác kho học liệu (sách, ấn phẩm KHCN, luận văn, luận án, tài nguyên số...); xây dựng hệ thống học liệu mở. - Quản lý hệ thống phòng đọc, phòng mượn; cung cấp tài liệu và xây dựng văn hóa đọc trong toàn trường. - Tiếp nhận các sản phẩm nghiên cứu của giảng viên, sinh viên; chủ trì công tác kiểm tra, xác nhận đạo văn cho luận văn, luận án. - Chịu trách nhiệm quản lý hiệu quả tài sản hữu hình và tài sản trí tuệ (phần mềm, dữ liệu, thông tin) được giao.
10.	Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	1. Chức năng: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng: - Kết nối, hỗ trợ và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) của Trường Đại học Hồng Đức nhằm tư vấn, huấn luyện, đào tạo, truyền thông; - Quản lý đối với các hoạt động hướng nghiệp, khởi nghiệp của Nhà trường; - Cung cấp các hoạt động/dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp và khởi nghiệp ĐMST cho HSSV, VC, NLĐ Trường Đại học Hồng Đức nói riêng và HSSV, thanh niên, các cá nhân/tổ chức/doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (nếu có nhu cầu); 2. Nhiệm vụ: - Đảm nhiệm giảng dạy học phần Khởi nghiệp ĐMST cho sinh viên toàn trường và tổ chức các khóa huấn luyện, cấp chứng chỉ về kỹ năng khởi nghiệp. - Hỗ trợ cá nhân/tổ chức về đổi mới quy trình quản lý, sản xuất; quản trị và thương mại hóa tài sản trí tuệ. - Xây dựng các bộ tài liệu, ấn phẩm phục vụ truyền thông và tập huấn về khởi nghiệp ĐMST. - Hỗ trợ thủ tục pháp lý thành lập doanh nghiệp, tư vấn kế toán, thuế, tiếp cận nguồn vốn (tín dụng, vốn mạo hiểm, vốn thiên thần) và xúc tiến thị trường. - Đầu mối liên kết với doanh nghiệp tổ chức hội chợ việc làm, hỗ trợ tìm kiếm địa điểm thực tập và cung ứng nguồn nhân lực cho xã hội. - Hình thành và vận hành Startup Hub (Khu dịch vụ tập trung) và Startup Space (Không gian làm việc chung) để sinh viên thực tập khởi nghiệp thực tế. - Thu hút và xây dựng mạng lưới chuyên gia, tư vấn viên về khởi nghiệp trong và ngoài nước theo các nhóm ngành trọng điểm của tỉnh. - Chủ trì các cuộc thi khởi nghiệp ĐMST, hội nghị trình diễn công nghệ, giới thiệu sản phẩm và các chương trình giao lưu khởi nghiệp. - Liên kết với các quỹ đầu tư, cơ sở ươm tạo và các nhà khoa học để phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp bền vững. - Tổ chức sản xuất, giới thiệu và kinh doanh các sản phẩm mang thương hiệu Đại học Hồng Đức; thương mại hóa các ý tưởng nghiên cứu. - Tham gia đấu thầu các hợp đồng nghiên cứu; phối hợp chuyển giao công nghệ và ký kết hợp đồng tập huấn cho các đối tác bên ngoài.
11.	Trung tâm Nghiên cứu	1. Chức năng: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng: - Nghiên cứu & Chuyển giao trọng tâm vào các lĩnh vực Nông - Lâm - Ngư

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
	ứng dụng và Chuyển giao khoa học công nghệ	nghiệp, Công nghệ sinh học, Môi trường, Xây dựng và Khoa học Xã hội - Nhân văn. - Nghiên cứu cơ chế chính sách, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhân văn cho tỉnh Thanh Hóa; - Tổ chức đào tạo nghề ngắn hạn (dưới 3 tháng) và cung cấp dịch vụ kỹ thuật theo nhu cầu xã hội. 2. Nhiệm vụ - Nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng năng suất cao; sản xuất chế phẩm sinh học; bảo tồn nguồn gen quý và xử lý ô nhiễm môi trường. - Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng. - Nghiên cứu đặc thù văn hóa, dân tộc và các lĩnh vực khoa học xã hội tại Thanh Hóa. - Tổ chức các lớp nghề dưới 3 tháng và bồi dưỡng ngắn hạn (Nông nghiệp, Du lịch, Ngôn ngữ...); quản lý và cấp chứng chỉ theo quy định. - Hợp tác với các tổ chức trong nước để thực hiện các dự án nghiên cứu đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. - Tư vấn chứng nhận chất lượng và sản phẩm OCOP; xây dựng cơ sở dữ liệu bách khoa về vùng miền và dân tộc. - Thí nghiệm vật liệu; kiểm định công trình; thẩm tra thiết kế, dự toán; khảo sát địa chất, địa hình và giám sát thi công. - Phân tích các chỉ số đất, nước, không khí; lập kế hoạch bảo vệ và đánh giá tác động môi trường (DTM).
12.	Ban Quản lý Ký túc xá, Y tế và An ninh trật tự	1. Chức năng: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng: - Tổ chức, quản lý toàn diện các hoạt động ở, sinh hoạt, học tập và rèn luyện của HSSV tại KTX. - Quản lý các hoạt động dịch vụ phục vụ nội trú và thực hiện thu chi tài chính theo quy định. - Chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh cho người học và cán bộ, nhân viên Nhà trường. - Truyền thông giáo dục sức khỏe; thực hiện phòng chống dịch bệnh; đảm bảo vệ sinh trường học và an toàn thực phẩm. - Quản lý và thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm y tế của HSSV. 2. Nhiệm vụ a) Công tác Quản lý Ký túc xá (KTX) - Thực hiện quản lý nội trú theo quy định của Chính phủ và Nhà trường; lập phương án tiếp nhận, sắp xếp chỗ ở khoa học, văn minh cho HSSV trong và ngoài trường. - Giám sát việc thực hiện nội quy; tổ chức các hoạt động tự quản, nâng cao đời sống tinh thần và đánh giá kết quả rèn luyện nội trú hằng năm. - Duy trì trực 24/24h; phối hợp với công an địa phương bảo vệ an ninh, tài sản và tính mạng HSSV; chủ động thực hiện sửa chữa nhỏ hệ thống điện, nước tại khu nội trú. b) Công tác An ninh trật tự & Bảo vệ tài sản - Xây dựng nội quy, phương án bảo vệ an ninh học đường; đầu mối liên kết với cơ quan công an các cấp để xử lý sự vụ và phấn đấu đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự". - Duy trì trực bảo vệ 24/24h; kiểm soát người, phương tiện, hàng hóa ra vào; hướng dẫn giao thông nội bộ và đậu đỗ xe đúng quy định. - Bảo vệ hiện trường, cấp cứu nạn nhân và báo cáo kịp thời các vụ việc phát sinh; đề xuất xử lý vi phạm nội quy đối với viên chức, người lao động. c). Công tác Y tế trường học

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
		- Quản lý hồ sơ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người học; thực hiện sơ cấp cứu, cấp thuốc và điều trị bệnh thông thường cho viên chức và người học. - Thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh, HIV/AIDS; đảm bảo vệ sinh học đường, an toàn thực phẩm và môi trường sư phạm an toàn. - Đầu mối triển khai Bảo hiểm y tế bắt buộc cho HSSV; tư vấn sức khỏe và phối hợp với cơ sở y tế địa phương thực hiện các chương trình y tế quốc gia.
13.	Khoa Khoa học Tự nhiên	- Tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học sư phạm: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Khoa học tự nhiên; cử nhân Toán học và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ ngành: Toán Giải tích, Phương pháp toán sơ cấp, Lý luận và PPDH BM Toán, Đại số và lý thuyết số, Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, Vật lý chất rắn, Hóa hữu cơ, Động vật học, Thực vật học và các ngành khác khi được Bộ GD&ĐT cho phép. - Tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ các ngành khi đủ điều kiện. - Tham gia giảng dạy, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên phổ thông, các học phần cho các khoa theo điều phối chung của Nhà trường.
14.	Khoa Khoa học xã hội	- Tổ chức thực hiện các CTĐT trình độ đại học sư phạm: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Lịch sử - Địa lý; Quản lý tài nguyên và môi trường, Văn học và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ ngành: Văn học Việt Nam, Lý luận và Phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt, Ngôn ngữ Việt Nam, Lịch sử Việt Nam, Địa lý học và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ ngành: Văn học Việt Nam, Lý luận và Phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt, Lịch sử Việt Nam và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tổ chức thực hiện CTĐT Tiếng Việt cho Lưu học sinh; - Tham gia giảng dạy, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên phổ thông, các học phần cho các khoa theo điều phối chung của Nhà trường.
15.	Khoa Kinh tế	- Tổ chức thực hiện CTĐT trình độ đại học các ngành: Quản trị kinh doanh; Kế toán; Tài chính - Ngân hàng; Kinh tế; Kiểm toán; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị nhân lực và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành: Quản trị kinh doanh; Kế toán; Quản lý kinh tế; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị nhân lực và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Bồi dưỡng và cấp chứng chỉ Kế toán trưởng; Bồi dưỡng kiến thức các chuyên ngành thuộc khối Kinh tế, Kinh doanh - Quản lý theo nhu cầu xã hội; Tư vấn chính sách và tư vấn cho doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức công. - Tham gia giảng dạy các học phần cho các khoa theo điều phối chung của Nhà trường.
16.	Khoa Nông nghiệp và Môi trường	- Tổ chức thực hiện CTĐT trình độ đại học: Khoa học cây trồng, Chăn nuôi-Thú y, Kinh tế nông nghiệp, … và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
		Bộ GD&ĐT. - Tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Khoa học cây trồng và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Khoa học cây trồng và các chuyên ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Tham gia giảng dạy các học phần cho các khoa theo điều phối chung của Nhà trường.
17.	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành: Sư phạm Tin học; cử nhân Công nghệ thông tin, Khoa học vật liệu (Kỹ thuật vi điện tử và công nghệ bán dẫn), Công nghệ truyền thông, Truyền thông đa phương tiện; kỹ sư: Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật điện và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ Khoa học máy tính, Kỹ thuật xây dựng; các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ các chuyên ngành Khoa học máy tính; và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Giảng dạy học phần Công nghệ số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo cho sinh viên toàn trường; tham gia giảng dạy các học phần cho các khoa theo điều phối chung của Nhà trường.
18.	Khoa Văn hóa – Nghệ thuật	- Tổ chức thực hiện CTĐT trình độ trung cấp các ngành: Hội họa, Thanh nhạc, Nhạc cụ phương Tây và Nhạc cụ truyền thống và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tổ chức thực hiện CTĐT trình độ đại học các ngành: Quản lý văn hoá, Sư phạm Mỹ thuật, sư phạm Âm nhạc; Đồ họa, Thông tin – Thư viện, Thiết kế thời trang, Thanh nhạc, và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý văn hóa và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ Quản lý văn hóa và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Đào tạo cấp chứng chỉ sơ cấp Thiết kế Đồ họa, Công nghệ may. - Tham gia giảng dạy, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên phổ thông, các học phần cho các khoa theo điều phối chung của Nhà trường.
19.	Khoa Du lịch	- Tổ chức thực hiện CTĐT trình độ đại học các ngành: Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành, Quản trị khách sạn và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Đào tạo cấp chứng chỉ, chứng nhận kỹ năng, nghiệp vụ ngắn hạn cho nguồn nhân lực du lịch, cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài tỉnh. - Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực cho đội ngũ cán bộ giảng dạy của Khoa. - Tham gia giảng dạy các học phần cho các khoa theo điều phối chung của Nhà trường.
20.	Khoa Ngoại ngữ	- Tổ chức thực hiện CTĐT trình độ đại học sư phạm tiếng Anh, đại học Ngôn ngữ Anh, và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Anh và các ngành khác khi đủ điều

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
		kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Giảng dạy các học phần Tiếng Anh, Ngoại ngữ khác cho các trình độ, hình thức đào tạo không chuyên ngữ trong Trường; - Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo các chuyên ngành sau đại học khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Bồi dưỡng chuyên đề, nâng cao năng lực ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ giáo viên tiếng Anh ở các trường phổ thông; - Tham gia Đề án, Chương trình về giảng dạy Tiếng Anh theo kế hoạch của tỉnh và Bộ GD&ĐT.
21.	Khoa Thể dục thể thao	- Tổ chức thực hiện CTĐT trình độ đại học Quản lý Thể dục, thể thao; Giáo dục thể chất; Huấn luyện thể thao và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Giảng dạy các học phần Giáo dục thể chất cho tất cả các trình độ, hình thức đào tạo không chuyên trong Trường; - Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo các chuyên ngành sau đại học khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tham gia huấn luyện các đội tuyển thể thao của Trường tham gia dự thi các hội thi do cấp trên tổ chức; tham gia các hoạt động thể dục, thể thao theo sự phân công của Nhà trường.
22.	Khoa Lý luận chính trị - Luật	- Tổ chức thực hiện CTĐT trình độ đại học Luật, Luật kinh tế, Chính trị học, Quản lý Nhà nước, và các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý công và các chuyên ngành sau đại học khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Giảng dạy các môn Luật, Lý luận chính trị theo chương trình và kế hoạch của Nhà trường. - Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo các chuyên ngành sau đại học khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT.
23.	Khoa Giáo dục mầm non và tiểu học	- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng các ngành: Giáo dục Mầm non; các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành: Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Mầm non; các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, chuyên viên (hoặc viên chức) thuộc các lĩnh vực: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên, giảng viên; tham gia nâng hạng giáo viên, giảng viên; giảng dạy các học phần cho các khoa theo điều phối chung của Nhà trường. - Xây dựng kế hoạch phát triển, cập nhật chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.
24.	Khoa Tâm lý - Giáo dục	- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành: Tâm lý học, Công tác xã hội các ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý giáo dục và các chuyên ngành khác khi đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ Quản lý giáo dục và các chuyên ngành khác khi

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
		đủ điều kiện theo quy định của Bộ GD&ĐT; - Giảng dạy các học phần thuộc chuyên ngành Tâm lý học, Công tác xã hội, Giáo dục học cho các khoa trong Trường; - Tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, chuyên viên (hoặc viên chức) thuộc các lĩnh vực: Quản lý giáo dục, Tâm lý học, Giáo dục học, Công tác Đội; bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên, giảng viên; bồi dưỡng giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh; tham gia nâng hạng giáo viên, giảng viên. - Tham gia giảng dạy các học phần cho các khoa theo điều phối chung của Nhà trường.
25.	Trường TH, THCS & THPT Hồng Đức	1. Chức năng: - Tổ chức dạy học và giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành; - Tăng cường các kỹ năng trong các môn học cốt lõi; phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua việc tăng cường các kỹ năng về tiếng Anh, công nghệ, tin học, nghệ thuật, thể chất và hoạt động trải nghiệm - sáng tạo. 2. Nhiệm vụ: - Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường gắn với thực tế của địa phương và chiến lược chung của Trường ĐH Hồng Đức. - Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của Trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành; phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức, cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục. - Tuyển sinh, tiếp nhận, giáo dục, đào tạo, quản lý và chăm sóc học sinh theo quy định của các cấp có thẩm quyền. Tổ chức các hoạt động xã hội cho giáo viên và học sinh. - Quản lý đội ngũ nhân sự, tài chính và cơ sở vật chất; huy động các nguồn lực hợp pháp để phục vụ hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật và Nhà trường. - Phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng kế hoạch và tổ chức hướng dẫn kiến tập, thực tập sư phạm cho sinh viên; - Báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định và yêu cầu của các cơ quan quản lý.
26.	Trường Mầm non thực hành	1. Chức năng: Tổ chức thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 18 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi; là cơ sở thực hành sư phạm cho sinh viên khoa Giáo dục. 2. Nhiệm vụ: - Tổ chức nuôi dưỡng, giáo dục trẻ từ 18 - 72 tháng tuổi theo chương trình của Bộ GD&ĐT. - Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; tiếp nhận giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật và trẻ có hoàn cảnh khó khăn. - Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chính trị, đạo đức và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên và người lao động; - Chủ động phối hợp với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc trẻ; tổ chức các hoạt động cộng đồng cho giáo viên và học sinh; - Phối hợp với các phòng, khoa chuyên môn của Trường Đại học Hồng Đức để xây dựng kế hoạch và hướng dẫn thực hành, thực tập cho sinh viên ngành Giáo

STT	Tên đơn vị	Chức năng, nhiệm vụ
		dục mầm non - Quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính và cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và báo cáo định kỳ theo quy định - Tham mưu mở các lớp năng khiếu và dịch vụ giáo dục đáp ứng nhu cầu xã hội, phù hợp với năng lực của Nhà trường và quy định pháp luật.
27.	Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	1. Chức năng: Đào tạo môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, kỹ năng quân sự cho các đối tượng theo quy định của pháp luật. 2. Nhiệm vụ: - Tổ chức giảng dạy môn học GDQP&AN; quản lý sinh viên ăn, ở, sinh hoạt tập trung theo nếp sống quân sự. Giáo dục lòng yêu nước, kỹ năng sống và ý thức pháp luật; thông báo kết quả rèn luyện cho các đơn vị liên kết; - Chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch liên kết đào tạo GDQP&AN với các trường Cao đẳng, Đại học theo quyết định của Bộ Quốc phòng; - Nghiên cứu khoa học; biên soạn giáo trình, tài liệu chuyên ngành; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý; - Thực hiện in, cấp chứng chỉ GDQP&AN và giấy chứng nhận bồi dưỡng kiến thức QPAN; tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường về công tác quân sự - quốc phòng; - Đảm bảo quyền lợi cho cán bộ, giảng viên và người lao động; ban hành nội quy hoạt động; thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định.

PHỤ LỤC 11. DỰ KIẾN QUY MÔ ĐÀO TẠO SAU KHI SÁP NHẬP

1. Trình độ tiến sĩ

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Văn học Việt Nam	36-48	2	3	4	5	6
2	Lịch sử Việt Nam	36-48	2	3	4	5	6
3	Lý luận và PPDH BM Văn - TV	36-48	5	6	7	8	9
4	Khoa học cây trồng	36-48	2	3	4	5	6
5	Khoa học máy tính	36-48	4	5	6	7	8
6	Quản trị kinh doanh	36-48	10	12	14	16	18
7	Quản lý giáo dục	36-48	10	12	14	16	18
8	Quản lý văn hóa	36-48	10	12	14	16	18
	TỔNG CỘNG		**45**	**56**	**67**	**78**	**89**

2. Trình độ thạc sĩ

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Toán giải tích	18-24	20	22	24	26	29
2	Đại số và lý thuyết số	18-24	15	17	19	21	23
3	Phương pháp toán sơ cấp	18-24	25	28	31	34	37
4	Lý luận và PPDH BM Toán	18-24	25	28	31	34	37
5	Vật lý lý thuyết và Vật lý toán	18-24	10	11	12	13	14
6	Vật lý chất rắn	18-24	10	11	12	13	14
7	Hóa hữu cơ	18-24	10	11	12	13	14
8	Thực vật học	18-24	10	11	12	13	14
9	Động vật học	18-24	10	11	12	13	14
10	Ngôn ngữ Việt Nam	18-24	15	17	19	21	23
11	Văn học Việt Nam	18-24	15	17	19	21	23
12	Lịch sử Việt Nam	18-24	10	11	12	13	14
13	Địa lý học	18-24	10	11	12	13	14
14	Lý luận và PPDH BM Văn -TV	18-24	25	28	31	34	37
15	Khoa học cây trồng	18-24	15	17	19	21	13
16	Khoa học máy tính	18-24	25	28	31	34	37

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			2026	2027	2028	2029	2030
17	Quản lý giáo dục	18-24	100	110	121	133	146
18	Quản trị kinh doanh	18-24	60	66	73	80	88
19	Quản lý kinh tế	18-24	100	110	121	133	146
20	Kế toán	18-24	50	55	61	67	74
21	Tài chính - Ngân hàng	18-24	20	22	24	26	29
22	Kỹ thuật xây dựng	18-24	15	17	19	21	23
23	Quản lý công	18-24	20	22	24	26	29
24	Quản lý văn hóa	18-24	20	22	24	26	29
25	Ngôn ngữ Anh	18-24	25	28	31	34	37
	Tổng cộng		**660**	**731**	**806**	**883**	**958**

3. Trình độ đại học (tất cả các hình thức: CQ, LT, VLVH)

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Giáo dục Mầm non	4 năm	500	510	520	530	540
2	Giáo dục Tiểu học	4 năm	700	710	720	730	740
3	Giáo dục Thể chất	4 năm	100	110	120	130	140
4	Sư phạm Toán học	4 năm	200	210	220	230	240
5	Sư phạm Vật lý	4 năm	80	90	100	110	120
6	Sư phạm Hóa học	4 năm	80	90	100	110	120
7	Sư phạm Sinh học	4 năm	80	90	100	110	120
8	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	4 năm	120	130	140	150	160
9	Sư phạm Tin học	4 năm	120	130	140	150	160
10	Sư phạm Ngữ văn	4 năm	180	190	200	210	220
11	Sư phạm Lịch sử	4 năm	80	90	100	110	120
12	Sư phạm Địa lý	4 năm	80	90	100	110	120
13	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	4 năm	80	90	100	110	120
14	Sư phạm Tiếng Anh	4 năm	250	260	270	280	290
15	Sư phạm Âm nhạc	4 năm	80	90	100	110	120
16	Sư phạm Mỹ thuật	4 năm	80	90	100	110	120

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			2026	2027	2028	2029	2030
17	Toán học	4 năm	100	110	120	130	140
18	Văn học	4 năm	100	110	120	130	140
19	Công tác xã hội	4 năm	80	90	100	110	120
20	Tâm lý học	4 năm	180	190	200	210	220
21	Ngôn ngữ Anh	4 năm	500	510	520	530	540
22	Quản trị kinh doanh	4 năm	250	260	270	280	290
23	Tài chính-Ngân hàng	4 năm	150	160	170	180	190
24	Kế toán	4 năm	500	510	520	530	540
25	Kiểm toán	4 năm	80	90	100	110	120
26	Kinh tế	4 năm	80	90	100	110	120
27	Logistics và quản lý chuỗi cung	4 năm	120	130	140	150	160
28	Quản trị nhân lực	4 năm	80	90	100	110	120
29	Luật	4 năm	300	310	320	330	340
30	Luật kinh tế	4 năm	80	90	100	110	120
31	Chính trị học	4 năm	80	90	100	110	120
32	Quản lý nhà nước	4 năm	80	90	100	110	120
33	Công nghệ thông tin	4 năm	250	260	270	280	290
34	Kỹ thuật điện	4,5 năm	100	110	120	130	140
35	Kỹ thuật xây dựng	4,5 năm	100	110	120	130	140
36	Công nghệ vi mạch bán dẫn	4 năm	90	100	110	120	130
37	Truyền thông đa phương tiện	4 năm	130	140	150	160	170
38	Công nghệ truyền thông	4 năm	80	90	100	110	120
39	Chăn nuôi-Thú y	4 năm	100	110	120	130	140
40	Khoa học cây trồng	4 năm	80	90	100	110	120
41	Kinh tế nông nghiệp	4 năm	80	90	100	110	120
42	Quản lý đất đai	4 năm	80	90	100	110	120
43	Du lịch	4 năm	100	110	120	130	140
44	Quản trị khách sạn	4 năm	80	90	100	110	120
45	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4 năm	80	90	100	110	120
46	Huấn luyện thể thao	4 năm	100	110	120	130	140

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			2026	2027	2028	2029	2030
47	Quản lý thể dục thể thao	4 năm	80	90	100	110	120
48	Thanh nhạc	4 năm	80	90	100	110	120
49	Thiết kế thời trang	4 năm	50	60	70	80	90
50	Đồ họa	4 năm	50	60	70	80	90
51	Thông tin – thư viện	4 năm	150	160	170	180	190
52	Quản lý văn hóa	4 năm	100	110	120	130	140
	TỔNG CỘNG		**7530**	**8050**	**8570**	**9090**	**9610**

4. Trình độ trung cấp

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Thanh nhạc	2 năm	50	50	50	50	50
2	Biểu diễn nhạc cụ phương tây	2 năm	50	50	50	50	50
3	Đồ họa	2 năm	50	50	50	50	50
	Tổng cộng		**150**	**150**	**150**	**150**	**150**